

Balzac Và Cô Bé Thợ May Trung Hoa

Contents

Balzac Và Cô Bé Thợ May Trung Hoa	1
1. Chương 1	1
2. Chương 2	8
3. Chương 3	15
4. Chương 4	22
5. Chương 5	31
6. Chương 6	37
7. Chương 7	53
8. Chương 8	61

Balzac Và Cô Bé Thợ May Trung Hoa



Giới thiệu

Truyện Balzac Và Cô Bé Thợ May Trung Hoa, chuyện nói về một ngôi làng nọ có hai hai thiếu niên

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/balzac-va-co-be-tho-may-trung-hoa>

1. Chương 1

Trưởng làng khoảng năm mươi, ngồi khoanh chân giữa phòng, cạnh đồng than cháy trong lò sưởi lốm xướng nền nhà, ông đang xem xét cây vĩ cầm của tôi. Trong số những vật sở hữu hai “thiếu niên thành phố” mang đến ngôi làng miền núi này - họ nhìn Lạc và tôi như thế - cây vĩ cầm là món duy nhất toát vẻ ngoại lai, vẻ văn minh, và do đó đáng ngờ.

Một nông dân cầm đèn dầu tiến tới để nhận dạng vật lạ. Trưởng làng giơ thẳng cây vĩ cầm, nhìn sẫm soi trong thùng đàn tối, như nhân viên quan thuế nhiều sự tìm ma túy. Tôi thấy mắt trái ông có ba đốm máu, một đốm lớn và hai đốm nhỏ, cùng một sắc đỏ tươi.

Nâng cây vĩ cầm lên ngang tầm mắt, ông lắc nó, như tin chắc sẽ có vật gì trong lỗ âm thanh rơi ra. Ông xét hăng tới nỗi tôi sợ đứt dây đàn.

Hầu như cả làng đến ngôi nhà sàn trên núi để chứng kiến thiếu niên thành phố tới. Đàn ông, đàn bà và trẻ con nhung nhúc trong căn phòng chật cứng, bám vào cửa sổ, chen lấn nơi cửa ra vào. Không có gì trong cây vĩ cầm của tôi rơi ra, trưởng làng dí mũi vào lỗ âm thanh hít mạnh một hơi dài. Vài sợi lông cứng bên mũi trái thò ra rung nhẹ.

Vẫn chẳng có manh mối gì.

Ông vuốt đầu ngón tay chai sần trên một dây đàn, rồi dây khác... Tiếng vang kỳ lạ khiến đám đông sững lại như thể âm thanh đã gây được sự kính nể nào đó.

Trưởng làng long trọng nói:

“Đồ chơi.”

Phán quyết này khiến chúng tôi cứng họng. Lạc và tôi liếc trộm nhau bồn chồn. Sự thể không khá.

Một nông dân nhận “đồ chơi” từ tay trưởng làng, nắm lấy cây vĩ cầm, rồi đưa cho người kế cận. Cây vĩ cầm của tôi chuyển qua đám đông một lúc, và chẳng ai để ý đến chúng tôi - hai thiếu niên thành phố yếu đuối, gầy gò, mệt mỏi và tức cười. Cả ngày chúng tôi lặn lội qua rừng núi, áo quần, mặt mũi, tóc tai bết bùn đất. Trông chúng tôi như bọn lính phản động thảm hại trong phim tuyên truyền sau khi bị đám công nhân nông nghiệp cộng sản bắt giữ.

Một bà khàn khàn bình phẩm:

“Đồ chơi vớ vẩn.”

Trưởng làng chỉnh bà:

“Không phải, đồ chơi tư sản.”

Tôi lạnh tới xương mặc dù lửa sáng rực giữa phòng. Trưởng làng nói tiếp:

“Đồ chơi thành phố, thôi, đốt nó đi!”

Lệnh ông kích động đám đông. Mọi người đồng loạt lên tiếng, la hét và vói lấy món đồ chơi để được vinh hạnh ném nó vào đống than.

Lạc nói, cố lấy vẻ hững hờ:

“Thưa đồng chí, đó là nhạc cụ, và bạn cháu đây là một nhạc công khá. Thật đấy.”

Trưởng làng bảo mang cây vĩ cầm đến soát một lần nữa, rồi đưa tôi. Tôi lúng túng nói:

“Xin lỗi đồng chí, cháu không khá lắm.”

Tôi thấy Lạc lén nháy mắt. Bối rối, tôi nhận cây đàn và bắt đầu lên dây. Lạc tuyên bố, vẫn ung dung như trước:

“Đồng chí sắp nghe là bản sonata của Mozart.”

Tôi chết lặng người. Nó điên hay sao? Tất cả nhạc của Mozart, hay thật ra của bất cứ nhạc sĩ phương tây nào khác đều bị cấm từ lâu. Chân tôi biến thành nước đá trong đôi giày ướt sũng. Tôi run rẩy, cái lạnh bầu chặt lấy tôi.

Trưởng làng ngờ vực hỏi:

“Sonata là cái gì?”

Tôi ngập ngừng:

“Cháu không biết. Tiếng tây phương.”

“Bài hát à?”

Tôi nói lảng:

“Gần như vậy.”

Ngay lập tức con người cộng sản cảnh giác lại xuất hiện trong cặp mắt trưởng làng, giọng ông đổi sang thù nghịch:

“Tên bài hát này của mày là gì?”

“À, giống như bài hát, nhưng thật ra là bản sonata ”

Ông ngắt lời, trừng mắt nhìn tôi:

“Tao hỏi tên là gì!”

Một lần nữa tôi lại sợ ba đốm máu trong mắt trái ông. Tôi lẩm bầm:

“Mozart...”

“Mozart cái gì?”

Lạc chen vào:

“Mozart Tưởng Nhớ Mao Chủ Tịch.”

Đồ cả gan! Nhưng được việc: trưởng làng như nghe được phép lạ, vẻ nhìn đe dọa. của ông dịu lại. Ông sung sướng cười tít mắt. Ông nói:

“Mozart lúc nào cũng tưởng nhớ đến Mao chủ tịch.”

Lạc tán đồng:

“Đúng vậy, lúc nào cũng nhớ.”

Tiếng hoan hô bật lên khi tôi siết dây cung, nhưng tôi vẫn lợ Tuy nhiên, khi các ngón tay sừng vù chạy trên dây đàn, dòng nhạc Mozart tràn về như bao nhiêu người bạn trung thành. Khuôn mặt nông dân mấy phút trước còn dữ tợn đã dịu lại dưới tiếng nhạc trong sáng của Mozart, như mặt đất khô nẻ dưới cơn mưa, và trong ánh bập bùng của ngọn đèn dầu, họ nhòa đi thành một.

Tôi đàn một lát. Lạc đốt thuốc, lặng lẽ hút như người lớn.

Chúng tôi ném mùi cải tạo đầu tiên như thế. Lạc mười tám tuổi, tôi mười bảy.

*

Vài lời về học tập cải tạo: cuối năm 1968, Người Thuyền Trưởng Vĩ Đại của Cách mạng Trung Hoa, Mao chủ tịch, phát động một chiến dịch làm biến đổi đất nước tận gốc rễ. Đại học đóng cửa, tất cả “trí thức trẻ”, nghĩa là bọn con trai con gái tốt nghiệp trung học, bị đưa về thôn quê để được “cải tạo bởi bản nông”. (Vài năm sau tư tưởng không tiền khoáng hậu này gây cảm hứng cho một nhà cách mạng khác ở Á châu, lần này là Cam Bốt, để thực hiện một kế hoạch thậm chí tham vọng và triệt để hơn: ông ta đẩy toàn bộ dân thủ đô, già cũng như trẻ, “về nông thôn”).

Không ai rõ lý do thật đằng sau quyết định của Mao Trạch Đông. Có phải là thủ đoạn gạt bỏ Vệ binh Đỏ đang tuột khỏi vòng kiểm soát của ông? Hay là ảo tưởng của một nhà cách mạng hoang tưởng vĩ đại muốn tạo một thể hệ mới? Không ai biết động cơ thực của ông. Hồi đó Lạc và tôi thường bí mật bàn bạc như hai kẻ âm mưu. Chúng tôi kết luận rằng tất cả chỉ vì Mao ghét giới trí thức.

Chúng tôi không phải là kẻ đầu tiên bị dùng làm vật thí nghiệm trong cuộc thí nghiệm vĩ đại bằng người này, cũng chẳng phải là kẻ cuối cùng. Đầu năm 1971, chúng tôi đến ngôi làng ở xó núi, và tôi chơi vĩ cầm cho trưởng làng. So với bạn đồng lứa, chúng tôi không đến nổi tệ lắm. Hàng triệu thanh niên đã đi trước, và hàng triệu sẽ theo sau. Nhưng hoàn cảnh chúng tôi thật mỉa mai, vì cả Lạc và tôi chưa đứa nào xong trung học. Chúng tôi chưa được may mắn theo học ở một trường cấp cao. Khi bị gửi lên miền núi như tiểu trí thức, chúng tôi mới có ba năm cấp hai theo luật định.

Khó mà thấy làm sao hai đứa tôi có thể đủ tư cách là trí thức, trong hoàn cảnh kiến thức chúng tôi học được ở trường cấp hai là số không. Giữa tuổi mười hai và mười bốn, chúng tôi phải đợi Cách mạng Văn hoá lắng xuống trước khi trường mở cửa lại. Và rồi cuộc khi được nhập học, chúng tôi cay đắng thất vọng: môn toán bị loại khỏi giáo trình, cũng như vật lý và hoá học. Từ đó, các bài học giới hạn vào những khái niệm cơ bản về kỹ nghệ và nông nghiệp. Bìa sách giáo khoa vẽ hình công nhân, cánh tay to như Sylvester Stallone, đội mũ kết và vung cây búa khổng lồ. Bên cạnh là chị nông dân, hay đúng hơn, một đảng viên Cộng sản trong lớp vỏ chị nông dân, đội khăn đỏ (theo câu nói đùa tục tĩu trong bọn học trò chúng tôi, chị thắt khăn vệ sinh quanh đầu). Trong nhiều năm, các cuốn sách giáo khoa đó và Sách Đỏ của Mao là nguồn kiến thức duy nhất của chúng tôi. Mọi sách khác đều bị cấm.

Thoạt tiên, chúng tôi không được nhận vào trung học, rồi vai trò trí thức trẻ khoác lên chúng tôi, vì lý do cha mẹ bị dán nhãn hiệu “kẻ thù trong nhân dân”.

Cha mẹ tôi là bác sĩ. Cha tôi chuyên về phổi, mẹ tôi là cố vấn về bệnh ký sinh trùng. Cả hai làm việc tại bệnh viện ở Thành Đô, một thành phố có bốn triệu dân. Tội của họ là “chuyên gia khoa học thoái tha”, tiếng tăm khiêm nhường ở cấp tỉnh. Thành Đô là thủ phủ của Tứ Xuyên, một tỉnh có dân số một trăm triệu. Xa Bắc Kinh, nhưng rất gần Tây Tạng.

So với cha mẹ tôi, cha Lạc là một nhà sĩ nổi tiếng khắp Trung quốc, một danh nhân thực sự. Một hôm, trước khi Cách mạng Văn hoá, ông kể cho sinh viên rằng ông đã chữa rằng Mao Trạch Đông cũng như bà Mao và Tưởng Giới Thạch, tổng thống nền Cộng hoà trước khi Cộng sản tiếp quản. Có kẻ bao nhiêu năm ngấm chân dung Mao mỗi ngày, để ý rằng ông rất ó, nếu không nói là vàng, nhưng chẳng ai nói ra. Nhưng đây là một nhà sĩ xuất sắc, công khai nói Người Thuyền Trưởng Vĩ Đại của Cách mạng trông rằng giả, khôi khôi như thế. Không thể tin nổi, một tội ác điên rồ không thể tha thứ, tệ hơn tiết lộ bí mật quốc gia. Nặng tội hơn nữa là đã dám nhắc tên Mao và vợ Ông cùng một hơi với thứ cặn bã tệ hại nhất trên trái đất: Tưởng Giới Thạch.

Gia đình Lạc sống nhiều năm trong căn chung cư cạnh chúng tôi, trên tầng ba và sân thượng một toà nhà gạch. Lạc là con thứ năm của ba nó, và là con duy nhất của mẹ nó.

Tôi không nói quá khi bảo rằng Lạc là bạn thân nhất của mình. Chúng tôi cùng lớn lên, cùng chia sẻ mọi kinh nghiệm, thường là khó khăn. Chúng tôi ít khi cãi nhau.

Tôi không bao giờ quên một lần chúng tôi ẩu đả, hay đúng hơn lần nó đánh tôi hè năm 1968. Nó mười lăm, tôi vừa lên mười bốn. Chiều hôm đó có mít tinh lớn ở sân thể thao của bệnh viện nơi cha mẹ chúng tôi làm việc. Cả hai đứa đều biết cha Lạc là đối tượng của cuộc biểu tình, một buổi đấu tố công khai nữa đang đợi ông. Gần năm giờ chưa ai về, Lạc rủ tôi cùng đi với nó tới bệnh viện.

Nó nói:

“Mình sẽ ghi xuống mọi đứa tố giác hay đánh ba tao, để khi lớn lên mình sẽ trả thù.”

Sân vận động nhấp nhô đầu đen. Hôm đó rất nóng. Loa phóng thanh oang oang. Cha Lạc đang bò trước khán đài. Một phiên xi măng lớn đeo quanh cổ bằng sợi dây thép cắt sâu vào da, ghi tên và tội của ông: **PHẢN ĐỘNG**.

Thậm chí từ chỗ đứng cách ba mươi thước, tôi có thể thấy mồ hôi trán ông nhỏ xuống thành đốm đen trên mặt đất.

Một giọng nam gầm lên trong loa:

“Hãy thú nhận là mày đã ngủ với y tá!”

Cha Lạc gục đầu, thấp tới nỗi mặt ông như chôn trong phiên xi măng. Micro dí vào miệng ông, một tiếng “có” yếu ớt run rẩy phát ra.

Giọng kẻ tra khảo quát lên trong loa:

“Kể cho rõ! Ai khởi sự?”

“Tôi.”

“Rồi gì nữa?”

Vài giây im lặng. Rồi cả đám đông đồng thanh hét lên:

“Rồi gì nữa?”

Tiếng hét của hai ngàn người, như tiếng sấm nổ trên đầu chúng tôi. Cha Lạc thú nhận:

“Tôi khởi sự...”

“Rồi sao! Kể chi tiết!”

“Nhưng vừa sờ tới cô ấy, tôi... mờ mịt.”

Chúng tôi về khi đám đông cuồng tín tiếp tục màn tra khảo tập thể. Trên đường về, bất chợt tôi thấy nước mắt tràn xuống má, và hiểu rằng mình mến ông nhà sĩ biết bao.

Ngay lúc đó, không nói một lời, Lạc nắm tôi. Tôi sưng sốt tới nỗi gần mất thăng bằng.

*

Năm 1971, hai chúng tôi - một đứa là con của chuyên gia về phổi, đứa kia là con của kẻ thù giai cấp lừng danh vì đã được đặc ân đựng tới rằng Mao chủ tịch - không khác lắm với hơn trăm đứa “trí thức trẻ” bị đày tới vùng núi có tên Phụng Hoàng. Cái tên là một cách nên thơ cho biết độ cao kinh khủng của nó. Lũ se se tới tàn và loài chim tầm thường của đồng bằng chẳng bao giờ bay nổi lên đỉnh núi, vì đó là nơi giành riêng cho loài có cánh trời: hùng dũng, thần thoại và vô cùng đơn độc.

Không có đường lên núi, chỉ một lối đi hẹp len lỏi dốc qua những vách đá lớn hiểm trở. Muốn thấy xe hơi, tiếng còi xe, hơi thức ăn nhà hàng, thật ra bất kỳ dấu hiệu văn minh nào, phải lặn lội hai ngày qua vùng núi lởm chởm. Sau một trăm cây số sẽ tới bờ sông Nhã và thị trấn nhỏ tên Vĩnh Kính. Người phương tây duy nhất từng đặt chân đến đó là nhà truyền giáo Pháp, cha Michel, khi thử tìm đường khác đến Tây Tạng hồi thập niên 1940.

Tu sĩ dòng Tên chép trong sổ tay của ông: “Huyện Vĩnh Kính không thiếu hấp dẫn. Một ngọn núi, tên địa phương là Phụng Hoàng, rất đáng chú ý. Nổi tiếng nhờ đồng, từ cổ xưa đã được khai thác để đúc tiền, thiên hạ nói một hoàng đế nhà Hán tặng ngọn núi cho sủng thần của ông, vốn là một trong các trưởng thái giám trong cung. Nhìn lên sườn dốc chóng mặt quanh mình, tôi chỉ nhận ra một lối mòn từ khe vực mở lên tới tận trời, rồi dường như tan vào sương mù. Tôi thấy một toán cu li đang xuống lối đó, gồng gánh như bầy thú với những sọt đồng lớn buộc lên lưng. Nghe nói sản xuất đồng đã giảm từ nhiều năm nay, chủ yếu vì vận chuyển khó khăn. Hiện nay, điều kiện địa lý núi non khác thường đã khiến dân địa phương trồng thuốc phiện. Người ta khuyên đừng lên, vì dân trồng á phiện đều có vũ khí. Sau khi thu hoạch, họ để thì giờ tấn công bất cứ ai tạt ngang. Vì thế tôi đành từ xa quan sát vùng đất hoang dã và vắng vẻ, có đại thụ rậm rạp che phủ, dây leo chằng chịt và thảo mộc xum xuê khiến ta nghĩ sẽ gặp cướp trong bóng râm nhảy ra bất cứ lúc nào”.

Phụng Hoàng gồm khoảng hai mươi làng rải rác dọc lối mòn độc đạo quanh co, hoặc ẩn sâu trong các thung lũng âm ỉ Bình thường, mỗi làng nhận năm hay sáu thiếu niên thành thị. Nhưng làng tôi tít trên đỉnh và nghèo nhất, chỉ có thể nhận hai: Lạc và tôi. Bọn tôi được xếp chỗ ở ngay trong căn nhà sàn, nơi trưởng làng đã kiểm tra cây vĩ cầm của tôi. Ngôi nhà này là tài sản của làng, và không xây để ở. Bên dưới, giữa cột gỗ chống sàn, là chuồng heo nhốt một con heo nái lớn mập mạp - cũng là tài sản chung. Khung nhà làm bằng ván thô, tường không sơn và lộ rầm, giồng kho chứa bắp, gạo và dụng cụ cần sửa chữa hơn. Nó cũng là chỗ hẹn hò lý tưởng cho các cặp ngoại tình.

Suốt những năm cải tạo của chúng tôi, ngôi nhà sàn vẫn hầu như hoàn toàn không có đồ đạc. Thậm chí không bàn ghế, chỉ có hai cái giường tạm đẩy sát tường, trong một gian nhỏ không cửa sổ.

Tuy nhiên, nhà chúng tôi chẳng bao lâu trở thành tâm điểm của làng, nhờ một con phụng hoàng khác, một tiểu bản gần như tí hon và rất trần tục, chủ nó là Lạc bạn tôi.

*

Thật ra, nó không hẳn phụng hoàng mà là con gà trống tự đắc, lông như lông công, lông lánh màu lục điểm mấy vết xanh thẫm. Dưới lớp kính bụi mờ của cái đồng hồ báo thức của Lạc, cái mỏ nhọn đen như mun của nó mổ nền nhà vô hình, trong khi kim giây chậm chậm bò quanh mặt đồng hồ. Rồi nó ngừng đầu, ngoác mỏ, rũ lông, hài lòng thấy rõ, thoa? mần với những hạt gạo tưởng tượng.

Cái đồng hồ tí hon, hiển nhiên nhờ nhỏ đã thoát sự chú ý của trưởng làng hôm chúng tôi đến. Nó vừa với lòng bàn tay, và phát tiếng leng keng duyên dáng khi chuông báo thức.

Trước khi chúng tôi đến, trong làng chưa bao giờ có đồng hồ báo thức, thật ra chẳng có cái đồng hồ nào. Người ta xem giờ bằng mặt trời lên xuống.

Chúng tôi ngạc nhiên thấy cái đồng hồ báo thức đã gợi trí tưởng tượng của nông dân như thế. Nó hầu như trở thành một vật đáng kính. Mọi người đến thỉnh giáo đồng hồ, như thể căn nhà sàn của chúng tôi là ngôi đền. Mỗi sáng đều cùng một nghi lễ: trưởng làng đi tới lui, hút điếu cày dài như khẩu súng trường kiểu cổ, mắt không rời cái đồng hồ. Đúng chín giờ, ông sẽ rút một hồi còi điếc tai gọi dân làng ra ruộng.

Ông hét, nhắm vào các căn nhà chung quanh:

“Tối giờ! Nghe không? Tối giờ nhắc lưng lên, quân lười biếng, đồ bò thiến đẻ! Tụi bay đợi gì nữa?”

Lạc và tôi chẳng đứa nào hăng hái với lao động cường bách trên ngọn núi có những lối đi khúc khuỷu lên cao mãi đến khi khuất trong mây, những lối đi thậm chí không đủ rộng cho xe cút kít, vì thế thân người là phương tiện vận chuyển duy nhất.

Chúng tôi sợ nhất phải mang thùng phân trên lưng. Thùng gỗ hình bán trụ, làm để chuyên mang mọi loại phế thải của người và thú. Mỗi ngày chúng tôi phải đổ đầy phân và nước vào “thùng lưng”, vác lên vai và leo lên sườn núi tới cánh đồng, nhiều chỗ trên độ cao chói mắt. Mỗi bước chúng tôi đều nghe tiếng nước thải lôm bôm trong thùng ngay sau tai mình. Chết sền sệt thấm qua nắp, nhỏ xuống thân chúng tôi đến khi ướt đầm. Bận đọc thân mền, tôi sẽ không kể chi tiết mỗi bước chân loạng choạng, chỉ nói rằng mỗi sẩy chân là một tai họa. chết người.

Một hôm chúng tôi thức dậy, nghĩ đến những thùng lưng đợi mình cũng đủ nản tới mức không ngồi lên nổi. Khi nghe bước chân trưởng làng tới gần, chúng tôi vẫn nằm trong giường. Gần chín giờ, nhìn con gà trống đầy trách nhiệm mổ thóc, Lạc động não: ngón út nó xoay kim đồng hồ ngược lại một giờ. Chúng tôi quay về giường để hưởng thú nằm nướng, càng thú hơn khi biết trưởng làng đang đi tới lui, hút điếu cày bên ngoài. Trò táo bạo đã giúp dần nổi uất ức của chúng tôi đối với những kẻ ngày xưa trồng thuốc phiện, nay được chế độ cộng sản cải sang “bền nông” đang chịu trách nhiệm cải tạo chúng tôi.

Sau buổi sáng lịch sử đó, chúng tôi có thói quen điều chỉnh giờ trên đồng hồ báo thức. Hoàn toàn tùy theo chúng tôi cảm thấy thế nào, cả thể xác lẫn tinh thần. Đôi khi, thay vì xoay ngược đồng hồ, chúng tôi vặn lên một hay hai giờ để sớm xong ngày làm việc.

Cuối cùng chúng tôi vặn kim đồng hồ nhiều lần tới nỗi không còn biết giờ thực nữa.

*

Núi Phụng Hoàng hay mưa. Hầu như cứ ba ngày có hai ngày mưa. Hiếm khi bão hay mưa tầm tã, thay vào đó mưa phùn đều đều, âm ỉ dường như không dứt. Các đỉnh núi và vực thẳm quanh căn nhà sàn của chúng tôi liên miên che phủ trong chướng khí dày đặc. Bức toàn cảnh hư ảo khiến chúng tôi nản. Khí ẩm triền miên trong căn chòi và ẩm thấp ngột ngạt giữa các bức tường tẻ hơn sống trong hầm.

Đôi khi Lạc mất ngủ. Nó ngồi dậy, thắp đèn dầu, và bò dưới gầm giường tìm đầu thuốc lá còn quên đâu đó. Từ bóng tối ngoi lên lại, nó ngồi khoanh chân trên giường và chất đồng đầu thuốc ẩm ướt trên mẩu giấy (thường là lá thư quý giá của gia đình nó) và hong khô trên ngọn đèn dầu. Rồi nó gom những sợi thuốc, chính xác như thợ đồng hồ, không mất một sợi nào. Sau khi quấn xong thuốc, nó tắt đèn và ngồi hút trong bóng tối, nghe tiếng đêm yên lặng chỉ có tiếng ừ ừ nghiền nghiền của con heo nái đang đứng chôn chân trong vũng bùn bên dưới.

Thỉnh thoảng mưa kéo dài nhiều ngày không dứt, và thiếu thuốc càng lúc càng trở nên khó chịu. Một lần Lạc thức tới dậy nửa đêm.

“Tao tìm không ra đầu thuốc nào.”

“Thì sao?”

“Tao xuống tinh thần. Sao mày không chơi vĩ cầm đi?”

Tôi làm theo lời nó. Vừa buồn ngủ vừa nâng cây vĩ lên, bỗng nhiên tôi nghĩ về bố mẹ nó và tôi: phải chi bố mẹ thấy ánh đèn dầu heo hắt trong căn nhà sàn, phải chi bố mẹ nghe nhạc điệu tiếng vĩ cầm của tôi giữa tiếng heo nái ừ ừ... Nhưng chẳng có ai nghe. Ngay cả một dân làng. Láng giềng gần nhất của chúng tôi ở xa ít nhất một trăm thước.

Bên ngoài trời mưa. Không phải cơn mưa phùn thường lệ, mà là trận mưa như trút gõ lên mái ngói. Chẳng trách khiến Lạc buồn thêm: chúng tôi tưởng như mình phải chịu đựng đầy cả đời. Bình thường con cái gia đình trung bình, công nhân hay trí thức cách mạng, miễn là tránh xa rắc rối, có thể bảo đảm sẽ được đoàn tụ với gia đình sau chỉ hai năm cải tạo. Đó là đường lối chính thức của Đảng. Nhưng với con cái các gia đình bị liệt vào loại kẻ thù nhân dân, cơ hội về cực nhỏ: ba phần ngàn. Theo thống kê, Lạc và tôi thuộc loại vô vọng. Chúng tôi thấy một viễn ảnh buồn nản, già hói trong căn nhà sàn, và chết ở đó nữa, sau đó chúng tôi sẽ được bọc trong vải liệm trắng theo phong tục của vùng. Có rất nhiều lý do để chán ngán và mất ngủ.

Tối hôm đó, tôi chơi một đoạn của Mozart, vài khúc của Brahms, và cuối cùng bản sonata của Beethoven, nhưng dù vậy vẫn không làm bạn tôi phấn chấn.

Nó nói:

“Thử bài gì khác đi?”

“Có ý kiến gì không?”

“Cái gì vui hơn.”

Tôi ngẫm nghĩ, lục hết vốn nhạc phẩm ít ỏi trong đầu của mình, nhưng không tìm được gì.

Lạc bắt đầu ngân nga một điệu cách mạng. Nó hỏi:

“Mày thấy sao?”

“Mê mẩn.”

Tôi lập tức đệm vĩ cầm theo. Bài hát Tây Tạng đặt lại lời Hoa để biến thành bài ca ngợi Mao chủ tịch. Nhưng cải biên lời ca không làm hỏng khúc hát lắm: vẫn nâng cao tinh thần. Hào hứng, Lạc bỏ lên và bắt đầu nhảy tưng tưng trên giường, theo tiếng mưa tí tách đều đều nhỏ qua mái ngói vỡ.

“Ba phần ngàn”, óc tôi thoáng nghĩ mình có ba phần ngàn cơ hội, và tên nghiện thuốc u sầu của chúng tôi đang đội lốt diễn viên múa còn ít cơ hội hơn. Có lẽ một ngày nào đó tôi sẽ là một tay vĩ cầm tài năng. Một ủy ban tuyên truyền khiêm tốn của địa phương hay vùng - trong huyện Vĩnh Kính chẳng hạn - mở cửa nhận tôi, và thậm chí có thể thuê tôi kéo bản hoà tấu Đỏ cho vĩ cầm. Nhưng tôi nhớ Lạc không biết chơi vĩ cầm, và nó cũng chẳng giỏi môn bóng rổ hay bóng đá. Thật ra nó không có một tài mọn nào có thể giúp nó trở thành một trong ba phần ngàn. Thậm chí nó không thể mơ tới.

Điều duy nhất Lạc thật sự giỏi là kể chuyện. Một tài năng đáng mến, nhưng ngoài lề, không mấy tương lai. Con người hiện đại đã vượt qua thời Ngàn Lẽ Một Đêm, và xã hội tân tiến khắp nơi, bất kể xã hội hay tư bản, đã bỏ rơi người kể chuyện xưa - chưa nói là thương hại.

Kể duy nhất trên thế gian thực sự thưởng thức tài năng của nó, tới mức trọng thưởng nó, là trưởng làng của chúng tôi, kẻ hâm mộ trịch thượng cuối cùng của tài kể chuyện.

Phụng Hoàng sơn xa cách văn minh tới nỗi hầu hết dân cư chưa bao giờ có dịp xem phim, đừng nói tới chuyện đến rạp chiếu bóng. Lạc và tôi có vài dịp tiêu khiển trưởng làng bằng những truyện phim chúng tôi đã xem, và ông càng háo hức muốn nghe thêm. Một hôm, biết tháng sau có phim chiếu ở Vĩnh Kính, ông quyết định gửi Lạc và tôi tới xem. Chúng tôi được hai ngày nghỉ cho chuyến đi xuống thị trấn, và hai ngày để trở về, và chúng tôi sẽ phải xem buổi chiếu vào tối hôm đến nơi. Về làng, chúng tôi phải kể lại phim từ đầu đến cuối cho trưởng làng và mọi người, và kể câu chuyện kéo dài đúng như phim bản.

Chúng tôi hân hoan nhận lời, và để yên chỉ chúng tôi ngồi xem hai lần liên tiếp. Sân bóng rổ trường trung học thị trấn tạm biến thành rạp chiếu bóng ngoài trời. Con gái địa phương tuyệt đẹp, nhưng chúng tôi buộc lòng phải tập trung vào màn ảnh, chú ý kỹ đối thoại, trang phục và động tác của diễn viên, bố cục từng cảnh, ngay cả âm nhạc.

Về đến làng, chúng tôi làm một “buổi diễn xi nê nói” chưa từng thấy. Toàn thể dân làng chen chúc vào khoảng trống trước nhà sàn của chúng tôi. Trưởng làng ngồi giữa ở hàng trước, một tay cầm điệu cày, tay kia cầm con “phụng hoàng đất” của chúng tôi để tính khoảng thời giờ trình diễn.

Tôi hoảng sân khấu, và chỉ nhận vai thuật lại phân cảnh một cách máy móc. Nhưng nơi đây, thiên tài kể chuyện của Lạc phát hiện. Nó lược sơ phần miêu tả, nhưng lần lượt đóng vai từng nhân vật, điều chỉnh giọng nói và cử chỉ đúng cách. Nó kiểm soát hoàn toàn buổi kể, giữ cho hồi hộp, chất vấn khán giả, bắt họ đáp và sửa câu trả lời của họ cho đúng. Lúc chúng tôi, đúng hơn là nó, tới màn kết, đúng trong giờ quy định, khán giả của chúng tôi mê ly.

Trưởng làng tuyên bố với nụ cười hống hách:

“Tháng sau tao sẽ gửi bay coi một phim nữa. Bay sẽ được tính công như làm việc ngoài đồng.”

Thoạt đầu, chúng tôi nghĩ chỉ là trò thay đổi không khí, chẳng bao giờ chúng tôi tưởng tượng đời mình, nhất là Lạc, sẽ hoàn toàn thay đổi.

Đã sửa bởi _Sara_ lúc 26.09.2011, 05:51.

2. Chương 2

Công chúa núi Phụng Hoàng đi giày vải bố màu hồng nhạt, vừa bền chắc vừa mềm, có thể thấy ngón chân uốn éo khi cô đạp bàn máy may. Đôi giày may lấy, rẻ tiền, không có gì đặc biệt, nhưng ở một nơi hầu như mọi người đi chân lấm, nó gây chú ý, có vẻ thanh tao và sành điệu. Bàn chân xinh xắn và mắt cá chân cô càng đẹp nhờ đôi vớ ny lông trắng. Bím tóc rộng ba bốn phân từ gáy dài xuống eo, đuôi tóc buộc dài lựa đỏ mới tinh. Khi cô cúi xuống máy may, bàn kim loại sáng loáng phản chiếu cổ áo trắng, khuôn mặt trái xoan và ánh mắt lấp lánh, rõ là cặp mắt đáng yêu nhất huyện Vĩnh Kính, nếu không nói là cả vùng.

Thung lũng dốc ngăn cách làng cô và chúng tôi. Cha cô là thợ may độc nhất trên núi, thường vắng nhà, ngôi nhà cũ và rộng vừa là cửa tiệm vừa là chỗ ở. Nghề may của ông rất đắt hàng. Mỗi khi gia đình cần áo quần mới, trước tiên người ta xuống tận Vĩnh Kính mua vải, sau đó họ đến thăm thợ may hỏi kiểu, giá và ngày thuận tiện để ông đến may. Tối ngày hẹn, một đoàn hộ tống đến đón ông vào sáng tinh mơ, cùng vài người khoẻ mạnh thay nhau vác máy may trên lưng.

Ông thợ có hai cái máy may. Cái cũ ông mang theo từ làng này sang làng khác, hiệu và tên nhà sản xuất đã mờ. Cái thứ hai còn mới, Made in Shanghai, ông để ở nhà cho con gái, “cô bé thợ may”. Ông không bao giờ dẫn con theo, và quyết định này khôn ngoan nhưng độc địa, gây bao đau khổ cho tất cả bọn thanh niên muốn cô để mắt xanh tới.

Bác phó may sống như vua. Nơi nào ông đến cũng có cảnh náo nhiệt như hội làng. Nhà của khách hàng chan hoà tiếng máy may, trở thành trung tâm của đời sống thôn làng, là dịp cho gia đình chủ nhà khoe giàu. Ông sẽ được mời thức ăn ngon nhất, và đôi khi, nếu năm hết Tết đến, họ thậm chí có thể mổ thịt một con heo. Ông thường ở một hay hai tuần mỗi làng, trọ lần lượt với từng khách hàng đủ loại của mình.

Lạc và tôi lần đầu gặp ông thợ may lúc chúng tôi đi thăm Bốn Mắt, một bạn cũ bị gửi tới một làng khác. Trời mưa, chúng tôi phải bước cẩn thận theo lối đi dốc trơn trượt khuất trong sương mù trắng đục. Dù thận trọng chúng tôi cũng ngã lăn xuống bùn mấy bận. Bất chợt tới khúc quẹo, bọn tôi thấy đám rước đi hàng một về hướng mình, thấp từng cái kiệu khiêng một ông trung niên ngồi chễm chệ. Sau đoàn rước vương giả này là anh phu buộc máy may trên lưng. Ông cúi xuống nói với phu khiêng kiệu, và hình như hỏi về chúng tôi.

Ông có khổ người mảnh khảnh, nhăn nheo, nhưng tràn đầy năng lực. Cái kiệu buộc vào hai thanh tre chắc, đặt trên vai hai người khiêng, một phía trước và một phía sau. Chúng tôi nghe tiếng kiệu và đồn kéo kệt nhịp theo bước đi nặng nề, chậm chạp của phu khiêng.

Khi bọn tôi sắp đi ngang kiệu, ông thợ may chồm trên tôi, gần tới nỗi tôi cảm thấy hơi thở của ông. Ông ồm ồm, bắt chước tiếng Anh: “Oai- Ô-lin!”

Giọng ông như sấm nổ khiến tôi giật mình, và ông cười rộ. Ông đúng là hình ảnh của một lãnh chúa thất thường.

Một người khiêng kiệu hỏi:

“Chú mày có biết trên núi này ông thợ may của mình là người đi nhiều nhất không?”

Nhà đại lý khách tuyên bố trước khi chúng tôi kịp trả lời:

“Hồi nhỏ, thậm chí tôi tới tận Nhã An cách Vinh Kình hai trăm cây số. Lúc tôi còn trẻ, thầy tôi có cây đàn như của chú treo trên tường nhà thầy để gây ấn tượng với khách hàng.”

Rồi ông im lặng, và đoàn rước lại lên đường.

Trước khi khuất bóng, ông quay lại hô một lần nữa:

“Oai- Ô-lin!”

Phu khiêng và mười nông dân hộ tổng chậm rãi ngừng đầu kêu một tiếng dài “Oai- Ô-lin!”, âm thanh méo mó tới nỗi nghe như tiếng than đau khổ hơn là tiếng Anh.

Họ cười như một đám trẻ tinh nghịch, rồi cúi đầu tiếp tục đi. Chẳng bao lâu đám rước chìm vào sương mù.

Vài tuần sau, chúng tôi mạo hiểm vào sân nhà ông, nơi có con chó mực lớn nhìn chúng tôi dăm dăm nhưng không sủa. Chúng tôi vào cửa hàng. Ông cụ vắng nhà đi may, con gái ông, cô bé thợ may, chào chúng tôi. Chúng tôi nhờ cô nói quần của Lạc thêm năm phân. Thiếu ăn, mất ngủ, và khắc khoải lo âu về tương lai vẫn không ngăn nó lớn.

Lạc tự giới thiệu mình với cô bé thợ may, kể chuyện gặp cha cô trong mưa và sương mù. Nó không cưỡng được phải bắt chước và cường điệu cách phát âm tiếng Anh tức cười của ông cụ. Cô phá lên cười. Lạc là đứa nhại vai bầm sinh.

Lúc cô cười, tôi để ý vẻ hoang dại trong mắt cô, giống các cô gái hoang dã bên triền núi của chúng tôi. Mắt cô có ánh của viên ngọc chưa gọt, của kim loại chưa đánh bóng, càng tôn lên nhờ hàng mi dài và mi mắt xéch thanh tú. Cô nói:

“Các anh đừng để ý tới ông. Ông cụ hài đồng ấy mà.”

Mặt cô bỗng sầm lại, mắt hạ thấp. Cô dùng móng tay cạo mặt bàn máy may.

“Mẹ tôi mất sớm. Từ đó, ông thích gì thì cứ làm thôi.”

Nước da cô rực rỡ, và nét xinh xắn gần như quý phái. Khuôn mặt có nét đẹp gợi cảm, hấp dẫn, làm chúng tôi muốn ở lại xem cô đập cái máy Made in Shanghai.

Căn phòng dùng làm cửa hiệu, vừa là nơi làm việc vừa là phòng ăn. Sàn gỗ đầy bụi và đờm dãi vàng và đen vì khách hàng khạc nhổ. Có thể nói sàn nhà không được chùi mỗi ngày. Áo quần may xong treo lên mắc áo móc trên sợi dây căng giữa phòng. Xó nhà chất đống các bó vải và áo quần đã gấp, kiến vấy hàng đàn. Gian nhà không chút gọn gàng hay thẩm mỹ, và toát một không khí hoàn toàn thân mật.

Tôi ngạc nhiên thấy một quyển sách trên bàn, vì dân sơn cước phần lớn mù chữ. Đã lâu lắm tôi chưa sờ đến trang sách. Lập tức tôi đi đến xem, nhưng thất vọng: đó là cuốn danh mục thuốc nhuộm. Tôi hỏi:

“Cô đọc được không?”

Cô đáp không bối rối:

“Chả mấy. Nhưng đừng nghĩ tôi dốt, vì tôi thích trò chuyện với người biết đọc biết viết - thanh niên thành phố chẳng hạn. Anh không thấy con chó không sủa khi các anh đến à? Nó biết tính tôi.”

Hình như cô chưa muốn chúng tôi về. Cô rời ghế đứng lên, nhóm bếp gang ở giữa phòng, đặt chảo lên và đổ đầy nước. Lạc theo dõi mọi động tác của cô và hỏi:

“Cô định mời chúng tôi uống trà hay nước sôi?”

“Nước sôi.”

Đó là dấu hiệu cô thích chúng tôi. Trên núi này, mời uống nước nghĩa là chủ nhà sẽ đập vài quả trứng vào nước sôi và thêm đường để làm súp. Lạc nói:

“Cô bé thợ may này, cô có biết cô và tôi có điểm chung không?”

“Hai đứa mình à?”

“Ừ, đánh cuộc không?”

“Cuộc cái gì?”

“Bất cứ cái gì cô thích. Chắc chắn tôi có thể chứng minh chúng ta có điểm chung.”

Cô hơi nghĩ ngợi.

“Nếu tôi thua, tôi sẽ nói quần cho anh khỏi lấy tiền.”

Lạc nói:

“Được. Bây giờ cởi giày và vớ trái của cô rạ”

Sau một thoáng lưỡng lự, tính tò mò của cô bé thợ may thắng thế. Bàn chân bẽn lèn hơn cô, nhưng không kém gợi cảm, dần dần lộ ra. Bàn chân nhỏ, sạm nắng, trong mờ, gân xanh, với những móng chân bóng lảnh.

Lạc đặt bàn chân xương xẩu lấm bùn của nó dọc theo chân cô, và đứng, có điểm giống: ngón thứ hai dài hơn các ngón kia.

*

Đường về xa, vì thế chúng tôi lên đường khoảng ba giờ chiều để tới làng trước khi đêm xuống.

Trên đường tôi hỏi Lạc:

“Mày mê cô bé thợ may hả?”

Nó cúi đầu lê bước, suy nghĩ trước khi trả lời. Tôi gặng:

“Mày yêu cô nàng chưa?”

“Cô ta không văn minh, ít nhất là không đủ văn minh đối với tao!”

*

Chấm sáng leo lét trong bóng tối ở cuối đường hầm dài. Đốm sáng nhỏ chập chờn, rơi xuống rồi lại ngoi lên, và tiếp tục đường tiến gian nan của nó. Thỉnh thoảng, nền có chỗ trũng, đốm sáng biến mất vài giây. Im lặng chỉ mất khi có tiếng giở nặng kéo kèn kẹt trên mặt đất, và tiếng cằn nhằn của một kẻ đang cố hết sức. Tiếng động trong đường hầm tối như mực vang một khoảng rất xa.

Khi ánh sáng chợt xuất hiện lại, nó lơ lửng trên không như mắt loài thú trong cơn ác mộng bị nuốt chửng thân hình trong bóng tối.

Lạc đeo đèn dầu trên trán, làm việc trong cái gọi là “mỏ than nhỏ”. Nơi nào lối đi quá thấp nó phải bò xuống. Nó trần truồng, ngoại trừ sợi đai da cắt sâu vào thịt. Bộ đai kinh khủng này giúp nó kéo từng giỏ lớn, trĩu những khúc than.

Khi nó tới, tôi đổi phiên cho nó. Tôi cũng trần truồng, thân phủ một lớp bụi than hôm vào từng vết ngón trên da Tôi ưa đẩy giỏ hơn kéo phía sau như nó. Gần miệng hố có đoạn dốc đáng kể, nhưng trần ở đó cao

hơn. Lạc hay giúp tôi mang giỏ tới đỉnh và ra khỏi đường hầm. Bọn tôi kiệt sức gục trong đám bụi bốc lên vì nghiêng giỏ trút vào đồng than.

Ngày xưa, như chúng ta đã thấy, núi Phụng Hoàng nổi danh nhờ các mỏ đồng (và đi vào lịch sử như món quà hậu hĩnh của vị hoàng đế đồng tính luyện ái đầu tiên của Trung Hoa). Tuy mỏ đồng đã bỏ phế và đổ nát, khai thác than vẫn tiếp tục trong tầm vóc nhỏ và thủ công. Mỏ than là sở hữu tập thể của dân sơn cước, và được khai thác để đáp ứng nhu cầu chất đốt địa phương. Vì thế không có gì ngạc nhiên Lạc và tôi, cũng như bao thiếu niên thành phố, phải làm dưới hầm trong hai tháng như một phần của việc học tập cải tạo. Ngay cả trò diễn xi nê miệng thành công cũng không giúp chúng tôi thoát khỏi mệnh trời.

Nói thật, chúng tôi chấp nhận thử thách đua. đêm này, vì quyết tâm ở trong cuộc đua bằng mọi giá, dù cơ hội trở về thành phố không hơn ba phần ngàn nhỏ nhoi. Chúng tôi không biết phần việc trong mỏ than sẽ để lại dấu ấn suốt cuộc đời còn lại của mình, về thể xác và nhất là tinh thần. Thậm chí đến nay câu nói đáng sợ “mỏ than nhỏ” vẫn lạnh sống lưng tôi.

Trừ lối vào có một đoạn dài khoảng hai mươi thước, trần thấp chống dầm cột ráp nối tạm bợ làm bằng thân cây đẽo sơ sài, suốt đường hầm bảy trăm mét không có bất cứ phòng hộ nào. Nguy hiểm thường trực vì đá rơi, và ba nông dân thợ mỏ già cuốc vĩa than cứ kể mãi cho chúng tôi những tai nạn chết người hồi trước.

Mỗi giỏ đầy chúng tôi xoay xở lối suốt từ cuối đường hầm trở thành một trò may rủi chí mạng.

Một hôm, lúc bọn tôi đang cố kéo giỏ than đầy lên đoạn dốc cuối, tôi nghe Lạc nói:

“Tao không biết tại sao, nhưng từ khi mình tới đây, tao có ý nghĩ cứ dính trong đây là tao sẽ chết trong cái mỏ này.”

Nghe thế, tôi hụt hơi. Bọn tôi tiếp tục leo, nhưng tôi bỗng toát mồ hôi lạnh. Tôi bị lay ý nghĩ như Lạc: từ đó tôi có cùng nỗi kinh hoàng, sợ không còn sống để rời khỏi nơi này.

Suốt thời gian ở mỏ, Lạc và tôi ngủ trong lán của nông dân, túp lều khiêm tốn cheo leo trên sườn núi, dưới gờ đá. Buổi sáng thức dậy tôi nghe tiếng mưa nhỏ giọt từ đá xuống mái lán phủ vỏ cây, và tự an ủi với ý nghĩ ít nhất mình còn sống. Nhưng mỗi sáng khi rời lán, tôi sợ đến tối mình sẽ không trở về đó. Sự kiện tâm thường nhất, chẳng hạn một câu nói băng quơ của ai đó hoặc một câu đùa rừng rợn, hay chỉ thay đổi thời tiết, trong mắt tôi trở thành một điềm xấu, một tiên đoán tử thần.

Đôi khi tôi thấy ảo ảnh lúc đang làm việc trong mỏ. Mặt đất trở nên mềm, tôi khó thở và cảm thấy đang bèn bờ sự chết, sau đó tôi thấy thời thơ ấu của mình vút nhanh qua trước mắt, như cách người sắp chết thấy cuộc đời họ trôi qua trong ánh chớp. Nền đất dẻo trải dài, dần hồi theo mỗi bước chân tôi, rồi có tiếng gầm diếc tai trên đầu, như thể mái hầm sắp sập. Điện vì sợ, tôi khụy xuống bò trong bóng tối, khuôn mặt cha mẹ lơ mờ trước mắt. Ảo ảnh kéo dài vài giây rồi chợt biến mất như lúc đến, để lại tôi trong hầm mỏ tiêu điều, trần như nhộng, phần đầu đầy gánh nặng của mình tới lối ra. Tôi dán chặt mắt vào nền đất dưới chân: trong ánh ngọn đèn mỏ bập bùng, tôi bắt gặp một con kiến lạc đàn. Nó tiến tới từ từ và đều đặn, thúc đẩy bằng ý chí sống còn.

Một hôm, trong tuần lễ thứ ba ở đó, tôi nghe tiếng khóc trong đường hầm, nhưng không thấy ánh đèn.

Không như tiếng sầu khổ, hay tiếng rên của người bị thương, mà giống tiếng khóc oà đáng thương. Tiếng dội lên vách, vang tới cuối đường hầm trước khi lắng vào bóng đen. Tôi chắc chắn Lạc đang khóc trong bóng tối.

Lạc ngã bệnh vào cuối tuần thứ sáu. Sốt rét. Buổi chiều, khi cả bọn chúng tôi ngồi ăn cơm dưới gốc cây đối diện lối vào hầm, nó than lạnh. Vài phút sau tay nó run tới nỗi không cầm được đĩa. Nó lao đảo đứng lên về lán nằm, nhưng không bước nổi. Mắt nó đờ đẫn. Đứng trước cửa lán mỏ, nó kêu lên, chẳng nói rõ với ai:

“Cho tôi vào!”

Thợ mỏ đang ăn dưới gốc cây cười ồ. Họ muốn biết:

“Mày nói với ai đó? Không có ai trong lán đâu.”

Tối hôm đó trong lán nó vẫn than lạnh, dù đắp mấy lớp chăn và than cháy trong lò lớn.

Các ông rì rầm thảo luận hồi lâu. Họ bàn có nên đem Lạc xuống sông nhúng nó vào nước đá mà không bảo nó trước. Họ nghĩ cú sốc sẽ chữa cho nó. Tuy nhiên, đề nghị đó bị bác, vì sợ thấy nó chết chìm giữa đêm khuya.

Một người trong bọn ra ngoài mang vào hai cành cây. Ông bảo tôi:

“Một cành đào, một cành liễu.”

Chỉ có hai cây này chữa được. Ông lôi Lạc dậy, tuột hết áo quần trong ngoài, và bắt đầu lấy hai nhánh cây quất tẩm lưng trần của nó.

Những người kia vừa đứng ngoài xem vừa quát:

“Mạnh nữa! Nếu không quất mạnh, mày không đuổi được bệnh ra đâu.”

Nhánh cây quất vun vút trên không, nhánh nọ tới nhánh kia. Trận roi để lại vết bầm tím trên da thịt Lạc, nhưng bạn tôi đứng vững chịu đựng. Dù còn tỉnh, nhưng nó như trong mơ thấy chuyện xảy ra cho kẻ khác. Tôi không rõ nó nghĩ gì, nhưng rất nôn nóng, và nhớ lời nó nói trong mơ vài tuần trước, vang dội trong tiếng roi quất tàn nhẫn: “Tao có ý nghĩ cứ dính trong đầu là tao sẽ chết trong cái mả này”.

Người quất roi đã mệt và bảo kẻ khác tiếp tay. Nhưng không ai nhận. Mệt mỏi, họ đã vào giường và muốn ngủ. Tôi thấy mình cầm nhánh đào và liễu. Lạc ngừng đầu. Mặt nó tái, trán lấm tấm mồ hôi. Ánh mắt nó xa xăm nhìn mất tôi.

Nó thì thào gần như không nghe thấy:

“Tiếp tục đi”

Tôi hỏi:

“Mày có nên nghỉ chút không? Tay mày run lên kìa. Có tê không?”

Nó giơ một tay lên xem và nói:

“Tê Mày nói đúng, tao lạnh run, như lão già trước cửa tử thần.”

Tôi tìm một đuôi thuốc lá trong đáy túi mình, châm lửa và đưa nó. Nhưng đuôi thuốc trượt khỏi tay nó và rơi ngay xuống đất. Nó nói:

“Nặng khiếp.”

“Mày có muốn tao tiếp tục quất mày thật không?”

“Ừ, như thế giúp tao ấm người.”

Trước khi theo ý nó, tôi nghĩ mình hãy nhặt điều thuốc rơi cho nó hút một hơi trước. Tôi cúi nhặt mẫu thuốc còn cháy. Bất chợt tôi bắt gặp một vật trắng trắng nằm trên sàn cạnh chân giường: bao thư.

Tôi nhặt lên. Phong bì gửi cho Lạc, chưa mở. Tôi hỏi các ông thư từ đâu đến. Một người nằm trong giường đáp có người tới mua than sớm nay để lại.

Tôi mở ra. Lá thư bên trong viết bằng bút chì. Chữ viết không đều trên trang giấy, vài chữ viết xấu, nhưng câu viết vụng về toát vẻ dịu dàng nữ tính, thành thật như con trẻ. Tôi chậm rãi đọc cho Lạc:

Gửi Lạc người kể chuyện phim.

Đừng cười chữ viết của tôi. Không như anh, tôi chưa học cấp hai. Anh cũng biết trường gần nhất nằm trong thị trấn Vĩnh Kính, đi từ núi tới phải mất hai ngày. Ba tôi dạy tôi đọc và viết. Anh có thể xếp tôi vào loại “đã xong tiểu học”.

Cách đây không lâu, tôi nghe nói anh và bạn anh kể phim rất hay. Tôi đã gặp trưởng làng tôi, và ông đồng ý gửi hai công nhân nông nghiệp tới mỏ than nhỏ để thay các anh hai ngày. Bây giờ các anh có thể tới làng tôi kể một phim.

Tôi muốn lên mỏ để tự mang tin tới cho anh, nhưng nghe nói đàn ông nơi đó đều ở trần, và chỗ đó cấm con gái.

Nghĩ tới mở than, tôi khâm phục lòng can đảm của anh. Tôi cầu xin nó đừng sụp. Các anh sẽ có hai ngày nghỉ: ít nhất lúc đó các anh sẽ không gặp rủi ro.

Hẹn gặp các anh sớm. Gửi lời chào bạn anh, anh kéo đàn.

Cô bé thợ may

08.07.1972

Tái bút: Tôi vừa nhớ chuyện tức cười muốn kể cho anh: từ bữa anh tới thăm, tôi tình cờ gặp mấy người có ngón chân thứ hai dài hơn ngón cái như mình. Tôi thất vọng, nhưng đời là vậy.

Chúng tôi chọn chuyện Cô Bé Hàng Hoa.

Cho tới nay chúng tôi đã xem ba phim ở sân bóng rổ Vĩnh Kính. Đạo này, phim tình cảm suốt suốt của Bắc Hàn có vai chính là “Cô hàng hoa” được ưa chuộng nhất. Chúng tôi đã kể trong làng mình, và khi tới đoạn diễn cuối, tôi nhái tiếng thuyết minh khàn khàn đa cảm nghe được ở thị trấn: “Tục ngữ nói: một tấm lòng chân thành có thể làm đá nở hoa. Nói xem, tấm lòng cô hàng hoa không đủ chân thành sao?” Kết quả hùng tráng hết như có màn ảnh. Toàn thể khán giả nhỏ lệ, ngay cả trưởng làng cục cằn cũng không cầm được nước mắt nóng hổi chảy xuống từ mắt trái lúc nào cũng có ba đốm máu.

Tuy cơn sốt tái phát, Lạc tuyên bố đủ khoẻ để đi tới làng cô bé thợ may. Nó ra đi với lòng tự tin của kẻ đi chinh phục. Tuy nhiên, dọc đường nó gục vì một cơn sốt rét nữa.

Dù mặt trời chói chan, nó cảm thấy cơn lạnh len lõi vào thân. Tôi xoay xở nhóm lửa với mấy cọng cây và lá khô, và bắt nó đến ngồi cạnh, nhưng thay vì ấm nó càng cảm thấy lạnh hơn. Nó gắng gượng đứng lên, răng đánh lộp cộp:

“Thôi dần lên.”

Suốt dọc đường chúng tôi nghe tiếng sơn khô chảy siết, và tiếng vượn cùng các loài thú hoang kêu hú. Lạc khổ sở vì lúc nóng lúc lạnh khôn kham. Thịnh thoảng nó lao đảo sát vực núi tới nỗi làm lở đất đá. Tiếng đá rơi tới đáy hẻm núi, mãi lâu mới đến tai chúng tôi. Những lúc như thế tôi khuyên nó nghỉ một lát đến khi cơn sốt thuyên giảm.

Khi đến nhà cô bé thợ may, chúng tôi hài lòng được biết cha cô đi vắng. Như lần đầu, con mực đến khịt khịt chân chúng tôi nhưng không sửa.

Mặt Lạc đỏ bừng: nó mê sảng. Cô bé thợ may sững sốt thấy nó lên cơn sốt thảm hại. Cô lập tức cho hủy bỏ buổi diễn xi nê nói, và đưa Lạc vào phòng cô, lên giường quây màn muỗi trắng. Cô cuộn bím tóc dài thành búi cao trên đỉnh đầu. Rồi cô cởi đôi giày hồng, chạy chân lấm ra ngoài. Cô gọi tôi:

“Đi với tôi chứ? Tôi biết liều thuốc rất hay cho anh ấy.”

Liều thuốc là một loại cây thường, mọc ở bờ lạch không xa làng. Rậm rạp, cao chưa tới ba tấc, hoa màu hồng tươi, cánh hoa giống hoa đào quá khổ, soi dưới dòng nước cạn trong cửa con lạch.

Chất thuốc tập trung trong lá có khía giống chân vịt. Cô bé thợ may hái một đồng lá lớn. Tôi hỏi:

“Cây này tên gì?”

“Cây mãnh-bát.”

Cô giã lá trong cối đá trắng đến khi thành chất sệt màu lục, rồi bôi lên cổ tay trái của Lạc. Dù vẫn sốt, nó đã tỉnh và chịu để cô đắp thuốc. Cô buộc thuốc bằng một dải vải trắng.

Đêm xuống, hơi thở Lạc có phần dịu lại, và nó thiếp ngủ.

Cô bé thợ may ngần ngừ hỏi tôi:

“Anh có tin thứ đó không?”

“Thứ gì?”

“Mấy thứ không giải thích tự nhiên được.”

“Có lúc tôi tin, có lúc không.”

“Anh nói như thể anh nghĩ tôi sắp tố cáo anh.”

“Không đâu.”

“Vậy thì sao?”

“Theo ý tôi, mình không thể tin chúng hoàn toàn, nhưng cũng không thể chối bỏ hoàn toàn.”

Cô dường như chấp thuận câu trả lời của tôi. Liếc mắt nhìn Lạc đang ngủ trên giường mình, cô hỏi:

“Cha của Lạc là gì? Phật tử à? ”

“Tôi không biết. Nhưng ông ấy là nha sĩ lừng danh. ”

“Nha sĩ là gì?”

“Cô không biết nha sĩ là gì à? Nha sĩ chữa răng cho cô”

“Thật sao? Anh nói họ có thể giết mấy con sâu chui vào răng làm mình đau hả?”

Tôi đáp, không cười:

“Ừ. Tôi sẽ kể cho cô một bí mật, nhưng phải thề là không bao giờ nói cho ai.”

“Tôi thề... ”

Tôi thấp giọng:

“Ba nó bắt hết sâu trong răng Mao chủ tịch.”

Sau một lúc im lặng kính nể, cô hỏi:

“Nếu tôi mời bà bóng tới canh giường bệnh của con ổng tối nay thì ổng có phiền không?”

Tối nửa đêm, bốn bà già từ ba làng khác nhau đến. Họ mặc áo dài lam và đen, cài hoa trên tóc và đeo vòng ngọc ở cổ tay. Các bà bóng tụm bên Lạc đang co rúm trong giấc ngủ. Rồi họ ngồi xuống bốn góc giường, nhìn nó qua màn muỗi. Khó mà nói ai là người ghê rợn nhất có thể làm ma quỉ sợ.

Một trong các bà bóng, bà nhăn nhúm nhất, cầm cung tên trên tay. Bà bảo tôi:

“Ta cam đoan hồn ma nhỏ than nhỏ, con ma đang gây bệnh cho bạn cháu đây, tối nay không dám tới đâu. Cây cung của ta từ Tây Tạng, mũi tên bọc bạc. Khi ta bắn, mũi tên huyết trên không trung như sáo diều, và chưa từng bắn hụt ngực con ma dù cho nó mạnh cỡ nào.”

Không những các bà bóng rất già, mà trời đã rất khuya, và lát sau họ bắt đầu ngáp. Và dù trà đặc cô chủ nhà của chúng tôi tiếp mãi, họ ngủ gà ngủ gật, bà nọ đến bà kia. Chủ nhân cây cung cũng chịu thua cơn buồn ngủ, để vũ khí lên giường, mi mắt sơn uể oải rũ xuống và nhắm lại.

Cô bé thợ may bảo tôi:

“Thức họ dậy. Kể cho họ một phim.”

“Phim loại nào?”

“Phim gì cũng được. Chỉ cốt giữ họ thức... ”

Thế là tôi lao vào buổi diễn lạ lùng nhất đời mình. Trong ngôi làng hẻo lánh đó, chen giữa hẻm núi nơi bạn tôi đang mê sảng, tôi ngồi trong ánh đèn dầu leo lét, và kể phim Bắc Hàn cho một cô gái xinh xắn và bốn bà phù thủy già.

Tôi hết sức tự xoay sở. Sau vài phút, khán giả say mê câu chuyện cô hàng hoa đáng thương. Thậm chí họ còn hỏi, và tôi kể càng dài, họ càng ít chớp mắt để khỏi buồn ngủ.

Tuy vậy, ma thuật cũng không như lúc Lạc chủ động. Tôi không có khiếu kể chuyện. Chúng tôi khác nhau. Nửa giờ sau cô hàng hoa đã làm đủ mọi cách kiếm tiền, rồi chạy đến bệnh viện để thấy rằng quá trễ: mẹ cô đã chết, tuyệt vọng gọi con gái trong hơi thở cuối cùng. Một phim tuyên truyền như bất cứ phim nào khác.

Bình thường mà nói, cảnh giường bệnh là cao điểm đầu tiên trong câu chuyện. Khán giả bao giờ cũng khóc lúc ấy, bất kể họ xem phim hay nghe chúng tôi kể. Có lẽ các bà phù thủy thuộc tạng khác. Họ chăm chú nghe, nhập chuyện có chừng mực - thậm chí tôi có thể cảm thấy họ hơi rùng mình cảm động - nhưng không nhỏ một giọt nước mắt.

Thất vọng vì biểu diễn của mình, tôi nấn ná miêu tả bàn tay run rẩy không ngừng của cô gái hàng hoa và tờ bạc rơi khỏi các ngón tay cô... Nhưng các bà bóng không xúc động.

Thành linh, từ trong màn muỗi trắng, một giọng nói như từ đáy giếng phát ra. Lạc ngâm:

“Tục ngữ nói rằng tấm lòng chân thực có thể làm đá nở hoa. Nói xem, tấm lòng cô hàng hoa không đủ chân thực sao?”

Tôi sửng sốt, vì Lạc đã thốt câu kết vang dội trước khi chuyện kết thúc, hơn là vì nó tỉnh dậy thành linh. Nhưng thật ngạc nhiên, tôi liếc quanh phòng: bốn bà phù thủy đang khóc! Nước mắt họ đổ ra tràn trề, chảy xuống gò má vênh vào nứt nẻ của họ.

Tài nghệ của Lạc thật tuyệt! Nó có thể kích động khán giả bằng lời thuyết minh đúng lúc, ngay cả khi nó đang vật nhau với cơn sốt rét.

Khi tôi kể tiếp, tôi cảm thấy cô bé thợ may có vẻ gì khang khác, và nhận ra rằng cô thả lỏng những lọn tóc dày, một bờm tóc tuyệt vời chảy xuống vai. Tôi đoán Lạc đã thò tay khỏi màn, gỡ bím tóc bằng những ngón tay sốt rét của nó. Một ngọn gió lùa bất chợt làm ngọn đèn chập chờn rồi tắt, lúc đó tôi ngỡ mình thấy cô bé thợ may vén một góc màn, và cúi trên Lạc trao một nụ hôn trộm trong bóng đêm.

Một bà bóng thấp lại ngọn đèn dầu, và tôi tiếp tục kể nốt câu chuyện buồn của cô gái Triều Tiên. Các bà bóng khóc nức nở, nước mắt hoà lẫn nước mũi, và tiếng sột sột của họ tiếp tục đến đêm khuya.

3. Chương 3

Bốn Mắt có cái va li bí mật nó giấu rất kỹ.

Nó là bạn chúng tôi. (Nhớ không? Chúng tôi trên đường tới gặp nó lúc tình cờ gặp ông thợ may trên sơn đạo). Làng Bốn Mắt đi cải tạo trên núi Phụng Hoàng ở dốc thấp hơn làng chúng tôi. Lạc và tôi thường qua nhà nó vào chiều tối để nấu ăn, nếu chúng tôi xoay được miếng thịt, chai rượu địa phương, hay rau tươi từ vườn của nông dân. Chúng tôi chia sẻ chiến lợi phẩm, như thể mình là tam nhân bang. Nó không thở một lời với bọn tôi về cái va li bí ẩn của nó khiến chúng tôi hoàn toàn ngạc nhiên.

Gia đình nó sống cùng thành phố với cha mẹ chúng tôi. Cha nó là văn sĩ, mẹ nó là thi sĩ. Gần đây, bị nhà chức trách ruộng bỏ, họ để lại cho đứa con trai yếu đuối một gánh nặng đáng sợ như Lạc và tôi: ba phần ngàn khủng khiếp. Vì thế chúng tôi đồng hội đồng thuyền, nhưng Bốn Mắt lúc đó mười tám tuổi sống trong lo sợ triền miên.

Với nó, mọi thứ nhuộm màu nguy hiểm. Ở nhà nó, chúng tôi cảm thấy như ba phạm nhân đang hội ý âm mưu quanh ngọn đèn dầu. Bữa ăn chẳng hạn: một tiếng gõ cửa cũng đủ làm nó sợ mất khôn giữa mùi thơm ngon ngọt ngào của đĩa thịt bọn tôi đã nấu xong (mùi nấu nướng làm cả ba đứa chết đói chúng tôi điên cuồng). Nó sẽ nhảy dựng, giấu vội cái chảo vào góc như đồ lậu, và thay vào đó là đĩa rau xào sền sệt gớm ghiếc: ăn thịt đối với nó là tội ác điển hình của giai cấp tư sản nhà nó.

Sau hôm trình diễn của tôi cho bốn bà phù thủy, Lạc thấy đỡ hơn. Nó nói nó đủ khoẻ để đi về, và cô bé thợ may không nài nỉ giữ chúng tôi. Tôi tưởng tượng cô kiệt lực.

Sau bữa điểm tâm, chúng tôi lên đường dọc sơn đạo vắng vẻ. Không khí ban mai ảm đạm dễ chịu làm tỉnh táo bộ mặt nóng bừng của chúng tôi. Lạc vừa đi vừa hút thuốc. Lúc đầu con đường dẫn xuống một lối nhỏ, rồi lại lên dốc. Khi dốc ngược, tôi nắm cánh tay của đứa bạn bệnh hoạn. Mặt đất mềm và ướt, cây cối giao

cánh trên đầu. Bỗng qua làng Bốn Mắt ở, chúng tôi bắt gặp nó đang làm việc trong cánh đồng lúa. Nó đang cày với con trâu.

Chúng tôi không thấy các luống cày của nó, vì lớp đất màu dày ngập trong nước tù. Trần tới lưng, bạn chúng tôi tiến chậm chạp, vì mỗi bước ngập bùn đặc tới đầu gối, trong lúc con trâu đen gắng sức kéo cày. Tia nắng sớm chiếu nghiêng lấp lánh trên đôi kính của nó.

Con trâu cỡ trung bình, nhưng cái đuôi dài ngoại cỡ, vẫy mạnh như cương quyết vẫy bùn lên ông chủ nhút nhát thiếu kinh nghiệm của nó, càng bắn càng tốt. Dù cố tránh những cú quất không ngừng, chỉ một khoảnh khắc vô ý là đủ cho Bốn Mắt nhận một cú đuôi trâu ngay mặt làm văng cặp kính lên không. Nó chửi rủa, thả cương khỏi tay phải và buông cày khỏi tay trái. Giờ tay che mặt, nó tuôn một tràng chửi bới, như thể bị mù.

Nó giận tới mức không nghe tiếng gọi vui mừng của chúng tôi. Nó cận thị nặng, không phân biệt nổi chúng tôi với các nông dân đang chế nhạo ở ruộng lúa gần đó.

Nó cúi xuống, thọc tay vào nước, mò trong bùn. Vẻ thất thần trong cặp mắt lồi của nó luống cuống.

Bốn Mắt rõ ràng đã đánh thức bản năng tàn ác của con trâu. Con vật ngừng lại, rồi kéo sang hai bên, hết sức giẫm ruộng bùn, như định xéo nát cặp kính chìm trong đó bằng móng hay lưỡi cày lác lư.

Tôi cởi giày, vén quần bước xuống ruộng lúa, để Lạc ngồi bên vệ đường. Bốn Mắt không muốn tôi giúp tìm kính, vì sợ tôi gây cản trở, nhưng cuối cùng chính tôi vô ý đạp lên cặp kính lúc mò trong bùn. May mắn là nó còn nguyên vẹn.

Khi nhìn lại rõ như cũ, Bốn Mắt sững sờ vì tình trạng của Lạc. Nó nói:

“Mày ốm như con chó!”

Vì Bốn Mắt không thể bỏ việc, nó đề nghị chúng tôi đến chỗ nó nghỉ tới khi nó về.

Nó trú ở giữa làng, với vài vật dụng cá nhân, và nóng lòng muốn chứng tỏ lòng tin cậy hoàn toàn vào nông dân cách mạng nên nó chẳng bao giờ khoá cửa. Căn nhà sàn như nhà chúng tôi, là kho lương thực cũ, nhưng có hiên nhô ra chống bằng cột tre vững chắc để phơi ngũ cốc, rau hay gia vị. Lạc và tôi ngồi trên hiên hưởng nắng. Lát sau, mặt trời khuất sau đỉnh núi và không khí lạnh buốt. Khi đã ráo mồ hôi, Lạc lạnh như nước đá. Tôi tìm một cái áo len chui đầu cũ của Bốn Mắt đắp lên lưng nó, buộc ống tay qua cổ như khăn quàng.

Dù trời nắng lại, nó tiếp tục than lạnh. Tôi lại vào trong lấy chăn trên giường, và chợt nghĩ có thể còn cái áo len nữa nằm đâu đó. Tôi nhìn dưới gầm giường, thấy một rương gỗ lớn. Chất đồng bên trên là mớ giày cũ và dép đứt lăm lăm.

Kéo rương tới vệt nắng lốm đốm bụi, tôi mở ra và thấy chứa nhiều áo quần. Tôi lục lọi hy vọng tìm cái áo len nhỏ vừa với thân thể khảnh khiu của Lạc. Ngón tay tôi bỗng chạm một vật mềm, dẻo và láng, khiến tôi nghĩ ngay đến chiếc giấy da nai của phụ nữ.

Nhưng không phải là chiếc giấy mà là một cái va li Tia sáng phản chiếu trên nắp bóng loáng. Cái va li tao nhã, hơi sờn nhưng làm bằng da tốt, và toát ra một mùi văn minh.

Nó có vẻ khá nặng so với kích thước, nhưng tôi không đoán được bên trong có gì. Va li có khoá ở ba chỗ.

Tôi nôn nóng đợi đến tối, lúc Bốn Mắt sẽ được giải thoát khỏi việc vật nhau hàng ngày với con trâu, để hỏi thứ kho báu gì nó cất kỹ trong chỗ giấu bí mật của nó.

Nó không trả lời câu hỏi của tôi làm tôi ngạc nhiên. Suốt lúc bọn tôi nấu ăn nó im lặng khác thường, và khi nói nó thận trọng không nhắc tới cái va li.

Lúc ăn tối, tôi khơi lại đề tài. Nhưng nó vẫn không nói.

Lạc phá tan im lặng:

“Tao chắc là sách. Cách mày khoá va li cất đi đủ tiết lộ bí mật của mày: mày giấu sách cấm.”

Một tia hốt hoảng trong đôi mắt thẳng bạn cận thị, rồi biến mất sau cặp kính lúc nó trấn tĩnh dưới mặt nạ tươi cười. Nó nói:

“Mày nằm mơ”

Nó đưa tay sờ trán Lạc.

“Trời ơi, sốt quá! Vì vậy mày mới có ý điên khùng, nó làm mày sáng. Nghe nè, mình là bạn, có những lúc vui chung, cũng tốt, nhưng nếu tụi mày tiếp tục chuyện tào lao như sách cấm, thì tiên sư nó...”

Sau đó không lâu, Bốn Mắt mua ổ khoá đồng của hàng xóm, và từ đó nó luôn luôn khoá kỹ cửa nhà bằng sợi xích.

Hai tuần sau, món “Mảnh chén” của cô bé thợ may chúng tớ có hiệu quả, chúng sốt rét của Lạc thuyên giảm. Lúc gỡ băng khỏi cườm tay, nó thấy một vết giộp cỡ trứng chim, bóng loáng và trong suốt. Rốt cuộc nó xẹp đến khi chỉ còn vết sẹo đen nhỏ, và cơn sốt rét ngưng hẳn. Chúng tớ nấu một bữa ở nhà Bốn Mắt để mừng Lạc hồi phục. Tối hôm đó, cả ba chúng tớ ngủ chèn chúc trên giường. Lúc sờ dưới gầm giường, tôi thấy rương vẫn còn đó, nhưng cái va li da đã mất.

*

Bốn Mắt để lộ ngờ vực và cảnh giác cao độ, bất kể tình bạn giữa chúng tôi, dường như chứng minh cho giả thuyết của Lạc, và chúng tôi càng tin cái va li quả thực đầy sách cấm. Lạc và tôi thường thảo luận riêng chuyện này, đoán mò loại sách gì trong đó. (Dạo ấy, mọi sách vở đều bị cấm, ngoại lệ duy nhất là những cuốn do Mao hay thân cận của ông viết, và các tác phẩm thuần khoa học). Chúng tôi lập một danh sách dài những đề tựa có thể có: toàn bộ truyện cổ từ Tam Quốc Chí tới Hồng Lâu Mộng và Kim Bình Mai, vốn nổi tiếng là dân thực Trong danh mục chúng tôi cũng có thơ đời Đường, Tống, Minh, Thanh, và tác phẩm của các nghệ sĩ cổ điển như Chu Đạt, Sử Đào, Đồng Kỳ Thường... Thậm chí chúng tôi nghĩ tới Thánh Kinh cũng như Ngũ Thánh Thư, tác phẩm bị cấm hàng thế kỷ, trong đó ngũ đại tiên tri đời Hán trên thiên sơn đỉnh tiết lộ chuyện sẽ xảy ra trong hai ngàn năm tới.

Thông thường, sau khi tắt ngọn đèn dầu trong nhà sàn, bọn tôi nằm trên giường hút thuốc trong bóng tối. Tựa sách tuôn ra trên môi, những cái tên thần bí và lạ kỳ gọi lên thế giới vô danh. Như trầm hương Tây Tạng, chỉ cần nói tên Tàng Hương là ngửi mùi phảng phất, tinh khiết, và thấy nén hương nhả các hạt thơm dưới ánh đèn, như giọt vàng lỏng.

Một hôm Lạc hỏi tôi:

“Mày có biết gì về văn chương tây phương không?”

“Chả mấy. Mày biết ba má tao chỉ chú ý tới công việc. Ngoài y khoa ra ổng bà không biết gì nhiều.”

“Ba má tao cũng vậy. Nhưng một bà dì của tao có mấy cuốn sách nước ngoài dịch sang Hoa văn. Hồi đó trước Cách mạng Văn hoá. Tao nhớ bà đọc cho tao nghe cuốn sách tên Don Quixote, về một hiệp sĩ già lang thang, truyện rất hay”

“Sách của bà giờ ra sao?”

“Thành khối. Vệ binh Đỏ tịch thu, rồi lập tức đốt trước công chúng, ngay trước toà chung cư của bà.”

Kể đó, chúng tôi bập thuốc lá trong bóng đêm, nhụt chí và câm nín. Nói chuyện văn chương thế này làm tôi nản. Chúng tôi thật bất hạnh. Lúc biết đọc thì không còn gì để đọc. Trong nhiều năm, khu “Văn học Tây phương” trong các hiệu sách dành hết cho toàn tập của nhà lãnh đạo cộng sản Albany, Enver Hoxha: hết bộ này tới bộ khác bìa mạ vàng mang chân dung ông già đeo cà vạt lòe loẹt, tóc bạc chính tề, cặp mắt nghiêm khắc mòng mòng - mắt trái màu nâu, mắt phải hơi nhỏ và bóng nâu nhạt hơn đối sang hồng ở viền mắt.

Tôi hỏi Lạc:

“Cái gì làm mày nghĩ tới văn chương tây phương?”

“Ôi dào, tao chỉ muốn biết. Rất có thể Bốn Mắt có mấy thứ đó trong va li”

“Có thể mày đúng. Ba nó là văn sĩ, má nó là thi sĩ, nhà họ phải có nhiều sách, cũng như nhà mày với nhà tao có nhiều sách tây ỵ Nhưng làm sao mà cả một va li đầy thoát khỏi sự chú ý của Vệ binh Đỏ?”

“Có lẽ ba má nó biết giấu đúng lúc.”

“Họ giao cho Bốn Mắt giữ cũng liệu thật.”

“Như ba má mày và tao luôn mơ ước tụi mình là bác sĩ như ông bà. Ba má thằng Bốn Mắt có thể muốn con họ là nhà văn. Họ nghĩ nó nên đọc sách, dù phải đọc trong bí mật.”

*

Một bữa sáng rét mướt đầu xuân, bông tuyết rơi dày và nhanh suốt hai giờ, mặt đất chẳng mấy chốc phủ một tấc tuyết xốp. Trưởng làng cho chúng tôi nghỉ hôm đó. Lạc và tôi lập tức lên đường đi thăm Bốn Mắt. Chúng tôi nghe nói nó gặp xui: chuyện phải xảy ra, tròng kính của nó bị bể.

Tuy nhiên, tôi tin chắc nó không để rủi ro này ảnh hưởng tới công việc. Nếu nông dân cách mạng coi tật cận thị của nó là dấu hiệu kém cỏi về thể xác, họ sẽ nghĩ nó là đứa lười biếng. Nó sống trong kinh hoàng triền miên vì ý kiến của nông dân, tùy họ quyết định nó có cải tạo tốt hay chưa, và do đó, về mặt lý thuyết, tương lai nó nằm trong tay họ. Trong trường hợp này, ngay cả khiếm khuyết nhỏ nhất về chính trị hay thể chất cũng là tai họa.

Không như làng tôi, dân trong làng bạn chúng tôi phải làm việc dù trời tuyết, họ phải vác các sọt gạo đầy tới kho của huyện cách đó hai mươi cây số, trên bờ sông bắt nguồn từ Tây Tạng. Đang lúc góp thuế làng hàng năm, trưởng làng chia tổng số gạo theo số dân, phần mỗi người vác khoảng sáu mươi ký.

Chúng tôi đến thấy Bốn Mắt đang đổ đầy sọt, sẵn sàng cho chuyến đi tới kho gạo. Chúng tôi ném tuyết vào nó, nhưng nó nhìn quanh quất mà không thấy chúng tôi. Không có kính, cặp mắt lồi của nó khiến tôi nhớ cái nhìn dờ dẩn, mê mụ của con chó Bắc Kinh. Đường như nó lạc lõng và nhụt chí, ngay cả trước khi nhắc sọt gạo lên lưng.

Lạc bảo nó:

“Mày điên. Không có kính mày không xoay sở nổi trên đường núi đó đâu.”

“Tao đã viết thư cho má tao. Bà sẽ gửi cặp kính mới ngay, nhưng tao không thể ngồi đợi kính. Tao ở đây là để lao động. Ít ra là ông trưởng làng nói vậy.”

Nó nói rất nhanh, như không muốn phí giờ với chúng tôi. Lạc nói:

“Khoan. Tao có ý này: tụi tao sẽ giúp mày mang sọt tới kho gạo, khi về mày cho tụi tao mượn mấy cuốn sách mày giấu trong va li. Chịu không?”

Bốn Mắt gầm lên:

“Đồ quỷ. Tao không biết mày nói gì. Tao không có sách cất giấu.”

Lấp bắp giận dữ, nó vác sọt gạo nặng lên lưng và bước đi. Lạc gọi theo:

“Một cuốn thôi. Được không?”

Không trả lời, Bốn Mắt dần bước.

Bất lợi thể xác ngăn trở nó. Chả mấy chốc, nó vướng vào thể khó xử thô bạo: tuyết khiến lối đi trơn trượt hơn thường lệ, ở vài chỗ nó lún chân tới mắt cá. Nó dán chặt cặp mắt lồi xuống mặt đất phía trước, nhưng không thấy các hòn đá nhô lên để đặt chân vào. Nó mù mờ tiến tới, lảo đảo và lắc lư như gã say. Tới chỗ lối đi hụt mất, nó thò chân tìm chỗ, nhưng chân kia oằn xuống không đỡ nổi sức nặng sọt gạo trên lưng, nó ngã khụy. Nó cố chống đỡ ở vị trí đó để không đổ sọt gạo trên lưng, dùng tay gạt tuyết để thấy đường, từng mét từng mét, tới khi nó xoay sở lồm cồm đứng lên lại.

Từ xa chúng tôi nhìn nó đi quanh co xuống con đường, chỉ mấy phút sau lại trượt chân. Lần này sọt va vào đá lúc nó ngã làm gạo vãi ra.

Chúng tôi đi xuống giúp nó hót gạo vãi. Không đứa nào mở lời. Tôi không dám nhìn vào mắt nó. Nó ngồi xuống cới giấy, đổ tuyết ra, rồi xoa mạnh đôi chân sưng vù cho ấm.

Đầu nó cứ lắc lư như thể quá nặng. Tôi hỏi nó:

“Nhức đầu hả?”

“Không, tai tao ù. Không sao.”

Khi chúng tôi hót xong hết gạo vào sọt, cánh tay áo tôi bám đầy tinh thể tuyết. Tôi hỏi Lạc:

“Mình nên tiếp cho nó chứ?”

Nó nói:

”Ừ, phụ tao một tay với cái sọt được không? Tao thấy lạnh, có sức nặng trên lưng làm tao ảm.

Lạc và tôi cứ mỗi năm mươi mét lại thay nhau gùi sáu mươi ký gạo. Khi tới kho chúng tôi hoàn toàn kiệt sức.”

Về lại đến nhà, Bốn Mắt đưa chúng tôi một cuốn sách - một cuốn mỏng, sờn cũ. Tên tác giả là Balzac.

*

“Ba-nhi-trát-khắc”. Dịch sang Hoa văn, tên tác giả Pháp gồm bốn ký hiệu. Dịch thuật thần sầu! Hai âm tiết nặng cũng như âm rung hung hãn kiểu phát âm xưa của cái tên biến mất. Giờ đây bốn chữ - rất thanh tao, mỗi chữ chỉ vài nét - hợp lại tạo thành một vẻ đẹp khác thường, nức mùi ngoại lai, gợi cảm như mùi rượu vang nồng cất hàng thế kỷ trong hầm. (Nhiều năm sau tôi biết dịch giả cũng là một nhà văn lớn. Bị cấm xuất bản tác phẩm của mình vì lý do chính trị, ông dùng cả cuộc đời còn lại dịch tiểu thuyết Pháp).

Bốn Mắt có dẫn đo nghĩ ngợi sẽ cho chúng tôi mượn cuốn sách nào không? Hay chỉ là ngẫu nhiên? Có lẽ nó nhặt cuốn đó chỉ vì so với cả kho tàng trong va li quý giá của nó, cuốn đó mỏng nhất, và nát nhất. Liệu nó có động cơ kín đáo nào chúng tôi không dò được? Bất kể nguyên do gì, lựa chọn của nó có ảnh hưởng sâu sắc trên cuộc đời chúng tôi.

Cuốn sách mỏng tựa đề Ursule Mirouët.

Lạc đọc cuốn sách ngay tối hôm Bốn Mắt cho chúng tôi mượn, và tới đoạn kết lúc trời hừng đông. Nó tắt ngọn đèn dầu và đưa sách cho tôi. Tôi nằm trên giường đến khi đêm xuống, không ăn, hoàn toàn cuốn vào câu chuyện Pháp về tình yêu và phép lạ.

Hãy hình dung một đứa mười chín, còn mơ màng trong tuổi niên thiếu, cả đời chưa từng nghe gì ngoài những câu cách mạng rỗng tuếch về chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa cộng sản, ý thức hệ và tuyên truyền, nay lao đầu vào một câu chuyện đánh thức lòng khao khát, cảm xúc, hành động thôi thúc, tình yêu, tất cả những đề tài cho tới lúc đó nó bị giấu.

Dù hoàn toàn không biết gì về vùng đất xa xôi gọi là Pháp đó (tôi có nghe cha tôi nhắc tới Napoléon vài lần thế thôi), chuyện của Ursule cũng thật như chuyện hàng xóm. Những rối rắm về thừa kế và tiền bạc xảy đến cho cô khiến câu chuyện càng đáng tin hơn, vì thế càng tăng sức mạnh của lời văn. Đến cuối ngày, tôi đã khá quen thuộc với Nemours, hình dung mình đứng cạnh lò sưởi trong phòng khách nhà nàng cùng với các bác sĩ và cha xứ... Ngay cả đoạn về nam châm và mộng du đối với tôi cũng đáng tin và mê hoặc.

Tôi không ra khỏi giường trước khi lật xong trang cuối. Lạc chưa trở về. Lúc nó lên đường khi trời vừa sáng, tôi chắc chắn nó đi thăm cô bé thợ may để kể cho cô câu chuyện tuyệt vời này của Balzac. Tôi đứng ở ngưỡng cửa nhà sàn một lát, vừa gặm mẩu bánh bắp vừa ngắm bóng đỉnh núi tối tăm lơ mờ phía trước. Làng cô bé thợ may ở quá xa không thể thấy đèn trong nhà, nhưng trong tâm trí mình, tôi có thể hình dung Lạc đang kể chuyện cho cô. Bất chợt tôi thấy nhói lên ghen tị, một cảm xúc cay đắng trước kia tôi chưa từng có.

Trời lạnh buốt, tôi run rẩy trong chiếc áo khoác ngắn da cừu. Dân làng ăn, ngủ hay làm việc riêng trong hoàng hôn. Nhưng phía trước căn nhà sàn của chúng tôi lặng lẽ. Tôi thường lợi dụng sự yên bình ngự trị trên núi vào giờ này để tập vĩ cầm, nhưng lúc này dường như việc đó gây nản lòng. Tôi bước vào nhặt cây đàn, nhưng khi chơi, âm thanh chói tai và bất đồng, như thể tôi đã quên cách đàn. Rồi tôi chợt nghĩ: mình sẽ chép lại những đoạn ưa thích trong Ursule Mirouët, từng chữ từng chữ.

Lần đầu tiên trong đời tôi thấy khát khao chép lại những câu trong sách. Tôi lục khắp phòng tìm giấy, nhưng chỉ thấy vài tờ định dùng viết thư cho cha mẹ.

Tôi quyết định viết thẳng lên mặt trong áo khoác da cừu của mình. Cái áo khoác ngắn, tặng vật của dân làng lúc tôi đến, làm bằng da, sợi len dài ngắn đủ cỡ đủ loại bên ngoài, bên trong là lớp da trần. Khó tìm những đoạn thích hợp trong sách vì chỗ trống trên áo có giới hạn, càng ít chỗ hơn vì da đã nứt quá nhiều. Tôi chép lại chương Ursule mộng dụ Tôi ao ước như nàng: lúc nằm ngủ trên giường có thể nhìn thấy mẹ tôi đang làm gì trong căn chung cư cách năm trăm cây số, nhìn cha mẹ ăn tối, quan sát cử chỉ của họ, các món ăn trên bàn, màu bát đĩa, hít mùi thức ăn, nghe họ trò chuyện... Hơn thế nữa, như Ursule, trong giấc mộng tôi sẽ thăm những nơi mình chưa từng để mắt tới...

Viết trên tấm da con cừu già vùng sơn cước không dễ: mặt da ráp và gấp nếp, và để viết càng nhiều câu càng tốt vào chỗ có thể viết, tôi phải dùng chữ nhỏ, đòi hỏi hết sức tập trung. Lúc phủ kín hết bên trong áo, kể cả tay áo, ngón tay tôi nhức như gãy xương. Cuối cùng tôi thiếp ngủ.

Tiếng chân của Lạc đánh thức tôi. Ba giờ sáng. Tôi ngủ chưa lâu, vì ngọn đèn dầu vẫn còn sáng. Tôi thấy bóng nó lên vào phòng.

“Mày ngủ hả?”

“Không hẳn.”

“Tao cho mày xem cái này.”

Nó đổ đầy dầu vào đèn, khi ngọn bắc cháy sáng, nó cầm đèn trong tay trái, tới ngồi xuống mép giường tôi. Mắt nó sáng rực và tóc nó rối bù. Nó rút trong túi áo khoác ra một vuông vải trắng gấp gọn ghê.

“À, cô bé thợ may cho mày cái khăn tay?”

Nó không đáp. Lúc nó từ từ mở ra, tôi thấy miếng vải xé từ cái áo, chắc là của cô bé thợ may - trên đó có một mảnh vá tay. Bên trong có vài cái lá khô. Tất cả cùng một dạng đẹp, như cánh bướm, từ màu cam thẫm tới nâu sọc vàng nhạt, nhưng tất cả đều ố máu đen.

Lạc hỗn hển nói:

“Lá bạch quả. Một cây cao chót vót lộng lẫy, mọc trong thung lũng kín đáo phía đông làng cô bé thợ may. Tụi tao làm tình ở đó, dựa vào gốc cây. Cô nàng là trinh nữ, máu nhỏ xuống lá lác đác bên dưới.”

Tôi không nói nên lời. Tôi cố hình dung: cái cây, thân cây quý phái, cành cây hùng vĩ, thắm lá cánh bướm, rồi tôi hỏi:

“Đúng?”

“Ừ, như ngựa. Có lẽ vì vậy sau đó cô nàng cười, tiếng cười chói tai, hoang dại, và vang xa ngay cả chim chóc cũng cất cánh vì hoảng sợ.”

*

Khi đã mở mắt, chúng tôi giữ lời trả lại Ursule Mirouët cho ông chủ chính đáng của nàng: Bốn Mắt, hay đúng hơn bây giờ là Hai Mắt vì đã mất kính. Chúng tôi ảo tưởng rằng nó sẽ cho mượn thêm sách trong cái va li bí mật, để đổi lấy những việc chúng tôi làm hộ nó vì mắt kém không làm được.

Nhưng nó không nghe. Chúng tôi thường tới nhà nó mang theo thức ăn, giúp vui cho nó, chơi vĩ cầm cho nó... Cuối cùng cặp kính mới mẹ nó gửi tới, nó không còn là đứa mù dờ, và hy vọng của chúng tôi lúc này chấm dứt.

Bọn tôi cay đắng hối tiếc đã trả sách. Lạc cứ lập đi lập lại:

“Đáng lẽ mình đừng trả. Đáng lẽ tao đã có thể đọc từng trang cho cô bé thợ may để cô nàng tinh tế hơn, văn hoá hơn, tao tin chắc như vậy.”

Nó bảo đoạn chép lại lên mặt trong áo khoác của tôi đã cho nó ý đó. Lạc và tôi có thói quen dùng chung áo quần, và một hôm nhằm ngày nghỉ, nó mượn áo da cừu của tôi để mặc lúc đi gặp cô bé thợ may ở gốc cây bạch quả trong thung lũng tình yêu. Nó giải thích:

“Sau khi nghe tao đọc từng chữ đoạn văn Balzac, cô nàng cầm áo mày lặng lẽ đọc lại hết. Âm thanh duy nhất là tiếng lá rì rào trên cao, và tiếng nước chảy nghe thoảng từ con thác xạ Trời đẹp, bầu trời thiên

thanh, tươi và trong. Đọc xong cô nàng ngồi đó rất yên, miệng mở. Áo may nằm trên lòng tay, như linh vật trong bàn tay tín đồ.”

Lạc nói tiếp:

“Anh chàng Balzac này là phù thủy. Hắn chạm đầu cô sơn nữ này bằng ngón tay vô hình, và cô nàng biến đổi, cuốn đi trong mơ Một lúc cô nàng mới tỉnh. Cuối cùng cô nàng mặc cái áo tã của may vào (phải nói là rất đẹp). Cô nàng nói có chữ của Balzac sát da thịt làm cô nàng cảm thấy thích, và cũng thông minh hơn.”

Hưởng ứng sôi nổi của cô bé thợ may khiến chúng tôi càng bức hơn vì đã trả sách. Thật vậy, chúng tôi phải đợi tới đầu hè mới có cơ hội khác.

Hôm đó Chủ nhật. Bốn Mất đốt lửa trong sân nhà để nấu vạc nước đặt trên hai hòn đá. Lạc và tôi ngạc nhiên thấy nó loay hoay quanh nhà.

Thoạt tiên nó không nói tiếng nào với chúng tôi. Dường như nó mệt và chán ngán. Khi nước sôi, nó cởi áo khoác với vẻ chán ghét, bỏ vào vạc và lấy khúc cây dài chìm xuống. Hơi nước cuộn cuộn, nó cứ khuấy cái áo khốn khổ trong lúc bọt tăm đen, sợi thuốc lá và mùi hôi hám nổi lên mặt nước.

Tôi hỏi:

“Giết rận hả?”

“Ừ, tao bị Ở Vực Ngàn Thước.”

Chúng tôi đã nghe về vách núi này, nhưng chưa từng đặt chân đến. Nó khá xa làng chúng tôi, ít nhất nửa ngày đi bộ.

“May làm gì ở đó?”

Nó không đáp. Rất có phương pháp, nó cởi sơ mi, áo lót, quần và vớ, và ném vào nước sôi. Khắp thân hình xương xẩu của nó điểm những vết sưng đỏ, da rách chảy máu và đầy dấu gãi.

Bốn Mất kể:

“Rận ở cái vực đá trời đánh đó, khổng lồ. Thậm chí tụi nó xoay xở để trứng ở đường may trên áo quần tao.”

Nó vào nhà tìm quần đùi, giơ ra cho chúng tôi xem trước khi bỏ vào vạc. Trời hỡi! Dọc theo đường khâu là hàng dãy trứng đen, lóng lánh như những hạt thủy tinh bé tí. Chỉ liếc nhìn cũng đủ làm tôi nổi da gà từ đầu tới chân.

Lạc và tôi ngồi bên nhau đốt đồng lửa, trong khi Bốn Mất đứng chồm trên vạc, khuấy áo quần bằng khúc cây dài. Từng chút từng chút, nó tiết lộ cho chúng tôi bí mật đằng sau chuyến đi tới Vực Ngàn Thước.

Hai tuần trước nó nhận thư mẹ, nhà thơ một thời lừng danh trong tỉnh chúng tôi vì những bài ngợi ca sương mù, mưa và hoài niệm thẹn thùng của mối tình đầu. Bà báo rằng một người bạn cũ của bà được chỉ định làm tổng biên tập tạp chí chuyên về văn chương cách mạng, tuy tình thế ông cũng bấp bênh, ông hứa sẽ cố tìm chỗ trong tạp chí cho con bà. Thật ra mà nói, để tránh về thiên vị, ông đề nghị sẽ đăng trong tạp chí của ông lời một số ca khúc phổ thông, những bài dân ca chính gốc, đầy tính hiện thực lãng mạn mà Bốn Mất sẽ gom góp từ các nông dân vùng sơn cước.

Sau khi nhận tin này, Bốn Mất sướng như tiên. Nó cảm thấy thay đổi hoàn toàn. Lần đầu tiên trong đời, nó tràn ngập hạnh phúc. Nó không chịu ra lao động ngoài đồng. Thay vào đó, nó để hết trí óc và tâm hồn vào việc một mình tìm kiếm các bài dân ca miền núi. Nó tin chắc sẽ gom góp thành công một sưu tập lớn, khiến người thưở xưa ngưỡng mộ mẹ nó giữ lời hứa. Nhưng cả tuần trôi qua, nó vẫn chưa có một câu hát nào đáng để đăng trong một tạp chí nhà nước.

Lau nước mắt vỡ mộng, nó viết thư kể cho mẹ về nỗi khó khăn của mình. Đúng lúc nó đưa bao thư dán kín cho ông bưu tá, ông nhắc tới một cụ già sống ở Vực Ngàn Thước. Ông cụ này là thợ xay nghèo, biết tất cả các bài hát trong vùng, và tuy mù chữ, ông nổi danh là ca sĩ vô địch. Bốn Mất xé thư cho mẹ ngay tại chỗ, và lập tức lên đường làm một chuyến thám hiểm mới.

Nó kể:

“Lão già nát rượu và rất nghèo. Trong đời tao chưa bao giờ thấy ai nghèo như vậy. Mà biết lão nhấm rượu với cái gì không? Sỏi! Tao thề trên đầu mẹ tao là thật. Lão nhúng sỏi vào nước muối, bỏ vô miệng mút rồi nhổ ra lại. Lão nói món này là ”bánh bao ngọc chấm sốt máy xay“. Lão mời, nhưng tao từ chối. Tao đâu biết mình đã chạm tự ái lão, nhưng sau đó lão rất khó chịu. Tao cố hết sức gạ lão hát, thậm chí đưa tiền, nhưng lão ngậm miệng như hến. Tao ở với lão hai ngày tại nhà máy xay cũ, hy vọng moi được lão. Tao ngủ trong giường lão, quần trong cái chần mười năm chưa giặt...”

Hình dung cảnh tượng chẳng khó: Bốn Mắt nằm trên cái giường lúc nhúc rận, cổ thức, phòng khi trong giấc ngủ ông cụ bỗng hát những đoạn dân ca chân thực, trong khi chấy rận nhưng nhúc từ hang hốc bò ra tấn công trong bóng tối, hút máu nó, trượt trên tròng kính trơn mà nó không tháo ra để đi ngủ. Mỗi cái trở mình nhẹ nhất, mỗi tiếng ậm ừ nhỏ nhất của ông cụ, thằng bạn Bốn Mắt của chúng tôi nín thở, sẵn sàng bật đèn pin bỏ túi và ghi chép như gián điệp. Nhưng sau một thoáng hồi hộp ngắn ngủi, mọi thứ trở lại bình thường, ông cụ ngáy đều theo nhịp guồng nước quay vô tận.

Lạc hồ hững nói:

“Tao có ý này. Nếu tụi tao gạ được ông thợ xay của mày hát mấy bài dân ca cho tụi tao, mày có cho tụi tao mượn thêm sách của Balzac không?”

Bốn Mắt không trả lời ngay. Nó chăm chú cặp kính mờ hơi nước vào vạc nước đen đang sôi bọt, như bị thôi miên vì lũ rận chết lộn nhào giữa bọt tắm và vụn thuốc lá.

Cuối cùng nó ngừng đầu hỏi Lạc:

“Mày định bắt tay vào việc thế nào?”

4. Chương 4

Nếu thấy tôi trên đường tới Vực Ngàn Thước vào ngày hè năm 1973, bạn sẽ ngỡ rằng tôi bước ra từ tấm ảnh chính thức của đại hội Đảng Cộng sản, hay từ chân dung đám cưới của một cán bộ cách mạng. Tôi mặc áo khoác xanh lính thủy, cổ áo xám sậm, do cô bé thợ may may cho. Nó đúng y cái áo khoác Mao chủ tịch mặc, từ cổ xuống tới dãi tay và đường viền trên tay áo: ba cái cúc đồng lấp lánh mỗi khi tôi cử động cánh tay. Để nguy trang về trẻ trung của mái tóc mất trật tự dựng đứng trên đầu tôi, cô thiết kế y phục của bọn tôi : che đầu tôi bằng cái nón kết cũ màu lục như nón sĩ quan của cha cô. Không may là đối với tôi cái nón nhỏ ít nhất một số.

Còn Lạc, để đúng với vai thư ký, nó mặc quân phục bạc màu chúng tôi mượn ngày hôm trước của một nông dân trẻ vừa xong nghĩa vụ quân sự trở về. Ngực nó lóng lánh một huy hiệu đỏ chói, hình nổi đầu Mao mạ vàng, tóc chải lật ra sau đầu vào đấy.

Vì trước đó chưa bao giờ phiêu lưu vào vùng núi hoang dã và heo hút này, chúng tôi suýt lạc trong rừng tre rậm rạp. Tre chót vót khắp nơi, lóng lánh hạt mưa, chùm lá giao nhau trên đầu và vây lấy chúng tôi. Mùi hăng của thú vật vô hình, thỉnh thoảng nghe tiếng tách nhẹ của mầm măng mới lớn và đang đâm chồi. Những loại tre mạnh hơn đường như có thể mọc thêm ba tấc mỗi ngày.

Máy xay chạy bằng nước của người ca sĩ già giàng chân trên dòng nước lũ từ vách đá cao đổ xuống. Trông nó như một di vật thời quá khứ, với những guồng đá trắng vân đen, khổng lồ, quay theo nhịp đều đều thôn dã.

Bên trong, phiên gỗ sàn nhà tầng trệt rung lên. Nhìn qua khe ván cong cũ kỹ có thể thấy nước chảy xiết giữa các tầng đá. Tiếng đá nghiền vang dội trong tai. Ông cụ mình trần đứng giữa phòng, đổ ngũ cốc vào lỗ xay. Ông ngừng việc lúc chúng tôi vào, và nghỉ ngơi lặng lẽ nhìn chúng tôi. Tôi chào ông, không bằng tiếng Tứ Xuyên của mình, mà bằng tiếng quan thoại như thể mình là tài tử xi nê.

Ông cụ ngạc nhiên hỏi Lạc:

“Nó nói tiếng gì vậy?”

Lạc đáp:

“Tiếng chính thức. Tiếng Bắc Kinh. Cụ không nói tiếng quan thoại à?”

“Bắc Kinh ở đâu?”

Chúng tôi sửng sốt vì câu ông hỏi, nhưng khi nhận ra ông nói thật, bọn tôi không khỏi cười ồ. Trong thoáng chốc, tôi hầu như ganh với sự mù tịt về thế giới bên ngoài của ông.

Lạc hỏi:

“Bác Bình, cụ có thấy quen quen không?”

Ông cụ nói:

“Bách Bình à? Quen, thành phố lớn ở phía bắc! ”

Lạc giải thích:

“Tên đổi hai mươi năm trước rồi, bố ạ. Và ông này đây, ổng nói tiếng chính thức ở Bách Bình như cụ gọi.”

Ông cụ nhìn tôi kính nể. Ông nhìn chăm chăm cái áo Mao của tôi, rồi dán mắt lên ba cái khuy trên cánh tay áo. Ông thò đầu ngón tay sờ chúng. Ông hỏi:

“Mấy cái thứ xinh xắn này để làm gì?”

Lạc dịch câu hỏi cho tôi. Tôi trả lời bằng tiếng quan thoại ngập ngừng của mình. Nhưng thông dịch viên của tôi bảo cụ già xay cối rằng tôi nói chúng là dấu hiệu của cán bộ cách mạng thứ thiệt.

Lạc nói tiếp bằng giọng khéo léo của tên đại bợm:

“Ông này tận Bắc Kinh tới để sưu tập các bài dân ca của vùng này, và công dân nào biết đều có nhiệm vụ truyền lại cho ông ạ”

Ông cụ nghi ngờ liếc về phía tôi và hỏi:

“Bài ca miền núi của chúng tôi à? Anh cũng biết, không thích hợp đâu, toàn mấy bài ngắn, cổ lỗ sĩ ấy mà.”

“Ông này tìm đúng mấy bài đó: mấy lời hát chính gốc, nguyên thủy, thô thiển trong các đoản khúc xưa.”

Cụ thợ xay ngẫm nghĩ yêu cầu rất cụ thể này. Rồi ông cười toe toét nhìn tôi với ánh mắt tinh quái lạ lùng.

“Anh có thật... ?”

Tôi cương quyết đáp:

“Thật.”

“Ông ấy thật muốn tôi hát mấy bài thô lỗ nhằm nhí cho ông ấy à? Vì, ông thấy, mấy khúc hát của chúng tôi, như mọi người biết là...”

Ông ngừng lại vì một toán nông dân vác những sọt nặng trên lưng đi vào.

Tôi rất lo, gã “thông dịch viên” cũng lo không kém. Tôi thì thâm vào tai nó: “Chuồn hử?” Nhưng ông cụ quay sang chúng tôi và hỏi Lạc:

“Ông ấy nói gì?”

Tôi thấy đỏ mặt, và để giấu vẻ bối rối, tôi vội ra phụ các nông dân hạ sọt xuống.

Họ có sáu người. Hình như chưa ai tới làng chúng tôi, và khi biết chắc họ không rõ chúng tôi là ai, tôi cảm thấy yên tâm hơn. Họ để trên sàn những sọt bắp nặng mang tới xay.

Cụ thợ xay bảo các nông dân:

“Tôi đây nào, để tôi giới thiệu anh thanh niên từ Bách Bình đến cho các ông. Thấy ba cái cúc trên ống tay áo chưa?”

Hơn hử, ông già ở ẩn nắm cổ tay tôi giơ lên vẩy trước mặt nông dân, cho họ say ngắm những cái cúc vàng vớ vẩn.

Ông reo lên, rượu phì khỏi miệng:

“Các ông biết là gì không? Dấu hiệu của cán bộ cách mạng đấy.”

Tôi sửng sốt vì bàn tay chai sạn mạnh mẽ của ông cụ khằng khiu này. Cái nắm chặt trên cổ tay tôi muốn đập xương. Thằng bịp Lạc đứng cạnh dịch lời ông thợ xay ra tiếng quan thoại với tất cả vẻ trang trọng của một thông dịch viên chính thức. Tôi thấy mình gật chào, và bắt tay mọi người như nhà lãnh tụ trong phim thời sự, cùng lúc lấp bấp những câu lịch sự bằng tiếng quan thoại rất nghèo nàn.

Đời tôi chưa bao giờ cư xử như thế. Tôi ân hận chuyển viếng thăm giả danh này, đảm nhận sứ vụ bất khả một cách thiếu suy nghĩ vì Bốn Mắt, chủ nhân độc địa của cái va li da.

Tôi gật đầu hăng hái tới nỗi cái mũ xanh của mình, hay đúng hơn là mũ ông thợ may, rơi xuống đất.

Rốt cuộc các nông dân ra về, để lại một núi bấp đợi xay.

Tôi cảm thấy kiệt quệ, đầu nhức vì cái nón chặt càng lúc càng như vòng sắt siết lên xương sọ.

Ông cụ thợ xay dẫn chúng tôi tới thang gỗ ọp ẹp, thiếu hai ba thanh ngang lên tầng trên. Ông lục giỏ mây lôi ra bầu rượu đầy và ba cái chén nhỏ.

Ông nhe miệng cười:

“Ở đây ít bụi. Nào mình uống.”

Sàn nhà rộng, tối tăm và rải rác những hòn sỏi, chúng tôi ngỡ là “bánh bao ngọc” mà Bốn Mắt đã kể. Như nhà dưới, không một mảnh đồ đạc gì ngoại trừ cái giường lớn. Trên tường treo tấm da beo hay báo đen lốm đốm, và cây đàn, một thứ đàn cò bằng tre có ba dây.

Cụ thợ xay mời chúng tôi ngồi xuống giường. Đúng cái giường đã cho Bốn Mắt một kỷ niệm đau đớn.

Tôi liếc gã thông dịch của mình, rõ ràng nó cũng e sợ như tôi. Lạc lấp bấp, nó bắt đầu sồn lòng:

“Ngồi bên ngoài không thích hơn sao? Trong này tối quá.”

“Đừng lo, cứ để tôi.”

Ông cụ thắp đèn dầu đặt xuống giữa giường. Bình gần cạn, vì thế ông bỏ đi tìm dầu. Phút sau ông quay lại với bầu dầu đầy. Ông đổ thêm vào cây đèn, và đặt nửa bầu dầu cạnh bầu rượu.

Chúng tôi ngồi xồm trên giường uống rượu quanh ngọn đèn dầu. Cạnh tôi, một bó áo quần bẩn cuộn trong cái chăn thô Vừa nhấp rượu tôi vừa cảm thấy lũ rận tí ti đang bò lên một chân mình. Tôi quyết định từ bỏ lễ nghi cán bộ và kín đáo thò tay vào quần, nhưng lập tức thấy chân kia cũng bị tấn công. Tôi tưởng tượng thân mình là bãi tập hợp của đoàn quân chấy rận đang say máu mới, cồn cào vì món hẩu trên gân máu khốn khổ của tôi. Tôi hình dung Bốn Mắt khuấy một vạc lớn áo quần cuộn cuộn, chìm đắm, quay cuồng - chỉ khác đó là cái áo khoác mới kiểu Mao của tôi sôi sục giữa đám bọt tăm đen.

Lát sau ông cụ thợ xay bỏ đi, phó mặc chúng tôi cho chấy rận. Ông quay lại mang theo đĩa, cái chén nhỏ và ba đôi đũa, để hết trên chần cạnh cây đèn. Rồi ông lại leo lên giường.

Cả Lạc lẫn tôi đều không giây phút nào nghĩ ông cụ lại trơ tráo mời chúng tôi cùng một món như đã mời Bốn Mắt. Nhưng muốn lảng ông ta đi thì đã quá muộn. Cái đĩa đầy những hòn sỏi nom bình thường, đủ màu xám và lục, cái chén đựng nước trong lồng lảnh dưới ánh đèn dầu. Những hạt muối dưới đáy cho chúng tôi biết đây phải là sốt máy xay. Trong khi đó, bọn tấn công đang tiến tới giới hạn bành trướng lãnh thổ của chúng: chúng chui vào nón, và tôi thấy tóc mình dựng đứng lúc chúng xâm lăng da đầu tôi.

Ông cụ bảo:

“Xin mời. Đây là món nhắm thông dụng của tôi: bánh bao ngọc với sốt mặn.”

Ông cầm đũa gấp một hòn sỏi trong đĩa và từ từ chấm vào nướót sớt như đang làm lễ. Rồi ông đưa viên sỏi lên môi mút ngon lành. Ông ngậm trong miệng một lúc lâu. Tôi thấy nó lặn giữa hàm răng sâu của ông, nhưng đúng lúc như sắp nuốt, nó lại trôi lên từ sâu trong cuống họng. Ông cụ mím môi, từ khoé miệng phun hòn sỏi ra trượt trên sàn nhà.

Sau một thoáng lưỡng lự, Lạc cầm đũa và nếm món bánh bao ngọc đầu tiên trong đời, vẻ mặt lịch sự tán thành pha lẫn thương hại. Ông khách từ Bách Bình là tôi theo sau. Nước sớt không mặn lắm, và viên sỏi có vị chua ngọt.

Ông cụ cứ rót đầy ly rượu và ép chúng tôi cùng ông nâng chén. Ba cái miệng phun sỏi bay cầu vòng khắp không gian. Có viên đập những viên đã rơi vãi trên sàn thành tiếng lách cách vui tai.

Ông cụ đang hứng. Ông cũng biết duyên cớ hôm nay. Trước khi hát những sơn khúc ngắn, ông xuống nhà ngừng cối xay đang quá ồn. Rồi ông ra đóng cửa sổ để âm thanh tốt hơn. Ông vẫn cởi trần, và cẩn thận sửa lại sợi dây lưng bện rơm trước khi gỡ cây đàn ba dây trên tường xuống.

Ông đề nghị:

“Các chú muốn nghe mấy bài hát xưa hã?”

Lạc nói bằng giọng tin cẩn:

“Thưa phải, cho một tạp chí quan trọng của nhà nước. Chúng tôi tin nơi cụ. Chúng tôi cần những bài chính gốc, chân thực, điểm nét hiện thực lãng mạn.”

“Anh bảo lãng mạn nghĩa là gì?”

Lạc ngẫm nghĩ câu hỏi, rồi đặt tay lên ngực như đang làm chứng trước quyền năng siêu nhiên:

“Cảm xúc và tình yêu.”

Ông cụ khảy nhẹ dây đàn như cầm cây ghi tã. Sau vài nốt, ông bắt hát hầu như không nghe rõ.

Chúng tôi chú ý ngay tới cái bụng méo mó của ông, kỳ lạ tới nỗi khoa? lấp giọng hát, giai điệu và mọi thứ. Gầy gò, ông gần như không có bao tử, chỉ một lớp da nhăn vô số nếp trên bụng. Lúc ông khởi sự hát, lớp nhăn cuộn cuộn lên, tạo thành những đợt sóng nhỏ lặn tẩn trên thân thể sạm nắng bóng loáng. Sợi dây lưng bện rơm cũng bắt đầu nhấp nhộ. Thỉnh thoảng nó biến mất vào trong cuộn da, nhưng ngay lúc tưởng như chìm hẳn trong dòng thủy triều nó lại trôi lên, nghễu nghện và tỉnh khô. Một cái thắt lưng thần kỳ.

Giọng cụ thợ xay lập tức đổi sang khàn và trầm, mỗi lúc mỗi lớn. Khi hát, mắt ông đảo không ngừng từ mặt Lạc sang tôi, vẻ nhìn từ thân thiện đồng loã sang đăm đăm hoang dại.

Đây là bài hát của ông:

Hãy kể cho tôi:

Con rận già,

Nó sợ gì?

Nó sợ nước sôi,

Nước sôi là nước sôi.

Còn cô tiểu nhỏ,

Hãy kể cho tôi,

Cô sợ gì?

Cô sợ sư cụ,

Sư cụ là sư cụ,

Bọn tôi ôm bụng cười. Tất nhiên, chúng tôi cố kìm mình, nhưng tiếng khúc khích ngấm càng lúc càng tăng tới khi nổ bùng. Cụ thợ xay cũng mỉm cười và hát tiếp, trong lúc làn da cứ cuộn trên bao tử. Lạc và tôi lăn ra sàn, bật cười rũ rượi.

Lạc lau mắt đứng dậy. Nó cầm bầu rót đầy ba chén trong khi chúng tôi đợi người ca sĩ già hát hết bài ca sơn cước chân chất, chính gốc, lãng mạn này.

Lạc đề nghị:

“Nâng chén chúc mừng cái bao tử khó tin của cụ.”

Vùng vẫy ly rượu, người ca sĩ của bọn tôi mời bọn tôi đặt tay lên bụng ông. Ông hít hơi thật sâu, không hát, mà chỉ làm trò dọn sóng trên bao tử. Rồi chúng tôi cùng chén uống một hơi cạn. Trong vài giây, cả ba chúng tôi ngồi chết sững. Rồi thành linh cổ tôi ứ lên một vị kinh khủng tới nỗi tôi quên vai của mình, và buột miệng bằng tiếng Tứ Xuyên lộ liễu:

“Cái món rượu lậu của cụ nấu bằng gì?”

Tôi hỏi vừa xong, cả ba lập tức phun hết những gì trong miệng ra hầu như đồng loạt: Lạc đã cầm lộn bầu. Nó không rót rượu mà rót dầu đèn.

*

Tôi nghĩ từ khi tới núi Phụng Hoàng chắc đây là lần đầu tiên Bốn Mắt mới thật sự nhìn một người nào với vẻ mãn nguyện sâu xa như thế. Trời nóng. Mặt nó đỏ mồ hôi, cặp kính cứ trượt trên cái mũi nhỏ. Trong lúc nó cắm đầu trên những mẩu giấy vấy muối, rượu và dầu đèn, trên đó chúng tôi ghi mười tám bài hát của cụ thợ xay, Lạc và tôi để nguyên giấy áo bỏ lên giường nó. Bọn tôi mệt đứt hơi: lặn lội gần suốt đêm băng qua núi, và sau khi xuyên rừng tre, tiếng thú hoang vô hình theo chúng tôi mãi tới bình minh. Bất chợt nét mỉm cười tan biến trên mặt Bốn Mắt, nhường chỗ cho vẻ cau kính.

Nó quát tháo:

“Đồ chết tiệt! Tụi mày ghi được toàn mấy câu tục tĩu!”

Giọng nó sắc cạnh như sĩ quan quân đội. Tôi giật lùi vì cơn thịnh nộ của nó, nhưng không nói. Chúng tôi chỉ muốn nó cho mượn hai cuốn sách để đổi lấy cổ găng của mình.

Lạc bèn chồn nhắc cho nó nhớ:

“Mày nói mày muốn bài hát miền núi chính gốc.”

“Trời ơi! Tao muốn, mà tao cũng nói tụi mày là tao muốn những câu hát tích cực đượm chất hiện thực lãng mạn.”

Vừa nói Bốn Mắt vừa nhón ngón tay giờ một trang lên vấy vào mặt chúng tôi. Tiếng giấy sột soạt lẫn với giọng thầy giáo mắng nhiếc của nó.

“Hai đứa mày sao vậy, chỉ toàn kiểm thử bị cấm hả?”

Lạc nói:

“Đừng cường điệu.”

“Mày nghĩ tao cường điệu? Mày muốn tao trình cái này cho ủy ban xã không? Lão thợ xay của tụi mày sẽ bị kết tội phổ biến thứ dâm ô, thậm chí có thể đi tù. Tao nói thiệt.”

Bỗng nhiên tôi ghét nó. Nhưng tôi không tỏ ra. Tốt hơn nên đợi tới khi nó giữ lời hứa cho bọn tôi mượn thêm sách.

Lạc nói:

“Thì cứ đi báo cáo ông cụ đi! Tao nghĩ ông hay - bài hát, giọng ca, cái bụng dọn sóng quái đản, và những thứ ổng kể. Tao sẽ trở lại đó biểu ổng ít tiền vì lòng ân cần của ổng.”

Ngồi ở mép giường, Bốn Mắt gác cái cẳng khăng khiu của nó lên bàn và đọc tiếp những tờ ghi chép của chúng tôi.

“Làm sao tụi mày phí bằng ấy thời giờ chép thứ ngớ ngẩn này? Tao không tin nổi. Tụi mày nghĩ tạp chí nhà nước sẽ tính chuyện đăng đồ cứt này hả? Họ sẽ cho tao việc nhờ cái này hả? Tụi mày mất trí rồi.”

Từ khi nhận được thư mẹ, nó thay đổi thật khác thường. Vài ngày trước khó mà nghĩ nó quạt chúng tôi như thế này. Tôi không ngờ một tia hy vọng nhỏ xíu cho tương lai có thể hoàn toàn biến đổi một con người. Nó kiêu căng một cách điên rồ, giọng nó sôi lên khao khát và căm hờn. Nó không nhắc gì đến cuốn sách đáng lẽ cho bọn tôi mượn. Nó đứng bật dậy, ném những tờ ghi chép của chúng tôi lên giường rồi đi vào bếp. Chúng tôi nghe nó vừa thái rau vừa lầu bầu.

“Tao đề nghị tụi mày gom hết mấy tờ giấy của tụi mày cất vào túi, hay tốt hơn nên đốt ngay đi. Tao không muốn đồ bị cấm đó nằm vạ vật, nhất là trên giường tao!”

Lạc vào bếp gấp nó:

“Cho tao mượn hai cuốn sách rồi tụi tao sẽ về.”

“Sách gì?”

Tôi nghe Bốn Mắt vừa lải nhải, vừa tiếp tục thái bắp cải và củ cải.

“Sách mày hứa với tụi tao.”

“Mày nghĩ tao điên hay sao? Mày đem về cho tao thứ rác rưởi vô dụng, chỉ tổ làm tao bị rắc rối! Rồi mày còn trơ mặt giả bộ...”

Nó ngưng giọng và lao lại vào phòng, tay vẫn cầm con dao bếp. Nó chộp mớ giấy trên giường, rồi chạy ra cửa sổ đọc lại lần nữa dưới ánh mặt trời ban mai. Nó thốt:

“Trời đất! Tao thoát rồi. Tao chỉ cần đổi chút xíu. Tao có thể thêm đúng lời chỗ này chỗ kia, và cất bỏ mấy chỗ tục tũn... Đồ ngu, tụi mày đúng là ngu! Ít nhất tao còn nghĩ đúng được, hơn cả hai đứa mày.”

Không chút khó khăn, nó đọc lớn bài hát đầu tiên với các câu cải biên, hay nói đúng hơn là bóp méo của nó:

Hãy kể cho tôi:

Lũ chí rận tư sản,

Chúng sợ gì?

Chúng sợ làn sóng vô sản sục sôi.

Tôi chồm lên lao vào nó. Trong cơn phẫn nộ, tôi chỉ muốn giật những tờ giấy khỏi tay nó, nhưng khi vung tay, tôi vô tình đâm vào hàm nó khiến nó lão đảo. Ót nó đập vào tường, con dao rơi khỏi tay, và mũi nó chảy máu. Tôi cố giật giấy ghi chép của mình để xé thành từng mảnh vụn và nhét vào miệng nó, nhưng nó giữ chặt.

Từ lâu tôi không dự vào bất cứ vụ đánh nhau nào, vì thế tôi quá đà, và trong mấy phút tôi chẳng biết chuyện gì xảy ra. Tôi thấy miệng nó mở lớn, nhưng không nghe tiếng nó hét.

Ra đến ngoài tôi bình tĩnh lại. Lạc và tôi ngồi ven đường, ở chân một tảng đá. Lạc xĩa ngón tay lên chiếc áo khoác kiểu Mao của tôi, có vết máu Bốn Mắt.

Nó nói:

“Mày giống người hùng trong phim chiến tranh. Ôi dào, từ nay khỏi có Balzac.”

*

Mỗi khi có ai hỏi tôi thị trấn Vĩnh Kính như thế nào, tôi sẽ lập lại điều bạn Lạc nói: nhỏ tới nỗi khi căng tin địa phương nấu thịt bò xào hành, mùi bay tới mũi từng cư dân.

Thật vậy, thị trấn không hơn một con lộ độc đạo khoảng hai trăm thước, với bưu điện, thị sảnh, cửa hàng tạp hoá, thư viện và trường học. Cũng có một quán ăn dành với khách sạn mười hai phòng. Ở cuối thị trấn, trên giữa sườn đồi, là bệnh viện huyện.

Hè năm đó trưởng làng gửi chúng tôi tới thị trấn vài lần xem phim. Tôi tin rằng lý do chính đằng sau thái độ cởi mở của ông là cái đồng hồ báo thức hết sức hấp dẫn, với con gà trống lông công kiêu căng của chúng tôi: nhà cựu canh tác thuốc phiện cải hoá thành cộng sản mù người vì nó. Cách duy nhất để chiếm trọn nó cho mình, dù chỉ một thời gian ngắn, là phải chúng tôi đi Vĩnh Kính. Suốt bốn ngày chúng tôi ra đó xem phim rồi quay về làng, ông sẽ là chúa tể và là chủ cái đồng hồ.

Tới cuối tháng Tám, một tháng sau khi chúng tôi cãi nhau với Bốn Mắt, từ đó cắt đứt liên hệ, chúng tôi lại lên đường ra Vĩnh Kính, nhưng lần này bọn tôi có cô bé thợ may thấp tùng.

Sân bóng rổ kiêm rạp chiếu bóng ngoài trời chật cứng khán giả. Họ vẫn chiếu phim cũ của Bắc Hàn, Cô bé hàng hoa, phim đã làm bốn bà phù thủy ở nhà cô bé thợ may chảy nước mắt. Bộ phim dở, và xem lại lần thứ hai không làm chúng tôi đổi ý. Nhưng không vì thế chúng tôi cụt hứng. Vì chúng tôi mừng được ra thị trấn một lần nữa, ngay cả một thị trấn không lớn hơn chiếc khăn tay Hoài niệm về cuộc sống thị thành dồn dập trở về, và xin cam đoan, ngay cả mùi thịt bò xào hành cũng mang hương vị tinh tế. Hơn nữa, Vĩnh Kính có điện thay vì đèn dầu như chỗ chúng tôi. Tôi không nói quá rằng chuyến thăm thị trấn của chúng tôi trở thành nỗi ám ảnh, nhưng phải lê bước qua núi để xem phim nghĩa là ít nhất có bốn ngày khổ lao động ngoài đồng, từ việc vác phân người và phân thú trên lưng, hay cày bừa trên ruộng lúa với con trâu đuôi dài quất ngang mặt.

Lý do lên tinh thần khác của chúng tôi là cô bé thợ may đi cùng. Lúc chúng tôi đến nơi, phim đã bắt đầu, và chỉ còn chỗ đứng sau màn ảnh, nơi hình ảnh lật ngược và mọi người thuận tay trái. Nhưng cô bé thợ may không muốn bỏ lỡ cuộc vui hiếm có này. Còn chúng tôi, chúng tôi hải lòng ngắm khuôn mặt yêu kiều của cô đắm trong màu sắc rạng ngời từ màn ảnh dội lại. Đôi lúc, màn ảnh tối đi và cặp mắt cô lấp lánh như đốm lân tinh trong bóng đen. Rồi bất chợt, khi đổi cảnh, mặt cô sáng lên, tràn ngập sắc màu, và nở hoa diệu kỳ. Trong số các cô gái giữa ít nhất hai ngàn khán giả, hiển nhiên cô nàng xinh nhất. Niềm hãnh diện nam tính khuấy lên sâu trong lòng chúng tôi, giữa những cái nhìn ganh tị của bọn đàn ông trong đám đông. Khoảng giữa phim, cô quay sang thì thầm vào tai tôi. Lời cô nhói tim tôi.

“Anh kể hay hơn nhiều.”

Khách sạn chúng tôi tới sau đó rất rẻ tiền - năm xu một phòng, chưa tới giá một phần thịt bò xào hành. Trong sân, chúng tôi gặp ông gác đêm đầu hơi quen thuộc, đang ngủ gà gật trên ghế. Ông chỉ lên một cửa sổ đèn sáng, và thấp giọng bảo chúng tôi rằng căn phòng đã có một bà đi một mình thuê qua đêm. Ông nói bà ta khoảng bốn mươi và từ thủ phủ của tỉnh đến. Bà sẽ đi Phụng Hoàng sơn sáng mai.

Ông nói thêm:

“Bả đón con trai. Bả kiếm được việc cho nó ở thành phố.”

Lạc hỏi:

“Con trai bả đang học cải tạo à?”

“Ừ, như mấy chú.”

Thằng có diễm phúc này là ai - đứa đầu tiên trong hơn trăm thanh niên trên núi được thả từ học tập cải tạo về? Câu hỏi làm chúng tôi thao thức ít nhất nửa đêm, nôn nóng vì ganh tị. Giường chúng tôi như lửa đốt không thể ngủ được. Chúng tôi không biết đứa may mắn là ai, dù chúng tôi lược qua tên mọi đứa khả dĩ, loại trừ những đứa như chúng tôi thuộc loại ba phần trăm, vì là con tư sản như Bốn Mắt, hay con kẻ thù giai cấp như Lạc và tôi.

Hôm sau chúng tôi trên đường về, tình cờ tôi gặp người đàn bà đến để cứu đứa con. Ngay trước khi lồi mòn dốc lên giữa vách đá rồi mất hút trong mây trắng che phủ đỉnh núi, chúng tôi thấy một triển núi lớn điểm những ngôi mộ Tây Tạng và Trung Hoa. Cô bé thợ may muốn chỉ cho chúng tôi nơi chôn cất ông ngoại. Bản thân không thích nghĩa địa, tôi ở lại trong khi cô và Lạc thám hiểm rừng bia mộ, một số bia chìm phân nửa dưới đất, số khác phủ đầy leo dầy đặc.

Tôi ngồi dưới một mỏm đá nhô ra, và như thường lệ, nhóm lửa với lá khô và cành cây. Tôi lấy hai củ khoai lang trong túi và lùi dưới than hồng, khi nhìn lên tôi thấy người đàn bà ngồi trên ghế gỗ buộc vào vai một thanh niên. Thật ngạc nhiên là trong chỗ ngồi không chút gì vững chắc, bà tỏ vẻ hầu như thanh thản siêu nhân và đang đan áo, như thể đang ngồi trên ban công nhà.

Dáng người gầy, bà mặc áo khoác bằng nhung kẻ, màu lá cây đậm, quần nâu và đôi giày phẳng gót bằng da mềm màu lá mạ. Khi họ đi ngang, người phụ quyết định nghỉ và hạ thấp ghế xuống mặt đá phẳng. Người đàn bà cứ tiếp tục đan, không tỏ vẻ bước xuống ghế. Bà chẳng buồn liếc xem tôi làm gì, cũng chẳng nói một lời với người phụ. Dùng giọng địa phương, tôi hỏi bà có phải đã trọ qua đêm ở khách sạn Vĩnh Kính. Bà gật đầu xác nhận và tiếp tục đan. Một bà thanh lịch, hẳn là giàu có, không ngạc nhiên trước bất cứ điều gì.

Tôi nhặt que đâm một củ khoai giữa than hồng, đập lên đá vài lần để rũ tro. Tôi quyết định đổi cách phát âm.

“Mời bà hương vị núi non.”

Bà reo lên, giọng nhẹ và du dương:

“Cậu nói giọng Thành Đô!”

Tôi giải thích gia đình tôi ở Thành Đô, đó là quê tôi. Nghe thế bà xuống ghế, tay vẫn cầm que đan, và đến ngồi bên đống lửa của tôi. Hiển nhiên bà không quen ngồi xổm trong tình huống tùy tiện như thế.

Bà mỉm cười nhận củ khoai tôi mời và thổi, nhưng tránh không ăn bằng cách hỏi vì sao tôi tới chốn xa xôi này. Tôi bị học tập cải tạo à?

Tôi vừa đáp vừa lấy que cời tro tìm củ khoai kia:

“Vâng, trên Phụng Hoàng Sơn.”

Bà kêu lên:

“Thật sao? Con trai bác cũng bị cải tạo ở đó. Cháu có thể đã gặp nó. Hình như trên đó nó là đứa duy nhất đeo kính.”

Đầu que của tôi trượt khỏi củ khoai đâm vào tro. Đầu tôi choáng váng như bị tát vào mặt.

“Con trai bác là Bốn Mắt? ”

“Ừ nó.”

“Thế ra nó là đứa đầu tiên được thả!”

“Ồ, cháu đã nghe rồi à? Ừ, đúng vậy, nó sẽ làm cho tạp chí văn chương.”

“Con bác là một chuyên gia không ngờ về dân ca”

“Bác biết. Thoạt đầu hai bác sợ nó phí phạm thời giờ trên núi. Nhưng hai bác lầm. Nó sưu tập được nhiều bài ca thôn dã tuyệt vời mà nó đã phỏng theo và cải biên. Ông tổng biên tập rất thích lời bài hát.”

“Nhờ bác mà nó có thể khảo cứu. Bác đã cho nó nhiều sách để đọc.”

“Tất nhiên.”

Bà bỗng im bật, rồi liếc tôi nghi ngờ. Bà lạnh lùng nói:

“Sách à? Chắc chắn là không. Cám ơn cháu về củ khoai.”

Bà quả thật nao núng. Nhìn bà thận trọng đặt củ khoai giữa than hồng, đứng lên sẵn sàng tiếp tục lên đường, tôi tiếc là đã nhắc tới chuyện sách.

Thình lình bà quay lại đặt câu hỏi mà tôi e ngại:

“Cháu tên gì? Bác muốn kể cho con bác người bác gặp trên đường.”

Tôi ngần ngại đáp:

“Tên cháu à? Tên cháu là Lạc.”

Lời nói dối vừa buột khỏi miệng khiến tôi hồi hận. Tôi vẫn còn nghe về cảm động trong giọng nói du dương êm dịu đó khi mẹ Bốn Mắt thốt lên:

“Vậy cháu phải là con của ông nha sĩ lừng danh! Quả là ngạc nhiên! Có thật như mọi người nói ba cháu chữa răng cho Mao chủ tịch không?”

“Ai bảo bác thế?”

“Con trai bác kể trong một lá thư”

“Cháu không biết.”

“Ba cháu không kể cho cháu à? Ông thật khiêm tốn! Ông ấy nổi danh là một nha sĩ giỏi, rất giỏi.”

“Thật ra, ba cháu lúc này đang bị giam. Ông bị liệt vào thành phần kẻ thù của nhân dân.”

Giọng bà thấp xuống thành tiếng thì thầm:

“Bác cũng nghe thế. Ba của Bốn Mắt cũng đang gặp rắc rối tương tự. Nhưng cháu không nên quá lo. Lúc này, dốt nát là thời trang, nhưng một ngày nào đó sẽ lại cần có bác sĩ giỏi. Vả lại, Mao chủ tịch sẽ cần ba cháu nữa.”

“Lần tới gặp ba cháu, chắc chắn cháu sẽ chuyển lời thông cảm của bác.”

“Cháu cũng không nên mất hy vọng. Như bác đây, dù có vẽ bện đan cái áo len xanh này, thật ra bác đang làm thơ trong đầu, mà tay vẫn cứ đan.”

“Hay thật! Loại thơ gì, thưa bác?”

“Bí mật, cậu à.”

Dùng mũi que đan bà đâm củ khoai, lột vỏ và cho củ khoai còn nóng hổi vào miệng.

“Con bác thích cháu lắm, cháu biết không? Nó nhắc tới cháu nhiều lần trong thư”

“Thế ạ?”

“Ừ. Nhưng nó không thích bạn cháu, hình như là anh chàng sống cùng làng với cháu.”

Thật là một phát hiện. Tôi tự khen mình vì đã giả danh Lạc. Tôi hỏi, cố giữ giọng hững hờ:

“Sao nó không thích bạn cháu?”

“Bác nghĩ nó hơi ranh. Nó nghi con bác giấu một cái va li, mỗi lần tới chơi nó cứ tìm.”

“Một va li sách à?”

Bà lại ngờ vực:

“Bác không biết. Một hôm con bác tức cậu đó tới nỗi con bác đâm nó vào hàm và cho một trận. Bác nghe kể nó chảy máu nhiều lắm.”

Tôi lăm bầm bực tức, và phải dẫn cơn thôi thúc nói cho bà biết trí tưởng tượng sống động của con bà dùng để viết tiểu thuyết thích hợp hơn là giả mạo lời bài hát dân gian.

Bà nói tiếp:

“Bác không ngờ con bác khỏe thế. Ngay thư sau, bác khuyên nó tránh xa rắc rối, và đừng bao giờ dính líu trong tình thế nguy hiểm như vậy nữa.”

“Bạn cháu sẽ rất thất vọng khi nghe con bác từ già chúng cháu luôn.”

“Sao thế? Nó muốn trả đũa à?”

“Không, cháu không nghĩ thế. Nhưng nó sẽ phải bỏ hy vọng có ngày đặt tay lên cái va li bí mật.”

“Ôi dào. Chắc là thế.”

Khi người phu bắt đầu tỏ vẻ sốt ruột, bà từ già tôi. Chúc tôi may mắn, bà lên ghế, cầm lấy món đan, và đi mất.

*

Mộ tổ của cô bé thợ may ở cách xa đường mòn chính, nằm trên triền dốc hướng về phía nam giữa những ngôi mộ nghèo. Một số không hơn đồng đất đủ cỡ. Số khác ở trong tình trạng hơi khá hơn, bia mộ chìm trong cỏ cao, tàn úa. Ngôi mộ tổ rất khiêm tốn, thậm chí tầm thường. Bia là tảng đá xám đậm, có vân xanh, xói mòn vì khí hậu khắc nghiệt nhiều thập kỷ, khắc chỉ một tên và hai ngày tóm lược một cuộc đời không gì đáng nhớ. Lạc và cô bé thợ may đặt những bó hoa dại hái gần đó, những nụ hoa đỏ hình trái tim, lá đủ màu, hoa anh thảo trên cuống cong duyên dáng, hoa bóng nước được dân địa phương gọi là “Phụng Hoàng tiên”, và cả một số lan dại hiếm, cánh hoa tinh khiết trắng như sữa vây quanh đài hoa vàng nhạt.

Cô bé thợ may gọi lớn:

“Sao dài mặt ra thế kia”

Tôi hét trả:

“Tôi đang buồn cho Balzac.”

Tôi xuống triền dốc gặp hai đứa và kể cuộc gặp gỡ mẹ Bốn Mắt, nhà thơ đan áo. Tụi nó hình như không chia sẻ nỗi căm phẫn của tôi về chuyện ăn cắp đáng tởm các bài hát của ông cụ thợ xay, không bị ảnh hưởng gì với tin Bốn Mắt sẽ được rời vùng sơn cước, cũng như viễn ảnh mất Balzac. Nhưng tụi nó rất thú vị khi tôi kể đã giả vờ làm Lạc, con ông nha sĩ, và tiếng cười của chúng vang đầy nghĩa trang lặng lẽ.

Một lần nữa, tôi thấy vẻ quyến rũ trên khuôn mặt cô bé thợ may. Cô hấp dẫn như đêm trước ở buổi xi nê ngoài trời. Nhưng lúc này cô cười làm tôi say đắm cùng cực muốn cưới cô ngay lập tức, bất kể cô là bạn gái của Lạc. Trong tràng cười của cô, tôi thấy hương xạ của lan rừng, ngát hơn cả mùi hoa dưới chân cô.

Lạc và tôi vẫn đứng trong lúc cô quỳ bên mộ Ông ngoại. Cô cúi lạy mấy lần, lẩm bẩm một mình những lời dịu dàng khấn ông.

Bất chợt cô quay đầu nhìn chúng tôi.

“Mấy cuốn sách đó - hay là mình ăn trộm chúng?”

5. Chương 5

Nhờ cô bé thợ may, chúng tôi có thể theo dõi hầu như từng giờ mọi việc xảy ra trong làng của Bốn Mắt suốt tuần lễ trước khi nó ra đi, dự kiến ngày 4 tháng Chín. Mọi tin đồn ở địa phương đều tới tai cô. Cô chỉ cần nghe tiếng liến thoắng của khách hàng, đàn ông và đàn bà, trưởng làng và trẻ con từ khắp các làng trong vùng. Không thiếu một chuyện gì.

Bốn Mắt và nhà thơ mẹ nó dự tính một buổi liên hoan lớn đánh dấu ngày chấm dứt cải tạo của nó. Tin đồn nữ thi sĩ đã hối lộ trưởng làng để được phép làm tiệc tiễn đưa ngoài trời. Tất cả dân làng tham dự, vì thế phải giết một con trâu.

Vẫn chưa rõ sẽ giết con trâu nào và giết cách nào, vì giết thú còn lao động trên đồng ruộng là trái luật.

Tuy bọn tôi từng là hai đứa bạn duy nhất của Bốn Mắt trên núi, bọn tôi không có trong danh sách khách mời - bọn tôi chẳng màng. Thật ra, bữa tiệc cho chúng tôi một cơ hội tuyệt vời để tiến hành kế hoạch ăn cắp cái va li bí mật.

Cô bé thợ may có cái tủ là của hồi môn của mẹ cô, dưới đáy một ngăn kéo Lạc tìm thấy vài cây đinh rỉ lớn. Như một cặp bê khoá nhà nghề, chúng tôi tiến hành làm giả chiếc chìa khoá vạn năng bằng một cây đinh cũ. Bọn tôi thật phần khởi! Tôi chà cây đinh trên đá tới lúc nóng bỏng tay, sau đó chùi vào chiếc quần lấm bùn đầy cộp của mình, và hăng hái đánh bóng tới khi mẫu sắt sáng như mới. Khi giờ lên xem, nó lấp

lánh sáng tới nỗi tôi ngỡ thấy mặt mình và bầu trời cuối hè phản chiếu trong đó. Lạc chịu trách nhiệm giai đoạn tinh tế nhất: một tay giữ cây đinh trên hòn đá, tay kia nó gơ búa nện. Đầu búa vung một nhát đẹp trên không, đập xuống miếng sắt, dội lại để sẵn sàng cho một nhát nữa, và cứ thế, tới khi rút cuộc cây đinh phẳng như ý muốn.

Một hay hai ngày trước khi ăn trộm, tôi mơ thấy Lạc giao chìa khoá vạn năng cho mình. Trời mù sương, tôi lén lút tới nhà Bốn Mắt, gần như rón rén. Lạc ngồi gác dưới gốc cây. Bọn tôi nghe dân làng la hét và ca các bài cách mạng lúc tiệc tùng gần đó. Lối vào nhà Bốn Mắt có cửa đôi. Mỗi bên lắp vào hai lỗ, một trên bậc thềm, một trên rầm cửa, chính giữa buộc xích với khoá đồng. Ổ khoá lạnh, lấm tấm ướt, cưỡng lại cố gắng cạy khoá của tôi một lúc lâu. Tôi vặn vẹo chiếc chìa vạn năng, dùng sức uốn cong tới nỗi tôi sợ gãy tách trong lỗ khoá. Cuối cùng, tôi nắm cánh cửa bên trái, dùng hết sức giật nó ra khỏi chốt bên dưới, nhưng không thành công. Nước cuối phải làm là thử chiếc chìa vạn năng lần nữa, thành linh, một tiếng tách khô khan, ổ khoá mở ra. Tôi đẩy cánh cửa đôi, nhưng chưa bước vào tôi đã lạnh mình vì sợ: chằm chằm trên ghế sau cái bàn là mẹ của Bốn Mắt đang bình thần đan áo. Bà mỉm cười không nói. Tôi ngượng ngùng, tai nóng đỏ, như đứa trẻ hẹn người yêu lần đầu. Hình như bà không chút hoảng hốt. Tôi lắp bắp một câu đưa tin cho con bà, muốn biết nó ở đâu. Bà cứ mỉm cười, nhưng không đáp. Kim đan thoăn thoắt trên ngón tay dài xương xẩu, và tôi thấy vết nám trên lưng bàn tay bà. Tôi bị tiếng kim đan lách cách thật nhanh hóp hồn - vào, vòng, qua, ra - đan hết mũi này tới mũi khác. Tôi bước lùi, lén ra, lặng lẽ đóng hai cánh cửa, và khoá lại. Dù trong nhà không một tiếng động, tôi quay đầu bỏ chạy thục mạng. Lúc ấy tôi giật mình thức dậy.

Dù quả quyết kẻ trộm lần đầu trong đời sẽ gặp may, Lạc cũng bồn chồn như tôi. Nó ngẫm nghĩ về giấc mơ của tôi một lúc lâu, và rút cuộc hơi thay đổi kế hoạch.

Tối trưa ngày 3 tháng Chín, trước hôm Bốn Mắt và mẹ nó ra đi, chúng tôi nghe tiếng rống điên cuồng của con trâu đau khổ cất lên từ đáy khe núi. Tiếng kêu vang dội vách núi, và vọng tới nhà cô bé thợ may. Vài phút sau, một bầy trẻ con chạy đến đưa tin trưởng làng của Bốn Mắt đã cố tình đẩy một con trâu qua vách núi.

Cuộc sát sinh giả là tai nạn. Thủ phạm nói con thú sẩy chân ở khúc ngoặt gắt và lao đầu xuống vực. Nó rơi xuống tảng đá lớn nhô ra, từ đó thân xác toả của nó trượt tới khi nghe một tiếng huych khô khan trên một tảng đá khác thấp hơn chục mét.

Con trâu còn sống. Tôi không bao giờ quên tiếng rống dài ai oán của nó. Trong tình huống bình thường, tiếng trâu rống khàn khàn gắt gỏng, nhưng trong ngày cuối hè yên bình này, tiếng kêu dội suốt dãy núi đá vừa oai nghiêm vừa vang vọng, như tiếng gầm của sư tử trong chuồng.

Vài giờ sau, Lạc và tôi tới chỗ xảy ra tai nạn. Tiếng trâu rống đã ngớt. Chúng tôi len qua đám đông tụ tập ở mép vực. Hiển nhiên chủ tịch xã đã ra lệnh chấm dứt cảnh khốn khổ của con thú. Yên tâm vì được cấp trên thoa? thuận, trưởng làng cùng với Bốn Mắt và sáu dân làng leo xuống đáy vực để cắt cổ con thú.

Lúc chúng tôi tới, công việc đã làm xong. Dưới khe núi, nơi thi hành bản án, chúng tôi nhận ra Bốn Mắt nép bên cạnh hình khối bất động của con trâu chết: nó đang hứng máu chảy từ một vết đâm vào cái nón lá lớn lật ngược.

Sáu dân làng cất tiếng hát và khởi sự leo lên vách đá dốc, gánh theo xác trâu. Bốn Mắt và trưởng làng ở lại bên dưới. Họ ngồi bên nhau, cúi người trên cái nón lá đầy huyết trâu.

Tôi hỏi người đứng cạnh:

“Họ làm gì dưới đó?”

Ông đáp:

“Họ đợi cho huyết đông. Đó là thuốc chữa bệnh nhát gan. Muốn có can đảm, phải nuốt nó khi còn ấm và sủi bọt.”

Lạc bản tính tò mò, đề nghị xuống một đoạn để nhìn cho rõ. Bốn Mắt thỉnh thoảng liếc lên đám đông, nhưng chẳng rõ nó có nhận ra chúng tôi giữa đám người xem hay không. Cuối cùng, trưởng làng lấy con

dao mũi nhọn dài lạ lùng của ông ra. Ông dùng đầu ngón tay vuốt lưỡi dao, rồi lạng miếng huyết đông làm hai: một nửa cho Bốn Mắt, một nửa cho ông.

Nữ thi sĩ không thấy đâu. Bà sẽ nghĩ gì nếu ở đó với chúng tôi, để nhìn con trai bà ngập mặt vào lòng bàn tay ăn soàn soạp tảng huyết trâu, như con lợn ngập trong vũng bùn? Ăn xong nó mút từng ngón tay, để đoán chắc không phí một giọt nào. Lúc nó leo lên triền dốc, tôi thấy nó vẫn còn chép môi để kéo dài hương vị. Lạc nói:

“Cũng may cô bé thợ may không theo mình tới.”

Đêm xuống. Những cột khói bốc lên từ làng của Bốn Mắt; trên bãi đất trống một vạc lớn đang sôi. Cái vạc thật khổng lồ, và phải là vạc truyền tử lưu tôn của làng.

Từ vị trí thuận lợi của chúng tôi, quang cảnh gây ấn tượng đồng quê đôn hậu. Chúng tôi ở quá xa để thấy những tảng thịt trâu sôi trong vạc, nhưng mùi nồng gia vị và hơi thô khiến chúng tôi nhỏ dãi. Dân làng tụ tập quanh lửa, đàn bà và trẻ con phía trước. Vài người mang khoai tây bỏ vào vạc; kẻ khác đem khúc gỗ và cành cây để đốt. Dần dần nhiều thứ được thêm vào món hầm: trứng, lõi bắp, trái cây khế Mẹ của Bốn Mắt là ngôi sao không thể chối cãi của buổi tối. Bà đẹp cách riêng. Bà cài một đoá hoa trên ngực, có lẽ là hoa đình hương. Nước da bà rực rỡ, tôn thêm nhờ chiếc áo khoác bằng nhung kẻ màu lục, tương phản với bộ mặt đen sạm của dân sơn cước. Bà khoe áo đan với các bà, và tuy chưa xong, vẫn khơi dậy những tiếng reo khâm phục khắp chung quanh.

Mùi khoái khẩu phảng phất trong trời chiều càng lúc càng thấm thía. Con trâu chắc già lắm, vì thịt dai nấu lâu hơn thịt chim ưng già khú đế. Với kẻ trộm đạo chúng tôi, đợi đã gay go, nhưng Bốn Mắt, một kẻ vừa cải đạo uống máu, cũng bực chả kém: bọn tôi thấy nó nhấp nhồm kích động, mở nắp vạc, thò đũa vào món hầm, gắp một tảng thịt đang bốc hơi, hít ngửi, xem xét kỹ lưỡng, và nhún vai thất vọng thả lại.

Chúng tôi nấp sau bóng tảng đá. Lạc vừa thì thầm vào tai tôi vừa chỉ:

“Kìa! Khách danh dự tới!”

Khách mới tới là năm bà già héo hắt. Họ mặc áo dài đen lất phất trong gió thụ Tuy ở xa, tôi vẫn nhìn rõ khuôn mặt họ như chị em. Nét mặt như tạc vào gỗ, và tôi nhận ra trong số họ có bốn bà bóng đã tới thức đêm ở nhà cô bé thợ may.

Hiển nhiên bà thi sĩ chủ mưu mời họ tới buổi tiệc chia tay Họ bàn tính một lúc ngắn, cuối cùng nữ thi sĩ móc ví đưa họ mỗi người một tờ giấy bạc dưới cái nhìn thèm thuồng của dân làng.

Lần này không chỉ một bà bóng mang cung tên - cả năm đều trang bị vũ khí. Biết đâu, có lẽ cần dàn binh bố trận lớn hơn để bảo đảm chuyển đi an toàn của một nhân vật có đặc quyền, hơn là bảo vệ linh hồn một đứa mắc bệnh sốt rét. Vả lại, cô bé thợ may không đủ khả năng chi như nữ thi sĩ một thời lừng danh khắp cái tỉnh một trăm triệu dân này.

Trong khi cả bọn đợi món thịt trâu hầm đủ nhừ, một bà cầm tay trái Bốn Mắt xem chỉ tay dưới ánh lửa sáng rực.

Chúng tôi ở ngoài tầm nghe và không biết bà bóng nói gì, nhưng nhìn rõ mi mắt hạ thấp, cặp môi mỏng mím lại và cái miệng móm của bà lẩm bẩm. Bốn Mắt và mẹ nó nghe say mê Khi bà bóng ngừng nói, mọi người nhìn bà chăm chăm. Im lặng bứt rứt, tới khi cả làng bắt đầu thì nhau nói.

Lạc bảo:

“Tao chắc bà đoán gở.”

“Thí dụ như cái va li quý giá của nó sắp bị mất cắp.”

“Không, tao cá là chuyện gì như ma quỷ cản đường nó.”

Lạc có thể đúng, vì sau đó chúng tôi thấy cả năm bà bóng đứng lên, vừa hung hãn giương cung và lắp tên, vừa hét những tiếng chói tai.

Rồi họ nhảy trừ tà quanh đồng lửa. Thoạt đầu họ múa chậm, hiển nhiên vì tuổi tác, xoay vòng vòng một chỗ, mắt dán xuống đất. Thỉnh thoảng họ ngừng đầu, bòn chôn liếc quanh trước khi lại cúi xuống tụng, như

các ông sư, các câu thần chú bí hiểm được đám đông lặp lại. Bỗng nhiên, hai bà bóng ném vũ khí xuống và bắt đầu run rẩy toàn thân như dấu hiệu có ma. Rõ ràng thân thể họ trông như bị ma nhập, co quắp gúm ghìếc. Ba bà bóng kia giương cung vờ bắn đồng nghiệp đang run rẩy, nhái tiếng mũi tên vút trong không khí. Họ như ba con quạ. Lúc nhảy múa, áo dài đen cuộn cuộn trong khói, rồi rũ xuống làm tung từng đám bụi nhỏ.

Cử chỉ của hai con quỷ đang múa mỗi lúc mỗi nặng, như thể trúng những mũi tên vô hình tẩm thuốc độc, sau một lát họ chậm dần rồi ngừng hẳn. Lạc và tôi bỏ đi trước khi họ chắc chắn sẽ gục xuống đất một cách ngoạn mục.

Bữa đại yến sắp bắt đầu. Tiếng tụng kinh lên tới cao điểm lúc chúng tôi lên qua làng.

Vì không một dân làng nào, trẻ hay già, muốn bỏ lỡ cơ hội đánh chén thịt trâu hầm đinh hương và ớt băm thơm phức, ngôi làng vắng tanh đúng như bạn Lạc đã tiên đoán (một thiên tài về chiến lược cũng như kể chuyện). Bất chợt giấc mơ lại đến với tôi. Tôi hỏi nó:

“Tao có nên canh chừng không?”

“Không, mình đâu có ở trong mơ của mày.”

Lạc lấy cây đinh rỉ lúc này đã biến thành chìa khoá vạn năng đưa lên môi thắm nước. Chìa xỏ êm vào ổ khoá, xoay sang trái, rồi sang phải, lại sang trái và một chút sang phải... một tiếng tách giòn, ổ khoá đồng cuối cùng nhượng bộ.

Chúng tôi len vào nhà Bốn Mắt, và lập tức đóng hai cánh cửa lại. Căn nhà tối, bọn tôi không nhận rõ mặt nhau. Nhưng không gian phẳng phất chuyển ra đi sắp tới khiến chúng tôi ganh tị.

Tôi nhìn qua khe cửa: không thấy một bóng người. Để yên chí khỏi kẻ nào vội vã tình cờ đi ngang thấy mất ổ khoá, chúng tôi đẩy cánh cửa ra đủ rộng để Lạc thò một tay qua móc lại dây xích và bấm khoá theo dự tính.

Lúc Lạc bật đèn pin, chúng tôi bỗng quên mọi kế hoạch đã sắp sẵn chu đáo của mình, và nhìn đắm đắm sửng sốt, vì ngay trước mắt, trên đồng hành lý là cái va li da mềm, rực sáng trong bóng đen như đang kêu gào tiết lộ nội dung.

Tôi thốt:

“Kia kia!”

Khi hoạch định chiến lược vài ngày trước, chúng tôi kết luận rằng việc đột nhập bất hợp pháp của mình thành công dựa trên một điều: biết nơi Bốn Mắt giấu va li. Làm sao tìm? Lạc ngẫm nghĩ mọi giải pháp, cuối cùng, nhờ Trời, nó có một kế: phải thi hành lúc bữa tiệc từ giã. Một cơ hội độc nhất, dĩ nhiên bà thi sĩ không đại, nhưng bà đã tới tuổi cần phải thu xếp kỷ lưỡng mọi thứ. Không có gì tệ hơn phút cuối cùng sáng hôm lên đường vội vàng đi lấy cái va li từ chỗ giấu: mọi thứ phải sẵn sàng trước, và đúng thứ tự hoàn hảo.

Chúng tôi rón rén tới cái va li buộc bằng sợi thừng rơm cột chéo. Chúng tôi tháo dây và im lặng mở nắp. Bên trong, đồng sách rực sáng dưới ánh đèn pin: một đoàn văn sĩ tây phương mở vòng tay chào đón chúng tôi. Trên cùng là năm sáu bộ tiểu thuyết của ông bạn cũ Balzac, rồi tới Victor Hugo, Stendhal, Dumas, Flaubert, Baudelaire, Romain Rolland, Rousseau, Tolstoy, Gogol, Dostoyevsky, và cả vài nhà văn Anh: Dickens, Kipling, Emily Brontë...

Bọn tôi mừng quýnh. Đầu tôi quay cuồng như say rượu. Tôi cầm từng cuốn lên, mở ra, ngấm chân dung tác giả, và chuyển cho Lạc. Ngón tay tôi vuốt ve sách như cảm thấy bàn tay nhợt nhạt của mình chạm vào những đời người.

Lạc nói:

“Làm tao nhớ một cảnh trong phim, lúc cái va li ăn trộm hoá ra đầy tiền...”

Tôi nói:

“Thế mày có sung sướng chảy nước mắt không?”

“Không. Tao chỉ thấy ghê tởm.”

“Tao cũng vậy. Ghê tởm bọn không cho mình biết những cuốn sách này.”

Nghe chính mình thốt lên câu cuối đó làm tôi sợ, như có kẻ nghe lén núp đầu đó trong phòng. Một câu băng quơ như thế có thể vài năm tù. Lạc vừa nói vừa đóng va li lại:

“Đi thôi!”

“Khoan!”

“Chuyện gì nữa?”

“Tao không chắc... Thử nghĩ lại: Bốn Mất chắc chắn nghi ngờ mình khi nó thấy va li của nó biến mất. Nếu nó tố cáo thì mình rồi đời. Nên nhớ cha mẹ mình không như người khác.”

“Tao đã nói rồi, mẹ nó sẽ không bao giờ cho nó tố cáo, nếu không cả thế giới biết con bả tàng trữ sách cấm. Như thế sẽ tiêu tan cơ hội cho nó rời Phụng Hoàng.”

Sau một thoáng im lặng, tôi lại mở va li:

“Hay lấy mấy cuốn thôi? Nó sẽ không biết.”

Lạc cương quyết:

“Nhưng tao muốn đọc hết.”

Nó lại đóng va li, và đặt tay trên nắp như một người đạo Ky Tô đang long trọng thề, nó tuyên bố:

“Với những cuốn sách này tao sẽ biến đổi cô bé thợ may Cô nàng sẽ không bao giờ là cô sơn nữ mộc mạc nữa.”

Chúng tôi rón rén vào phòng bên cạnh. Tôi cầm đèn đi trước, Lạc xách va li theo sau. Hình như va li rất nặng, vì khi đi, tôi nghe nó đập vào chân Lạc, va vào giường Bốn Mất và cái chông tạm bằng ván của mẹ nó, dù nhỏ cũng khiến phòng càng thêm tù túng.

Chúng tôi kinh ngạc thấy cửa sổ, theo kế hoạch là nơi tẩu thoát của chúng tôi, bị đóng đinh chặt. Trong lúc hứng chí nhìn cái va li, chúng tôi đã quên kiểm soát cửa sổ khi đến. Chúng tôi cố đẩy, nhưng chỉ nghe kéo kẹt như tiếng thở dài. Nó không suy suyễn.

Tình huống không làm chúng tôi thấy là tai họa. Chúng tôi lặng lẽ quay lại phòng chính định làm trò cũ: đẩy khe cửa đôi đủ rộng để bàn tay thò qua dùng chìa vạn năng mở ổ khoá đồng.

Bất chợt Lạc thì thào:

“Xuýt!”

Hoảng hốt, tôi tắt đèn pin ngay. Tiếng chân bước nhẹ bên ngoài làm chúng tôi chết đứng. Mất một phút quý giá chúng tôi mới nhận ra bước chân quả thật đang đi về hướng mình.

Ngay lúc đó, chúng tôi nghe tiếng thì thầm của một nam và một nữ, nhưng không rõ là Bốn Mất và mẹ nó hay không. Chuẩn bị cho tình huống xấu nhất, chúng tôi rón rén vào bếp. Lúc đi ngang đồng hành lý tôi bật nhanh đèn pin trong khi Lạc cất va li trở lại.

Đúng như chúng tôi sợ: Bốn Mất và mẹ nó ghét chúng tôi và sẽ bắt quả tang bọn tôi. Họ đang nói gần cửa.

Thằng con nói:

“Con chắc huyết trâu làm con đau bụng. Con cứ ợ cái mùi quỷ quái.”

Mẹ nó đáp lại:

“May là mẹ có đem thuốc tiêu theo.”

Hoảng vía, chúng tôi không biết núp vào đâu trong bếp. Bóng tối như mực. Tôi đụng Lạc lúc nó đang gỡ nắp chum gạo. Nó cuống rồi.

Nó thì thào:

“Nhỏ quá.”

Tiếng xích loảng xoảng, chúng tôi chỉ đủ thì giờ lao vào phòng bên và rúc dưới giường trước khi cánh cửa bật mở.

Họ bước vào nhà và thắp cây đèn dầu.

Mọi chuyện không ổn. Thay vì trốn dưới giường Bốn Mắt, vì tôi cao và vạm vỡ hơn Lạc, tôi kẹt trong chỗ rất chật dưới giường mẹ nó, chung với thùng vệ sinh có cái mùi không thể lẫn. Ruồi bay từng đàn quanh đầu tôi. Cổ không gây tiếng động, tôi duỗi lưng nhưng va phải cái thùng buồn nôn suýt đổ. Tôi nghe tiếng sóng sánh, khiến mùi hôi càng kinh khủng hơn. Tôi giật đầu vì phản ứng, do đó vô tình gây tiếng động lớn đủ gây chú ý và tố cáo chúng tôi.

Chúng tôi nghe Bốn Mắt hỏi:

“Má nghe tiếng gì không?”

“Không.”

Sau đó im lặng hoàn toàn, dường như kéo dài vô tận. Tôi hình dung họ bất động trong tư thế đầy kịch tính, để gió thổi tai bắt tiếng động khẽ nhất.

Nữ thi sĩ tuyên bố:

“Mẹ chỉ nghe bao tử con ùng ục.”

“Huyết trâu. Con thấy bết lấm. Không biết con có trở lại buổi tiệc nổi không.”

Bà mẹ khẳng khái bằng giọng độc đoán:

“Mẹ không muốn nghe chuyện đó! Mình phải quay lại. Đây, mẹ tìm thấy thuốc đây. Con nên uống hai viên, đủ để chữa đau bụng.”

Tôi nghe Bốn Mắt ngoan ngoãn đi vào bếp, chắc để lấy nước. Ánh đèn dầu xa dần theo nó. Dù không thấy Lạc trong bóng tối, tôi biết nó cũng thở phào như tôi vì đã không trốn trong bếp.

Sau khi uống thuốc, Bốn Mắt quay lại phòng chính. Mẹ nó hỏi nó có chắc đã cột thùng quanh va li sách chưa.

“Chắc mà. Lúc này con buộc rồi.”

“Coi kia! Con không thấy dây thùng nằm trên sàn nhà à?”

Thật ngu xuẩn, chúng tôi đã mở va li! Một cơn lạnh chạy dọc sống lưng lúc tôi nép dưới giường. Tôi chửi mình vì đã liều lĩnh. Trong bóng đen tôi cố tìm ánh mắt của tên đồng lõa nhưng vô ích.

Bốn Mắt bình tĩnh nói, nhưng giọng nó cho thấy lo lắng:

“Con đào va li sau nhà lúc vừa tối. Lúc vào nhà con lau sạch đất cát bắn bẩn và soát cẩn thận xem hơi ẩm có vào sách không. Trước khi rời nhà nhập tiệc, con đã cột nó bằng sợi chấu này.”

“Vậy chuyện gì xảy ra? Có ai vào nhà lúc mình đi vắng không?”

Cầm đèn trên tay, Bốn Mắt băng qua phòng bên. Tôi thấy dưới gầm giường kia, mắt Lạc lấp lánh trong ánh đèn đang tới gần. Nhờ trời, Bốn Mắt dừng ở ngưỡng cửa. Nó quay lại nói với mẹ:

“Không thể được. Cửa sổ vẫn đóng đinh chặt, cửa cái vẫn khoá lúc mình về.”

“Mẹ vẫn nghĩ con nên xem lại va li coi có mất cuốn sách nào không. Hai thằng bạn con làm mẹ lo. Mẹ đã viết cho con trong thư không biết bao nhiêu lần là đừng dính líu với mấy loại đó, tội nó quý quyết lắm, nhưng con không nghe.”

Tôi nghe tiếng nâng nắp va li, và Bốn Mắt đáp lời cầu nhàu của mẹ nó:

“Con làm bạn với tội nó vì con nghĩ má và ba đau răng, một ngày nào đó ba thằng Lạc có thể giúp.”

“Thật à?”

“Thật mà, má.”

Giọng bà mẹ trở nên tình cảm:

“Con cứng của mẹ, ngay cả trong tình huống khó khăn như thế con vẫn nhớ chăm sóc cha mẹ.”

“Má, con kiểm rồi: không mất cuốn nào.”

“Thôi, chắc báo động hoảng. Nào, mình đi”

“Khoan, đưa con cái đuôi trâu, con muốn bỏ vô va lì”

Vài phút sau, trong khi nó buộc dây chao, tôi nghe Bốn Mắt thốt:

“Cút!”

“Đừng nói bậy, con.”

Bốn Mắt rên:

“Con tháo dạ.”

“Lấy cái thùng trong phòng ngủ!”

Chúng tôi thở phào nghe Bốn Mắt chạy ra khỏi nhà.

Mẹ nó kêu:

“Con đi đâu?”

“Ra ruộng bắp.”

“Con có mang theo giấy chưa?”

Đứa con trai đáp từ xa:

“Chưa.”

Bà mẹ gọi:

“Để mẹ mang ra cho!”

Thật may, nhà thi sĩ tương lai này chịu giải phóng đường ruột ở ngoài trời! Tôi có thể hình dung cảnh kinh hoàng, lộn mửa giáng lên chúng tôi, nếu nó kéo thùng dưới gầm giường ra và tháo huyết trâu thành dòng kinh khủng, hay đúng hơn là xối xả ngay dưới mũi mình.

Ngay khi bà mẹ chạy ra khỏi nhà, tôi nghe Lạc thì thầm trong bóng tối:

“Nhanh, ra khỏi đây ngay!”

Lạc quơ lấy va li trên đồng hành lý lúc nó chạy ra cửa. Sau một giờ cầm đầu chạy dọc đường núi, cuối cùng chúng tôi mới dám dừng lại. Lạc mở va li Trên đồng sách chất gọn, cái đuôi trâu: đen đúa, có chùm lông ở cuối, và ổ máu bầm.

Cái đuôi dài dị thường, và hẳn nhiên nó đã từng thuộc về con trâu bất hạnh làm vỡ kính của Bốn Mắt.

6. Chương 6

Tất cả đã lâu lắm rồi, nhưng riêng một hình ảnh từ thời cải tạo vẫn hằn lên ký ức tôi rõ rệt thường: một con quạ mỏ đỏ cứ nhìn Lạc bò dọc lối đi hẹp, hai bên là vực thẳm há hốc. Lưng nó gù cái sọt tre vô hại dính

đất, trong đó nó giấu cuốn Già Gô, tựa tiếng Hán cuốn Père Goriot - quyển sách nó sẽ đọc cho cô bé thợ may, cô sơn nữ duyên dáng cần văn hoá.

Suốt tháng Chín, sau khi vụ trộm thành công, chúng tôi bị cảm dỗ, choáng ngợp, mê mẩn vì bí ẩn của thế giới bên ngoài, nhất là thế giới của phụ nữ, tình yêu và nhục dục, qua tiết lộ của các nhà văn tây phương từng ngày, từng trang, từng quyển sách. Không những Bốn Mắt rời núi không dám tố cáo chúng tôi, mà còn may mắn hơn, trưởng làng đã đi Vĩnh Kính họp hội nghị đảng Cộng sản. Trong khoảng trống chính trị sau đó, làng chúng tôi âm thầm rơi vào tình trạng vô chính phủ, Lạc và tôi ngưng ra đồng làm việc mà dân làng vẫn không một lời phản đối, họ vốn không muốn cải hoá từ dân trồng á phiện sang kẻ giám hộ linh hồn chúng tôi. Tôi khoá cửa kỹ hơn bao giờ, và sống với tiểu thuyết nước ngoài. Vì Lạc ưa chuộng Balzac, tôi để ông sang một bên, và với nhiệt tình tha thiết của một đứa mười tám, tôi đắm say hết tác giả này sang tác giả khác: Flaubert, Gogol, Melville, và ngay cả Romain Rolland.

Tôi hãy kể về Romain Rolland. Giữa các bộ sách trong va li của Bốn Mắt chỉ có một cuốn của ông: cuốn đầu của tuyệt tác bốn cuốn, Jean-Christophe Bản tiếng Hán của Phù Lôi, ông cũng dịch Balzac. Chuyện về một nhạc sĩ, và bản thân tôi đã từng chơi những bản vĩ cầm như Mozart Tưởng Nhớ Mao Chủ Tịch, vì thế tất nhiên tôi chú ý tới tác phẩm. Tôi đã định chỉ phát phơ qua loa, đọc lướt, nhưng khi đã mở sách tôi không thể đặt xuống nữa. Trước đó tôi thích đọc truyện ngắn: bố cục khéo và ý tưởng sắc sảo, truyện khiến ta cười hay ghen, sẽ ở lại trong ta cả đời. Tôi hoài nghi truyện dài. Nhưng Jean-Christophe, với cá tính sôi sục hoàn toàn không hoen ố vì ác tâm, là một tiết lộ bổ ích. Không có ông, tôi sẽ chẳng bao giờ hiểu sự huy hoàng của một cá nhân hành động tự do và độc lập. Trước khi có cuộc gặp gỡ nhờ trộm đạo với người hùng của Romain Rolland, trí óc nghèo nàn và cải tạo của tôi không thể hiểu khái niệm một người đứng lên chống lại toàn thế giới. Ý định phát phơ qua loa trở thành mối tình lớn. Ngay cả phong cách khoa trương thái quá, đôi khi xả láng, của tác giả cũng không giảm vẻ đẹp của tác phẩm nghệ thuật đáng ngạc nhiên này. Tôi chìm đắm, trôi theo dòng chữ mạnh mẽ rót ra từ hàng trăm trang giấy. Đối với tôi, đó là cuốn sách tối thượng: một khi đã đọc nó, đời bạn cũng như thế giới bạn sống sẽ không bao giờ như cũ nữa.

Tình cảm của tôi với Jean-Christophe lớn tới nỗi, lần đầu tiên trong đời, tôi muốn sở hữu riêng mình hơn là chia sẻ với Lạc. Vì thế tôi viết câu đề tặng trên trang đầu sách như món quà cho sinh nhật sau của mình, và yêu cầu Lạc ký vào đó. Nó nói nó hân hạnh, như thể sự kiện trọng yếu đến nỗi đáng đi vào lịch sử. Nó viết tên bằng chỉ một nét bút, phóng khoáng, hào hiệp, khí thế, nổi cả ba chữ bằng một vẽ bay bướm tao nhã chiếm gần nửa trang giấy. Về phần mình, tôi đề tặng nó ba cuốn của Balzac như món quà cho năm mới sắp đến: Père Goriot, Eugénie Grandet và Ursule Mirouët. Dưới lời đề tặng, tôi vẽ ba hình tượng trưng cho ba chữ tên mình. Hình đầu là con ngựa đang phi nước đại bờm bay trong gió; thứ hai là thanh gươm dài, nhọn, cán bằng xương, khắc tinh xảo, nạm kim cương; và thứ ba là cái chuông, chung quanh vẽ một số nét ngắn như tia, ám chỉ đang kêu báo hiệu. Tôi hài lòng với lời đề tặng của mình đến nỗi định nhỏ thêm một hai giọt máu để dâng hiến.

Tối giữa tháng, một cơn bão cuồng nộ thổi trên núi. Bão kéo dài cả đêm; mưa như trút nước. Sáng hôm sau, Lạc lên đường khi trời vừa rạng, với cuốn Père Goriot trong sọt tre, đúng với tham vọng đào tạo văn hoá cho cô bé thợ may đáng yêu. Như hiệp sĩ giang hồ, tuy không có chiến mã, nó khuất vào sương sớm che phủ đường tới làng cô bé thợ may.

Không muốn vi phạm lệnh giới nghiêm của chính quyền, đến tối nó quay lui, và ngoan ngoãn trở về căn nhà sàn của chúng tôi. Nó nói trận mưa gây đổ nát trên núi, buộc nó phải leo một chồm hẹp chóng mặt do đất lở gây ra. Nó than vãn:

“Cô bé thợ may với mây thì chạy băng qua, nhưng tao phải bò mà vẫn sợ.”

“Xa không?”

“Ít nhất bốn chục thước.”

Đối với tôi vẫn là điều bí ẩn tại sao Lạc, một đứa dường như dám làm mọi thứ, lại sợ chiều cao như thế. Nó thuộc loại trí thức, cả đời chưa bao giờ leo cây. Tôi vẫn nhớ buổi chiều thời thơ ấu, khi chúng tôi bỗng muốn leo cái thang sắt rỉ của tháp nước. Ngay từ đầu, bàn tay nó xây xát rỉ sắt, và khi lên cao mười lăm thước nó nói:

“Tao cứ nghĩ thanh ngang gãy dưới sức nặng của mình.”

Tay nó chảy máu đau đớn càng làm nó sợ hơn. Cuối cùng nó bỏ cuộc, để tôi leo lên một mình. Từ đỉnh tháp tôi nghiêng người nhỏ nước bọt xuống nó để đùa chơi, nhưng nước bọt bị gió cuốn đi. Năm sáu năm đã qua, nhưng tật sợ chiều cao của nó không giảm. Và nó đúng khi nói cô bé thật may và tôi chạy trên chỏm núi hẹp không khó khăn gì. Thật vậy, khi đã qua bên kia chúng tôi thường phải đợi Lạc bắt kịp, và có thể rất lâu vì nó phải bò.

Một hôm, để đổi không khí, tôi quyết định tháp tùng Lạc trong chuyến hành hương của nó tới làng cô bé thật may.

Lúc đến chỗ hiểm nghèo Lạc kể, làn gió nhẹ ban mai đổi thành cơn lốc núi. Tôi kinh ngạc khi thấy nỗi liều lĩnh Lạc đương đầu mỗi ngày. Ngay cả tôi cũng run rẩy khi đặt chân lên chỏm núi.

Ứng bên trái của tôi làm lở một viên đá, và hầu như cùng lúc đó ứng bên phải đập vài tảng đất xuống vực. Tiếng rơi vào vực sâu, mãi một lúc sau mới nghe nhiều lần chạm đáy. Tiếng vang xa, thoát tiên bên phải, rồi bên trái.

Đáng lẽ tôi không nên nhìn xuống: bên phải là khe đá nứt há hốc, sâu chóng mặt, cây cối dưới đáy lẫn trong sương mù. Tại tôi bắt đầu từ lúc tôi nhìn sang bên trái, đất lở tạo nên vực dốc thẳng đứng, sâu năm mươi thước.

May là chỏm hẹp không quá xa như Lạc nói. Trên tảng đá bên kia, một con quạ mỏ đỏ đang đậu, đầu nó rúc vào cánh một cách đáng sợ. Tôi hỏi bằng quơ:

“Mày muốn tao mang sọt cho mày không?”

Lạc đang lưỡng lự ở đầu con đường.

“Ừ, mày giữ lấy.”

Khi vác sọt lên lưng tôi bị luồng gió xô đẩy. Tiếng ù trong tai lớn hơn, tôi lắc đầu để xua đi, và cảm thấy hoa mắt. Lúc đó còn chịu được, thậm chí hơi thích thú. Tôi đi vài bước. Khi ngoái nhìn lại, tôi thấy Lạc vẫn ở chỗ cũ, bóng nó khẽ lắc lư như cây trước gió.

Dán chặt mắt xuống đất, tôi chậm chạp tiến bước, ngập ngừng như người đi dây. Nhưng được nửa đường, tôi thấy đá phía trước lắc lư sang phải, rồi sang trái như động đất. Tôi gặp người theo bản năng, cơn chóng mặt không giảm đến khi tôi cúi xuống đủ thấp để giữ vững bằng cả hai tay. Mồ hôi chảy thành dòng xuống lưng, ngực và trán. Tôi dùng lưng bàn tay lau trán, và ngạc nhiên thấy mồ hôi lạnh thế.

Tôi lại ngoái nhìn Lạc; hình như nó gọi, nhưng giọng nó bị nuốt chửng vì tiếng ù trong đầu tôi. Nhượng mắt để khỏi nhìn vực sâu hai bên, tôi thấy bóng đen của con quạ lượn trên cao, chậm rãi vỗ cánh trong ánh nắng chói chan.

Tôi tự hỏi:

“Thế này nghĩa là gì?”

Tôi không thể di chuyển, và ở đó, kẹt giữa chỏm núi, tôi tự hỏi ông bạn quý Jean-Christophe sẽ nói gì nếu tôi quay lại. Với một cái vẩy hống hách của cây gậy nhạc trưởng, ông sẽ chỉ lối cho tôi đi. Tôi nghĩ ông chắc hẳn sẽ không phản đối khi tôi rút lui trước tử thần. Xét cho cùng, làm sao tôi có thể chết lúc này, khi chưa biết yêu hay nhục cảm, chưa có hành động tự do cá nhân chống lại cả thế giới như ông?

Tôi còn muốn sống. Tôi quay một vòng, vẫn trên đầu gối, và bò ngược lại điểm khởi đầu. Mất thăng bằng nghĩa là nhào vào khoảng không, và tôi bám chặt lấy đất để sống. Bất chợt, tôi nghĩ đến Lạc. Nó phải trải qua cũng thử thách này, và nó đã từng qua được bên kia.

Giọng nó trở nên rõ hơn khi khoảng cách giữa chúng tôi ngắn lại. Tôi nhận thấy mặt nó xanh như chết, như thể nó sợ hơn cả tôi. Nó gọi, bảo tôi nên giạng chân trên đỉnh và lê mình tới trước. Tôi theo lời khuyên của nó, và trong tư thế mới này, dù bề mặt hơn, cho phép tôi đến với nó an toàn. Khi trở lại điểm khởi hành, tôi lao đảo đứng lên và đặt sọt xuống.

Tôi hỏi nó:

“Ngày nào mày cũng kẹt thế này à?”

“Không, chỉ lần đầu thôi.”

“Lúc nào nó cũng có đó hả?”

“Cái gì?”

“Con quạ.”

Tôi chỉ về hướng con quạ mỏ đỏ, lúc này đã đậu xuống chóp núi, đúng nơi tôi quyết định quay lại để trở về.

Lạc nói:

“Ừ, mỗi sáng, làm như nó có hẹn với tao. Nhưng đến chiều tối tao trở về không bao giờ thấy nó.”

Tôi không muốn làm trò cười lần nữa, vì thế tôi để Lạc đi một mình. Nó quảy sọt lên lưng, và từ từ cúi xuống đến khi ngón tay chạm đất. Rồi nó bám chắc tay lên đỉnh, tay nó đặt trước tay kia, tiến tới đều đặn, chân nó gần chạm bàn tay ở mỗi bước. Một lát sau, nó ngừng lại ngo ngoáy mông về phía tôi như con khỉ giữ thăng bằng trên cành cây. Con quạ mỏ đỏ cất cánh lượn lên cao, đôi cánh lớn chậm chạp vỗ.

Đầy thán phục, tôi nhìn Lạc đến khi nó lên tới cuối chỏm núi, tôi nghĩ như nơi luyện ngục, và khuất sau mấy tảng đá. Bỗng nhiên, tôi cảm thấy sợ cho cuộc phiêu lưu của nó với Balzac và cô bé thợ may sẽ đi đến đâu. Con quạ đen đã biến mất, để lại nỗi im lặng lạ kỳ trên núi.

*

Đêm hôm sau tôi giật mình thức giấc.

Mất một lúc tôi mới biết mình ở đâu. Trong bóng đêm tôi nghe tiếng thở đều: Lạc đang ngủ ở giường đối diện. Tôi mò mẫm tìm thuốc lá và châm lửa. Sự hiện diện rõ ràng của con lợn nái dưới nhà sàn xoa dịu tôi, nó dúi mõm vào vách chuồng, rồi như cuốn phim chiếu nhanh, giấc mơ tôi vừa có lại quay về với tất cả nỗi kinh hoàng của nó.

Lạc với một cô gái, và tôi đang từ xa nhìn họ lao đảo dọc lối đi, hai bên là vực thẳm. Lúc đầu cô gái đi trước là con ông lao công ở bệnh viện cha mẹ chúng tôi làm việc. Một cô gái cùng lớp, nhu mì, bình thường, loại con gái tôi đã quên trên đời. Đúng lúc tôi tự hỏi cô làm gì ở đó với Lạc trên núi, cô biến thành cô bé thợ may, lanh lợi, vui tươi, gọn gàng trong chiếc áo phông trắng và quần đen. Cô không rào bước qua chỏm núi, mà nghênh ngang, trong khi Lạc, gã tình nhân trẻ của cô, bò theo sau. Cả hai không mang sọt. Tóc cô bé thợ may không cột thành đuôi ngựa dày và dài phía sau như thường lệ, và khi cô chạy mái tóc bỗng bành trên vai như đôi cánh. Tôi lướt xem sườn núi tìm con quạ mỏ đỏ, và khi quay nhìn lại các bạn mình, cô bé thợ may đã biến mất. Giờ đây chỉ còn Lạc đang bò giữa chỏm núi, ngó dăm dăm xuống vực bên phải. Hình như nó gọi, nhưng tôi không nghe gì. Chẳng hiểu sao, tôi tìm thấy can đảm chạy tới nó trên chỏm núi. Đến gần, tôi hiểu ra cô bé thợ may đã rơi xuống vực. Dù vực dốc đứng, chúng tôi trượt theo sườn dốc tới đáy, tìm thấy thi thể cô trên nền đá. Cô ngã gập đôi người, đầu toác lớn. Máu đông ở hai vết nứt lớn sau gáy. Một vết cắt dài tới tận vầng trán xinh. Miệng cô méo, môi co lại để lộ nước hồng và hàm răng nghiêng chặt, như thể đang kêu thét, nhưng nín lặng, chỉ có mùi máu. Khi Lạc ôm cô vào vòng tay, tôi thấy nó cũng chảy máu. Máu chảy từ miệng, từ lỗ mũi trái, và một bên tai nó; máu chảy xuống cánh tay nó và nhỏ xuống đất.

Tôi kể cơn ác mộng, nhưng Lạc không màng. Nó bảo:

“Quên đi, tao cũng mơ như vậy nhiều lần.”

Nó gom áo khoác và sọt tre Tôi hỏi:

“Mày có dặn cô bé thợ may tránh xa chỏm núi không?”

“Tất nhiên không. Đôi khi cô nàng cũng muốn đến đây.”

“Bảo cô ấy khoan - ít nhất đến khi cái lối đi khốn nạn ấy quang đãng đã.”

“Ừ, tao sẽ bảo.”

Nó đang vội, và tôi gần như ganh tỵ với cuộc hẹn hò của nó với con quạ mỏ đỏ hắc ám.

“Đừng kể giấc mơ của tao với cô ấy nhé?”

“Chả sợ.”

*

Trưởng làng trở về tạm thời chấm dứt chuyến hành hương mỗi ngày của Lạc.

Đặc ân tham dự đại hội Đảng cũng như một tháng sống cao sang trong thị trấn dường như không làm trưởng làng của chúng tôi hài lòng lắm. Ông có vẻ buồn phiền, má sưng. Mặt ông méo xệch giận dữ lúc nộ khí xung thiên vì một tên bác sĩ cách mạng ở nhà thương huyện.

“Đồ chó đẻ, đồ lang vườn ngu ngốc, răng sâu không nhổ lại nhổ răng lành ngay kẻo bên.”

Ông càng điên tiết vì chảy máu sau khi nhổ cái răng hàm vô tội khiến ông không thể tỏ nổi cuồng nộ của mình, mà chỉ ú ớ được vài lời khó hiểu. Ông trưng bằng có vụ nhổ răng cho bất cứ ai chỉ hơi tỏ vẻ thông cảm với bất hạnh của mình: một cái răng đen xỉn, chân nhọn hoắt màu vàng, cẩn thận gói trong vuông lụa đỏ mua ở hội chợ Vĩnh Kinh.

Dạo này một chảnh mắng nhỏ nhất cũng làm ông sôi máu, vì thế Lạc và tôi mỗi sáng nghiêm túc ra đồng làm việc. Thậm chí chúng tôi không dám liêu đồ giờ chiếc đồng hồ báo thức nhỏ màu nhiệm của mình.

Một tối trưởng làng đang khốn khổ vì đau răng xuất hiện ở nhà chúng tôi, lúc chúng tôi đang làm cơm. Ông mở vuông lụa đỏ gói cái răng, và giơ ra một miếng kim loại nhỏ.

Ông bảo chúng tôi:

“Đây là thiếc nguyên chất, tao mua của thằng bán rong. Hơ trên lửa mười lăm phút nó sẽ chảy rạ”

Cả hai chúng tôi không nói gì. Chúng tôi cố nín cười vì đôi má sưng tưng của ông. Trông ông như từ trong phim giễu dở bước ra.

Trưởng làng nói bằng giọng dõng dạc lạ lùng:

“Cháu Lạc này, bác chắc cháu thấy ba cháu làm chuyện này cả ngàn lần rồi: khi thiếc chảy ra, cháu chỉ cần nhét một ít vào cái răng mục để giết sâu, đúng không? Là con của nha sĩ lừng danh, cháu chắc biết mấy chuyện này. Bác nhờ cháu chữa răng cho bác.”

“Bác không đùa chứ? Bác muốn cháu trám răng bác bằng thiếc à?”

“Ừ. Nếu hết đau bác cho cháu nghỉ một tháng.”

Viễn ảnh rất hấp dẫn, nhưng Lạc buộc phải can ông:

“Chỉ có thiếc thôi chẳng đủ đâu. Vả lại, ba cháu dùng dụng cụ hiện đại. Ba cháu thoát tiên lấy cái khoan điện đào răng trước khi trám.”

Trưởng làng ngẫm nghĩ. Ông đứng lên bước ra, lăm bắm một mình:

“Nó nói đúng. Mình thấy người ta làm vậy ở nhà thương huyện. Thằng cả dẫn nhổ răng lành của mình cũng có cái kim bự quay vòng vòng và kêu như máy.”

Vài ngày sau, cơn đau của trưởng làng lu mờ vì cha của cô bé thợ may đến. Ánh ban mai lấp lánh trên chiếc máy may sáng chói, vắt ngất ngưỡng trên vai trần của một người phụ.

Chuyến viếng thăm hàng năm của ông tới làng chúng tôi đã hoãn lại vài lần, không rõ vì quá nhiều việc hay vì thời khóa biểu lung tung của ông. Dù sao chẳng nữa, ông đến báo hiệu ngày giờ hạnh phúc, dân làng vui mừng thấy người đàn ông nhỏ bé gân guốc xuất hiện với chiếc máy may sáng loáng chỉ vài tuần trước Tết Nguyên đán.

Theo thói quen khi tuần du các làng, ông để con gái ở nhà. Lần đầu chúng tôi gặp ông trên đường mòn hẹp trơn trượt, ông ngồi trên kiệu vì mưa và bùn lầy. Tuy nhiên, lần này trời nắng, ông đi bộ, vẻ trai trẻ gây ấn tượng sai về tuổi tác của ông. Ông đội mũ kết màu lục đã bạc - rõ là cái mũ con gái ông cho tôi mượn trong chuyến đi thăm cụ thợ xay - áo khoác xanh lừng thừng bên ngoài chiếc sơ mi vải nâu nhạt, đơm khuy kiểu cổ, và thắt lưng đen bóng bằng da thật.

Cả làng chạy ra đón ông. Tiếng trẻ con hò reo, tiếng phụ nữ vui mừng giữ tung khúc vải cất đi bao tháng ngày, pháo nổ lác đác, và tiếng ầm ỉn nháo nhác của bầy lợn trong làng hoà thành bầu không khí lễ hội. Các gia đình kéo ào đến cổ mời ông về, ai cũng mong là khách hàng đầu tiên. Nhưng làm mọi người sửng sốt, ông thợ may già tuyên bố:

“Tôi sẽ trợ với hai anh bạn trẻ của con gái tôi.”

Chúng tôi tự hỏi lựa chọn này có lý do thâm kín gì. Lời giải thích khả dĩ nhất chúng tôi có thể nghĩ ra là ông muốn tìm hiểu thêm về chàng trai có khả năng là con rể ông. Nhưng dù với động cơ nào, ngôi nhà sàn của chúng tôi biến thành hiệu may, nghĩa là chúng tôi sẽ chứng kiến những cảnh phụ nữ riêng tư mà trước đó chúng tôi chưa từng thấy. Đó là kỳ hội dài, hầu như náo loạn, đàn bà con gái mọi lứa tuổi, đơn sơ và xinh xắn, giàu và nghèo, thi đua nhau bằng vải vóc, rêu viền, ruy băng, khuy nút, thậm chí chỉ may trong tủ áo mơ ước của họ. Nhìn họ những lúc thử y phục, Lạc và tôi kinh ngạc thấy họ kích động làm sao, lòng khát khao áo mới khiến họ nóng nảy, và tự nhiên đến thế. Rõ ràng không một chế độ chính trị nào, một sự nghèo khổ nào có thể ngăn không cho phụ nữ muốn mặc đẹp: một ước muốn xưa như trái đất, xưa như ước muốn có con.

Đến tối tất cả trứng, thịt, rau, trái cây dân làng mang tới biếu bác phó may già cũng như bao tặng phẩm, chất đống ở góc phòng. Đàn ông đến nhập bọn với các bà. Những kẻ rụt rè hơn ngồi cạnh lửa, đầu trần cúi xuống, dùng dao quắm cắt móng tay. Họ ít dám nhìn đàn con gái. Kẻ khác từng trải và huyền ảo hơn, đùa bỡn với phụ nữ và cột nhả thô bỉ. Uy quyền của bác phó may bị thách thức nghiêm trọng, đến khi ông mệt mỏi và khó chịu, ra lệnh cho họ ra khỏi nhà.

Ba chúng tôi vừa ăn tối chung trong yên tĩnh, vừa cười nhớ lại lần gặp gỡ đầu tiên trên sơn đạo. Sau bữa cơm tối thân mật, tôi đề nghị đãi khách bằng vài bản vẽ cầm trước khi đi ngủ. Mắt ông trĩu nặng và ông từ chối lời mời.

Ông ngoác miệng ngáp dài:

“Hay là kể cho bác một câu chuyện. Hai cháu kể chuyện tài tình, con gái bác nói thế. Vì vậy bác mới nhất định ở nhà các cháu.”

Có thể vì ông thợ may miền núi đã mệt, hay vì Lạc không muốn bố vợ tương lai tưởng nó quá tự phụ, nhưng hình như nó nghĩ nên để tôi nhận danh dự đó. Nó khích lệ:

“Kể đi. Kể chuyện nào tao chưa nghe ấy.”

Hơi lưỡng lự, tôi đồng ý nhận vai trò kể chuyện giờ đi ngủ, và trước khi vào chuyện, tôi cẩn thận mời thính giả rửa chân bằng nước ấm và chui vào chăn, nhờ họ cảm thấy buồn ngủ trước khi tôi kể xong. Chúng tôi lấy ra hai cái chăn sạch, và mời khách vào giường Lạc. Rồi hai đứa cùng chen vào giường tôi. Tối lúc bắt đầu. Tôi thổi tắt ngọn đèn để tiết kiệm dầu, nghe tiếng ông thợ may ngáp lớn và dài hơn, tôi nằm ngửa lưng, gối đầu lên gối, mắt nhắm và đợi những lời mở đầu tuôn khỏi miệng mình.

Chắc hẳn tôi sẽ chọn một chuyện phim Trung Hoa hay Bắc Hàn, hay ngay cả một phim Albany, nếu tôi chưa nếm trái cấm trong chiếc va li bí mật của Bốn Mắt. Chủ nghĩa hiện thực vô sản ảm đạm của các phim đó là toàn bộ giáo dục văn hoá của tôi cho tới gần đây, đã tách tôi xa khỏi những đam mê của con người và những cảm xúc thật, xa đời thường tới nỗi tôi thấy hình như không còn gì hấp dẫn về chúng nữa vào lúc đêm khuya này. Bỗng nhiên, cuốn tiểu thuyết tôi vừa đọc xong thoáng qua trí. Tôi tin chắc Lạc chưa đọc, nó vẫn còn mê mải vào Balzac.

Tôi luồn ra khỏi tấm chăn và ngồi dưới chân giường, suy ngẫm về việc tình tế, khó khăn nhất: làm cách nào kể câu mở đầu. Tôi muốn bắt đầu trực khởi và lời cuốn.

“Đó là năm 1815, chúng ta đang ở Marseilles. ”

Giọng tôi vang lên trong bóng tối như mực của gian phòng. Bác thợ may ngái ngủ cất ngang:

“Marseilles ở đâu?”

“Ở bên kia địa cầu, một hải cảng lớn của Pháp.”

“Tại sao cháu muốn đưa chúng tôi đi xa như thế?”

“Cháu sẽ kể câu chuyện về một thủy thủ Pháp. Nếu bác không thích, có lẽ mình nên đi ngủ. Chúc bác ngủ ngon!”

Trong bóng đêm Lạc cúi tới khẽ thì thầm:

“Khá lắm!”

Một hai phút sau tôi lại nghe tiếng ông thợ may:

“Tên anh thủy thủ Pháp của cháu là gì nhỉ?”

“Lúc đầu anh ta là Edmond Dantès, nhưng về sau anh ta trở thành Bá tước Monte Cristo”

“Cristo à?”

“Đó là một cái tên khác của Jesus, có nghĩa là vị cứu tinh, hay chúa cứu thế.”

Và thế là tôi bắt đầu kể chuyện tiểu thuyết của Alexandre Dumas. Thỉnh thoảng Lạc thấp giọng cắt ngang với những câu bình phẩm ngắn và thông minh. Niềm vui của nó khuyến khích tôi, chẳng bao lâu sau, tôi không còn e dè trước người khách. Còn bác thợ may, không những mệt mỏi sau một ngày làm việc vất vả, mà hiển nhiên bị áp đảo vì những cái tên ngoại quốc và những chốn xa xôi tôi kể. Ông không nói thêm lời nào; tôi chắc ông ngủ ngay.

Nghệ thuật của bậc thầy Dumas hấp dẫn tới nỗi tôi quên hết về người khách, và chữ nghĩa trong tôi cứ tuôn ra. Những câu của tôi càng lúc càng chính xác hơn, cụ thể hơn, cô đọng hơn. Tôi thành công với một số cố gắng trong việc giữ giọng đơn sơ của câu mở đầu. Việc đó không dễ, nhưng trong lúc kể tôi vui mừng bàng hoàng thấy kỹ thuật kể chuyện mở ra trước mắt mình: làm sao Dumas tạo lập chủ đề báo thù, đưa ra nhiều mạch chuyện, rồi cuối cùng gom vào với bàn tay vững chắc, khéo léo và táo bạo. Như ta thấy một cây đại thụ bật gốc: thân cây cao quý, cành cây hùng vĩ, rễ cây trần trụi cường tráng.

Tôi mất khái niệm thời gian. Tôi đã nói bao lâu? Một giờ? Hai giờ? Chúng tôi đã đến chỗ vị anh hùng, người thủy thủ Pháp, bị nhốt trong xà lim hai mươi năm. Tôi cảm thấy uể oải và phải ngưng. Lạc thì thầm:

“Bây giờ mày khá hơn tao. Lẽ ra mày nên làm văn sĩ.”

Say sưa như thể nhận lời khen của tay kể chuyện bậc thầy, tôi thiếp ngủ ngon lành. Bỗng nhiên, tôi nghe tiếng ông thợ may già ồm ồm trong bóng tối.

“Tại sao cháu ngưng?”

Tôi thốt lên:

“Xin lỗi bác! Cháu nghĩ bác ngủ rồi.”

“Đâu có. Bác vẫn nghe đấy. Bác thích chuyện của cháu.”

“Cháu mệt quá rồi.”

Ông thợ may già nài nỉ:

“À thì cố thêm tí nữa.”

Tôi nói:

“Vâng, tí nữa thôi. Bác nhớ cháu ngưng ở đâu không?”

“Ông ấy bị ném vào ngục tối trong pháo đài trên đảo.”

Tôi cảm kích vì sự chú ý của vị thánh giả già, và kể tiếp câu chuyện của mình. Cứ mỗi nửa tiếng tôi lại ngưng, lúc nào cũng ở chỗ hồi hộp, không vì mệt nhưng vì không thể không khoe mảnh lời của tay kể chuyện nhà nghề. Tôi buộc ông năn nỉ tôi kể tiếp. Trời đã gần sáng lúc chúng tôi đến đoạn tu viện trưởng tiết lộ bí mật về kho tàng thần thoại giấu trên đảo Monte Cristo, và giúp Edmond trốn khỏi xà lim cùng khổ. Ánh ban mai mờ xám rọi vào phòng qua những khe nứt trên tường, cùng tiếng chim én, cu gáy, se sẻ lú rú, lú lo.

Đêm không ngủ này khiến chúng tôi kiệt sức. Ông thợ may phải hiến một số tiền nhỏ cho làng, để thuyết phục trưởng làng cho chúng tôi nghỉ.

Ông cụ nháy mắt với tôi và nói:

“Ngủ ngon nhé, và chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc hẹn kế của tôi với anh thủy thủ Pháp đấy.”

Đó là câu chuyện dài nhất tôi đã từng kể, vì mất cả chín đêm mới đến đoạn cuối. Tôi không hiểu ông thợ may già tìm đâu ra năng lực để làm việc trong ngày. Hiển nhiên một số chi tiết ông bắt được trong câu chuyện Pháp bắt đầu có ảnh hưởng kín đáo trên y phục ông may cho dân làng. Dumas sẽ rất ngạc nhiên thấy đàn ông miền núi diện bộ áo thủy thủ cổ vuông lát phát trong gió. Hầu như bạn có thể ngửi thấy mùi mằn mặn của Địa Trung Hải. Quần xanh thủy thủ Dumas đã nhắc đến, và đồ đệ của ông là bác phó may già nhái lại, đã chinh phục trái tim các cô gái bằng quần ống loe phát phới, thoáng mùi Côte d’Azur. Ông thợ may nhờ bọn tôi vẽ chiếc mỏ neo năm cánh, và trong nhiều năm nó trở thành mẫu trang trí phổ biến nhất trong thời trang phụ nữ ở núi Phụng Hoàng. Một số bà còn thêu chỉ vàng những chiếc neo nhỏ tí trên cúc áo. Nhưng có một số chi tiết trong tiểu thuyết của Dumas bọn tôi giữ riêng, chẳng hạn kiểu hoa huệ thêu trang điểm nịt ngực và áo đầm của Mercedes. Bí mật đó chúng tôi giành riêng cho cô con gái bác thợ may.

Đêm kể chuyện thứ ba suýt chấm dứt trong tai họa. Lúc đó khoảng năm giờ sáng. Chúng tôi đang ở giữa cốt truyện - đoạn hay nhất theo ý tôi. Bá tước Monte Cristo trở lại Paris, và nhờ những mưu tính khôn ngoan, ông đã có thể lại gần ba kẻ thù không đội trời chung mà ông muốn rửa hận. Ông đi từng con chốt trong ván cờ tài tình hiểm ác. Chẳng bao lâu, viên công tố vương bầy giăng thận trọng của Bá tước. Đột nhiên, đúng lúc Bá tước sắp ngã lòng yêu con gái viên công tố, một bóng đen cầm đèn pin lù lù nơi ngưỡng cửa. Tia sáng đuổi Bá tước Pháp, và đem chúng tôi ngay trở lại thực tế.

Ông trưởng làng chúng tôi, đầu đội mũ kết. Bộ mặt sưng vù của ông biến thành bức chạm nổi kỳ quái vì những bóng đen trên mặt ông trong ánh đèn pin. Chúng tôi chìm đắm trong Dumas tới nỗi không nghe tiếng chân ông.

Ông thợ may gọi to:

“A, ngọn gió lành nào mang bác tới đây thế? Tôi đang tự hỏi chẳng hiểu năm nay có may mắn được gặp bác không? Nghe nói bác khổ sở vì bàn tay của một tên lang băm.”

Trưởng làng không hạ cổ nhìn khách của chúng tôi, như thể ông không biết sự hiện diện của bác. Ông chìa đèn pin vào mặt tôi. Tôi hỏi:

“Có chuyện gì trục trặc ạ?”

“Theo tao. Có chuyện nói ở Ban An ninh tại ủy ban xã.”

Tuy đau răng khiến ông quát được tôi, tiếng gầm gầm của ông làm tôi sợ đứng tim, vì chỉ cái tên Ban An ninh cũng đủ mang hình ảnh tra tấn và địa ngục tới cho kẻ thù giai cấp.

Tôi vừa run rẩy thấp giọng đèn dầu vừa hỏi:

“Vì chuyện gì?”

“Mày gieo rắc rắc rối phản động. May cho làng ta, vì tao không bao giờ ngủ, tao luôn cảnh giác. Tao ở đây từ nửa đêm, nghe hết mấy thứ mày nói, cả nguyên câu chuyện phản động của Bá tước Gì-Gì đó.”

Lạc xen vào:

“Đúng, ông Bá tước này không phải người Trung Hoa.”

“Tao cóc cần. Có ngày cách mạng của ta sẽ chiến thắng trên toàn thế giới! Đứa nào mang tước hiệu Bá tước, bất kể quốc tịch gì, theo định nghĩa đều là phản động.”

Lạc nói:

“Khoan đã, đồng chí. Ông không biết câu chuyện này bắt đầu ra sao. Trước khi mạo nhận là quý tộc, ông này là thủy thủ nghèo, và dân đi biển thuộc tầng lớp công nhân cách mạng - trong Sách Đỏ nói như vậy.”

Trưởng làng vặn lại:

“Đừng lải nhải mất thì giờ của tao. Có bao giờ mày nghe một người tốt định qua mặt ủy viên công tổ chưa?”

Nói xong ông nhổ nước bọt xuống sàn, dấu hiệu ông sẽ dùng vũ lực nếu tôi không đi theo ông.

Tôi bò khỏi giường, cam chịu số mạng, mặc quần và áo khoác dày nhất của mình, như kẻ chuẩn bị Ở lâu trong tù. Dốc túi áo sơ mi, tôi thấy vài đồng xu đưa cho Lạc để khỏi mất vào tay bọn An ninh côn đồ. Lạc ném chúng lên giường.

Nó nói:

“Tao đi với mày.”

“Đừng, mày cứ ở đây coi sóc mọi thứ cho tốt.”

Tôi phải ngăn nước mắt khi nói. Cái nhìn của Lạc bảo tôi rằng nó hiểu tôi muốn nói gì: giấu kỹ sách trong trường hợp tôi bị tra tấn khai ra. Tôi không chắc mình chịu nổi đánh đập, thiên hạ nói đó là thủ tục tiêu chuẩn lúc hỏi cung ở Ban An ninh. Chân tôi run rẩy bước tới trưởng làng. Tôi thấy mình run như lần đầu tiên ấu dả hồi nhỏ: tôi lao tới đối thủ để tỏ ra can đảm, nhưng chân tôi run rẩy chịu thua.

Hơi thở trưởng làng hôi thối. Cặp mắt nhỏ, một con vẫn có ba đốm máu, nhìn tôi dăm dăm dữ tợn. Trong thoáng chốc, tôi nghĩ ông sẽ túm cổ áo tôi và ném tôi xuống thang. Nhưng ông cứ đứng đó, dấn chặt chân tại chỗ. Cuối cùng ông quay mặt đi, nhìn sơ vạt giường, rồi hướng về phía Lạc và hỏi:

“Mày nhớ miếng thiếc tao đưa mày coi không?”

Lạc hoang mang đáp:

“Không nhớ lắm.”

“Cái món tao nhờ mày nhét vào răng sâu của tao đó.”

“Vâng, tôi nhớ rồi.”

Trưởng làng lấy gói lụa đỏ trong túi áo khoác ra:

“Tao còn đây.”

Lạc vẫn bối rối:

“Tôi không hiểu ông nói gì.”

“Nếu mày, con một ông nha sĩ cừ khôi, có thể chữa răng cho tao, tao sẽ để thẳng bạn mày yên. Nếu không, tao sẽ dẫn nó thẳng tới Ban An ninh, báo cáo nó gieo rắc rắc rối phản động.”

Tất cả đã lâu lắm rồi, nhưng riêng một hình ảnh từ thời cải tạo vẫn hằn lên ký ức tôi rõ rệt thường: một con quạ mỏ đỏ cứ nhìn Lạc bò dọc lối đi hẹp, hai bên là vệt thối há hốc. Lưng nó gù cái sọt tre vô hại dính đất, trong đó nó giấu cuốn Già Gô, tựa tiếng Hán cuốn Père Goriot - quyển sách nó sẽ đọc cho cô bé thợ may, cô sơn nữ duyên dáng cần văn hoá.

Suốt tháng Chín, sau khi vụ trộm thành công, chúng tôi bị cấm đỗ, choáng ngợp, mê mẩn vì bí ẩn của thế giới bên ngoài, nhất là thế giới của phụ nữ, tình yêu và nhục dục, qua tiết lộ của các nhà văn tây phương từng ngày, từng trang, từng quyển sách. Không những Bốn Mắt rời núi không dám tố cáo chúng tôi, mà còn may mắn hơn, trưởng làng đã đi Vĩnh Kính họp hội nghị đảng Cộng sản. Trong khoảng trống chính trị sau đó, làng chúng tôi âm thầm rơi vào tình trạng vô chính phủ, Lạc và tôi ngưng ra đồng làm việc mà dân làng vẫn không một lời phản đối, họ vốn không muốn cải hoá từ dân trồng á phiện sang kẻ giám hộ linh hồn chúng tôi. Tôi khoá cửa kỹ hơn bao giờ, và sống với tiểu thuyết nước ngoài. Vì Lạc ưa chuộng Balzac, tôi để ông sang một bên, và với nhiệt tình tha thiết của một đứa mười tám, tôi đắm say hết tác giả này sang tác giả khác: Flaubert, Gogol, Melville, và ngay cả Romain Rolland.

Tôi hãy kể về Romain Rolland. Giữa các bộ sách trong va li của Bốn Mắt chỉ có một cuốn của ông: cuốn đầu của tuyệt tác bốn cuốn, Jean-Christophe Bản tiếng Hán của Phù Lôi, ông cũng dịch Balzac. Chuyện về một nhạc sĩ, và bản thân tôi đã từng chơi những bản vĩ cầm như Mozart Tưởng Nhớ Mao Chủ tịch, vì

thế tất nhiên tôi chú ý tới tác phẩm. Tôi đã định chỉ phát phơ qua loa, đọc lướt, nhưng khi đã mở sách tôi không thể đặt xuống nữa. Trước đó tôi thích đọc truyện ngắn: bố cục khéo và ý tưởng sắc sảo, truyện khiến ta cười hay ghen, sẽ ở lại trong ta cả đời. Tôi hoài nghi truyện dài. Nhưng Jean-Christophe, với cá tính sôi sục hoàn toàn không hoen ố vì ác tâm, là một tiết lộ bổ ích. Không có ông, tôi sẽ chẳng bao giờ hiểu sự huy hoàng của một cá nhân hành động tự do và độc lập. Trước khi có cuộc gặp gỡ nhờ trộm đạo với người hùng của Romain Rolland, trí óc nghèo nàn và cải tạo của tôi không thể hiểu khái niệm một người đứng lên chống lại toàn thế giới. Ý định phát phơ qua loa trở thành mối tình lớn. Ngay cả phong cách khoa trương thái quá, đôi khi xả láng, của tác giả cũng không giảm vẻ đẹp của tác phẩm nghệ thuật đáng ngạc nhiên này. Tôi chìm đắm, trôi theo dòng chữ mạnh mẽ rót ra từ hàng trăm trang giấy. Đối với tôi, đó là cuốn sách tối thượng: một khi đã đọc nó, đời bạn cũng như thế giới bạn sống sẽ không bao giờ như cũ nữa.

Tình cảm của tôi với Jean-Christophe lớn tới nỗi, lần đầu tiên trong đời, tôi muốn sở hữu riêng mình hơn là chia sẻ với Lạc. Vì thế tôi viết câu đề tặng trên trang đầu sách như món quà cho sinh nhật sau của mình, và yêu cầu Lạc ký vào đó. Nó nói nó hân hạnh, như thể sự kiện trọng yếu đến nỗi đáng đi vào lịch sử. Nó viết tên bằng chỉ một nét bút, phóng khoáng, hào hiệp, khí thế, nổi cả ba chữ bằng một vẽ bay bướm tao nhã chiếm gần nửa trang giấy. Về phần mình, tôi đề tặng nó ba cuốn của Balzac như món quà cho năm mới sắp đến: Père Goriot, Eugénie Grandet và Ursule Mirouët. Dưới lời đề tặng, tôi vẽ ba hình tượng trưng cho ba chữ tên mình. Hình đầu là con ngựa đang phi nước đại bồm bay trong gió; thứ hai là thanh gươm dài, nhọn, cán bằng xương, khắc tinh xảo, nạm kim cương; và thứ ba là cái chuông, chung quanh vẽ một số nét ngắn như tia, ám chỉ đang kêu báo hiệu. Tôi hài lòng với lời đề tặng của mình đến nỗi định nhỏ thêm một hai giọt máu để dâng hiến.

Tối giữa tháng, một cơn bão cuồng nộ thổi trên núi. Bão kéo dài cả đêm; mưa như trút nước. Sáng hôm sau, Lạc lên đường khi trời vừa rạng, với cuốn Père Goriot trong sọt tre, đúng với tham vọng đào tạo văn hoá cho cô bé thợ may đáng yêu. Như hiệp sĩ giang hồ, tuy không có chiến mã, nó khuất vào sương sớm che phủ đường tới làng cô bé thợ may.

Không muốn vi phạm lệnh giới nghiêm của chính quyền, đến tối nó quay lui, và ngoan ngoãn trở về căn nhà sàn của chúng tôi. Nó nói trận mưa gây đổ nát trên núi, buộc nó phải leo một chồm hẹp chóng mặt do đất lở gây ra. Nó than vãn:

“Cô bé thợ may với mây thì chạy băng qua, nhưng tao phải bò mà vẫn sợ.”

“Xa không?”

“Ít nhất bốn chục thước.”

Đối với tôi vẫn là điều bí ẩn tại sao Lạc, một đứa dường như dám làm mọi thứ, lại sợ chiều cao như thế. Nó thuộc loại trí thức, cả đời chưa bao giờ leo cây. Tôi vẫn nhớ buổi chiều thời thơ ấu, khi chúng tôi bỗng muốn leo cái thang sắt rỉ của tháp nước. Ngay từ đầu, bàn tay nó xây xát rỉ sắt, và khi lên cao mười lăm thước nó nói:

“Tao cứ nghĩ thanh ngang gãy dưới sức nặng của mình.”

Tay nó chảy máu đau đớn càng làm nó sợ hơn. Cuối cùng nó bỏ cuộc, để tôi leo lên một mình. Từ đỉnh tháp tôi nghiêng người nhỏ nước bọt xuống nó để đùa chơi, nhưng nước bọt bị gió cuốn đi. Năm sáu năm đã qua, nhưng tật sợ chiều cao của nó không giảm. Và nó đúng khi nói cô bé thợ may và tôi chạy trên chồm núi hẹp không khó khăn gì. Thật vậy, khi đã qua bên kia chúng tôi thường phải đợi Lạc bắt kịp, và có thể rất lâu vì nó phải bò.

Một hôm, để đổi không khí, tôi quyết định tháp tùng Lạc trong chuyến hành hương của nó tới làng cô bé thợ may.

Lúc đến chỗ hiểm nghèo Lạc kể, làn gió nhẹ ban mai đổi thành cơn lốc núi. Tôi kinh ngạc khi thấy nỗi liều lĩnh Lạc đương đầu mỗi ngày. Ngay cả tôi cũng run rẩy khi đặt chân lên chồm núi.

Ủng bên trái của tôi làm lở một viên đá, và hầu như cùng lúc đó ủng bên phải đập vài tảng đất xuống vực. Tiếng rơi vào vực sâu, mãi một lúc sau mới nghe nhiều lần chạm đáy. Tiếng vang xa, thoát tiên bên phải, rồi bên trái.

Đáng lẽ tôi không nên nhìn xuống: bên phải là khe đá nứt há hốc, sâu chóng mặt, cây cối dưới đáy lẫn trong sương mù. Tại tôi bắt đầu ù lúc tôi nhìn sang bên trái, đất lở tạo nên vực dốc thẳng đứng, sâu năm mươi thước.

May là chồm hẹp không quá xa như Lạc nói. Trên tảng đá bên kia, một con quạ mỏ đỏ đang đậu, đầu nó rúc vào cánh một cách đáng sợ. Tôi hỏi bằng giọng:

“Mày muốn tao mang sọt cho mày không?”

Lạc đang lưỡng lự ở đầu con đường.

“Ừ, mày giữ lấy.”

Khi vác sọt lên lưng tôi bị luồng gió xô đẩy. Tiếng ù trong tai lớn hơn, tôi lắc đầu để xua đi, và cảm thấy hoa mắt. Lúc đó còn chịu được, thậm chí hơi thích thú. Tôi đi vài bước. Khi ngoái nhìn lại, tôi thấy Lạc vẫn ở chỗ cũ, bóng nó khẽ lắc lư như cây trước gió.

Dán chặt mắt xuống đất, tôi chậm chạp tiến bước, ngập ngừng như người đi dây. Nhưng được nửa đường, tôi thấy đá phía trước lắc lư sang phải, rồi sang trái như động đất. Tôi gập người theo bản năng, cơn chóng mặt không giảm đến khi tôi cúi xuống đủ thấp để giữ vững bằng cả hai tay. Mồ hôi chảy thành dòng xuống lưng, ngực và trán. Tôi dùng lưng bàn tay lau trán, và ngạc nhiên thấy mồ hôi lạnh thế.

Tôi lại ngoái nhìn Lạc; hình như nó gọi, nhưng giọng nó bị nuốt chửng vì tiếng ù trong đầu tôi. Nhường mắt để khỏi nhìn vực sâu hai bên, tôi thấy bóng đen của con quạ lượn trên cao, chậm rãi vỗ cánh trong ánh nắng chói chan.

Tôi tự hỏi:

“Thế này nghĩa là gì?”

Tôi không thể di chuyển, và ở đó, kẹt giữa chồm núi, tôi tự hỏi ông bạn quý Jean-Christophe sẽ nói gì nếu tôi quay lại. Với một cái vẩy hồng hách của cây gậy nhạc trưởng, ông sẽ chỉ lối cho tôi đi. Tôi nghĩ ông chắc hẳn sẽ không phản đối khi tôi rút lui trước tử thần. Xét cho cùng, làm sao tôi có thể chết lúc này, khi chưa biết yêu hay nhục cảm, chưa có hành động tự do cá nhân chống lại cả thế giới như ông?

Tôi còn muốn sống. Tôi quay một vòng, vẫn trên đầu gối, và bò ngược lại điểm khởi đầu. Mất thăng bằng nghĩa là nhào vào khoảng không, và tôi bám chặt lấy đất để sống. Bất chợt, tôi nghĩ đến Lạc. Nó phải trải qua cũng thử thách này, và nó đã từng qua được bên kia.

Giọng nó trở nên rõ hơn khi khoảng cách giữa chúng tôi ngắn lại. Tôi nhận thấy mặt nó xanh như chết, như thể nó sợ hơn cả tôi. Nó gọi, bảo tôi nên giạng chân trên đỉnh và lê mình tới trước. Tôi theo lời khuyên của nó, và trong tư thế mới này, dù bề mặt hơn, cho phép tôi đến với nó an toàn. Khi trở lại điểm khởi hành, tôi lao đảo đứng lên và đặt sọt xuống.

Tôi hỏi nó:

“Ngày nào mày cũng kẹt thế này à?”

“Không, chỉ lần đầu thôi.”

“Lúc nào nó cũng có đó hả?”

“Cái gì?”

“Con quạ.”

Tôi chỉ về hướng con quạ mỏ đỏ, lúc này đã đậu xuống chóp núi, đúng nơi tôi quyết định quay lại để trở về.

Lạc nói:

“Ừ, mỗi sáng, làm như nó có hẹn với tao. Nhưng đến chiều tối tao trở về không bao giờ thấy nó.”

Tôi không muốn làm trò cười lần nữa, vì thế tôi để Lạc đi một mình. Nó quẩy sọt lên lưng, và từ từ cúi xuống đến khi ngón tay chạm đất. Rồi nó bám chắc tay lên đỉnh, tay nó đặt trước tay kia, tiến tới đều đặn,

chân nó gần chạm bàn tay ở mỗi bước. Một lát sau, nó ngừng lại ngo nguẩy mông về phía tôi như con khỉ giữ thăng bằng trên cành cây. Con quạ mổ đồ cắt cánh lượn lên cao, đôi cánh lớn chậm chạp vỗ.

Đầy thán phục, tôi nhìn Lạc đến khi nó lên tới cuối chỏm núi, tôi nghĩ như nơi luyện ngục, và khuất sau mây tầng đá. Bỗng nhiên, tôi cảm thấy sợ cho cuộc phiêu lưu của nó với Balzac và cô bé thợ may sẽ đi đến đâu. Con quạ đen đã biến mất, để lại nỗi im lặng lạ kỳ trên núi.

*

Đêm hôm sau tôi giặt mình thức giấc.

Mất một lúc tôi mới biết mình ở đâu. Trong bóng đêm tôi nghe tiếng thở đều: Lạc đang ngủ ở giường đối diện. Tôi mò mẫm tìm thuốc lá và châm lửa. Sự hiện diện rõ ràng của con lợn nái dưới nhà sàn xoa dịu tôi, nó cúi mồm vào vách chuồng, rồi như cuốn phim chiếu nhanh, giấc mơ tôi vừa có lại quay về với tất cả nỗi kinh hoàng của nó.

Lạc với một cô gái, và tôi đang từ xa nhìn họ lảo đảo dọc lối đi, hai bên là vực thẳm. Lúc đầu cô gái đi trước là con ông lao công ở bệnh viện cha mẹ chúng tôi làm việc. Một cô gái cùng lớp, nhu mì, bình thường, loại con gái tôi đã quên trên đời. Đúng lúc tôi tự hỏi cô làm gì ở đó với Lạc trên núi, cô biến thành cô bé thợ may, lanh lợi, vui tươi, gọn gàng trong chiếc áo phông trắng và quần đen. Cô không rào bước qua chỏm núi, mà nghênh ngang, trong khi Lạc, gã tình nhân trẻ của cô, bò theo sau. Cả hai không mang sọt. Tóc cô bé thợ may không cột thành đuôi ngựa dày và dài phía sau như thường lệ, và khi cô chạy mái tóc bỗng bồng bềnh trên vai như đôi cánh. Tôi lướt xem sườn núi tìm con quạ mổ đồ, và khi quay nhìn lại các bạn mình, cô bé thợ may đã biến mất. Giờ đây chỉ còn Lạc đang bò giữa chỏm núi, ngó dăm dăm xuống vực bên phải. Hình như nó gọi, nhưng tôi không nghe gì. Chẳng hiểu sao, tôi tìm thấy can đảm chạy tới nó trên chỏm núi. Đến gần, tôi hiểu ra cô bé thợ may đã rơi xuống vực. Dù vực dốc đứng, chúng tôi trượt theo sườn dốc tới đáy, tìm thấy thi thể cô trên nền đá. Cô ngã gập đôi người, đầu toác lớn. Máu đông ở hai vết nứt lớn sau gáy. Một vết cắt dài tới tận vầng trán xinh. Miệng cô méo, môi co lại để lộ nướu hồng và hàm răng nghiêng chặt, như thể đang kêu thét, nhưng nín lặng, chỉ có mùi máu. Khi Lạc ôm cô vào vòng tay, tôi thấy nó cũng chảy máu. Máu chảy từ miệng, từ lỗ mũi trái, và một bên tai nó; máu chảy xuống cánh tay nó và nhỏ xuống đất.

Tôi kể cơn ác mộng, nhưng Lạc không màng. Nó bảo:

“Quên đi, tao cũng mơ như vậy nhiều lần.”

Nó gom áo khoác và sọt tre Tôi hỏi:

“Mày có dặn cô bé thợ may tránh xa chỏm núi không?”

“Tất nhiên không. Đôi khi cô nàng cũng muốn đến đây.”

“Bảo cô ấy khoan - ít nhất đến khi cái lối đi khốn nạn ấy quang đãng đã.”

“Ừ, tao sẽ bảo.”

Nó đang vội, và tôi gần như ganh tỵ với cuộc hẹn hò của nó với con quạ mổ đồ hắc ám.

“Đừng kể giấc mơ của tao với cô ấy nhé?”

“Chả sợ.”

*

Trưởng làng trở về tạm thời chấm dứt chuyến hành hương mỗi ngày của Lạc.

Đặc ân tham dự đại hội Đảng cũng như một tháng sống cao sang trong thị trấn dường như không làm trưởng làng của chúng tôi hài lòng lắm. Ông có vẻ buồn phiền, má sưng. Mặt ông méo xệch giận dữ lúc họ nói xung thiên vì một tên bác sĩ cách mạng ở nhà thương huyện.

“Đồ chó đẻ, đồ lang vườn ngu ngốc, rằng sâu không nhổ lại nhổ răng lành ngay kế bên.”

Ông càng điên tiết vì chảy máu sau khi nhổ cái răng hàm vô tội khiến ông không thể tổ nổi cuồng nộ của mình, mà chỉ ú ớ được vài lời khó hiểu. Ông trưng bằng chứng nhử rằng cho bất cứ ai chỉ hơi tỏ vẻ thông

cảm với bất hạnh của mình: một cái răng đen xỉn, chân nhọn hoắt màu vàng, cẩn thận gói trong vuông lụa đỏ mua ở hội chợ Vĩnh Kinh.

Dạo này một chênh mảng nhỏ nhất cũng làm ông sôi máu, vì thế Lạc và tôi mỗi sáng nghiêm túc ra đồng làm việc. Thậm chí chúng tôi không dám liếc nhìn đồng hồ báo thức nhỏ màu nhiệm của mình.

Một tối trưởng làng đang khốn khổ vì đau răng xuất hiện ở nhà chúng tôi, lúc chúng tôi đang làm cơm. Ông mở vuông lụa đỏ gói cái răng, và giơ ra một miếng kim loại nhỏ.

Ông bảo chúng tôi:

“Đây là thiếc nguyên chất, tao mua của thằng bán rong. Hơ trên lửa mười lăm phút nó sẽ chảy rạ”

Cả hai chúng tôi không nói gì. Chúng tôi cố nín cười vì đôi má sưng tấy của ông. Trông ông như từ trong phim giễu dở bước ra.

Trưởng làng nói bằng giọng dỗ ngọt lạ lùng:

“Cháu Lạc này, bác chắc cháu thấy ba cháu làm chuyện này cả ngàn lần rồi: khi thiếc chảy ra, cháu chỉ cần nhét một ít vào cái răng mục để giết sâu, đúng không? Là con của nha sĩ lừng danh, cháu chắc biết mấy chuyện này. Bác nhờ cháu chữa răng cho bác.”

“Bác không đùa chứ? Bác muốn cháu trám răng bác bằng thiếc à?”

“Ừ. Nếu hết đau bác cho cháu nghỉ một tháng.”

Viễn ảnh rất hấp dẫn, nhưng Lạc buộc phải can ông:

“Chỉ có thiếc thôi chẳng đủ đâu. Vả lại, ba cháu dùng dụng cụ hiện đại. Ba cháu thoát tiên lấy cái khoan điện đào răng trước khi trám.”

Trưởng làng ngẫm nghĩ. Ông đứng lên bước ra, lăm bắm một mình:

“Nó nói đúng. Mình thấy người ta làm vậy ở nhà thương huyện. Thằng cả dẫn nhổ răng lành của mình cũng có cái kim bự quay vòng vòng và kêu như máy.”

Vài ngày sau, cơn đau của trưởng làng lu mờ vì cha của cô bé thợ may đến. Ánh ban mai lấp lánh trên chiếc máy may sáng chói, vác ngất ngưỡng trên vai trần của một người phụ.

Chuyến viếng thăm hàng năm của ông tới làng chúng tôi đã hoãn lại vài lần, không rõ vì quá nhiều việc hay vì thời khóa biểu lung tung của ông. Dù sao chẳng nữa, ông đến báo hiệu ngày giờ hạnh phúc, dân làng vui mừng thấy người đàn ông nhỏ bé gân guốc xuất hiện với chiếc máy may sáng loáng chỉ vài tuần trước Tết Nguyên đán.

Theo thói quen khi tuần du các làng, ông để con gái ở nhà. Lần đầu chúng tôi gặp ông trên đường mòn hẹp trơn trượt, ông ngồi trên kiệu vì mưa và bùn lầy. Tuy nhiên, lần này trời nắng, ông đi bộ, vẻ trai trẻ gây ấn tượng sai về tuổi tác của ông. Ông đội mũ kết màu lục đã bạc - rõ là cái mũ con gái ông cho tôi mượn trong chuyến đi thăm cụ thợ xay - áo khoác xanh lung thùng bên ngoài chiếc sơ mi vải nâu nhạt, đơm khuy kiểu cổ, và thắt lưng đen bóng bằng da thật.

Cả làng chạy ra đón ông. Tiếng trẻ con hò reo, tiếng phụ nữ vui mừng giữ tung khúc vải cất đi bao tháng ngày, pháo nổ lác đác, và tiếng ầm ầm nháo nhác của bầy lợn trong làng hoà thành bầu không khí lễ hội. Các gia đình kéo ào đến cổ mõi ông về, ai cũng mong là khách hàng đầu tiên. Nhưng làm mọi người sững sốt, ông thợ may già tuyên bố:

“Tôi sẽ trọ với hai anh bạn trẻ của con gái tôi.”

Chúng tôi tự hỏi lựa chọn này có lý do thâm kín gì. Lời giải thích khả dĩ nhất chúng tôi có thể nghĩ ra là ông muốn tìm hiểu thêm về chàng trai có khả năng là con rể ông. Nhưng dù với động cơ nào, ngôi nhà sàn của chúng tôi biến thành hiệu may, nghĩa là chúng tôi sẽ chứng kiến những cảnh phụ nữ riêng tư mà trước đó chúng tôi chưa từng thấy. Đó là kỳ hội dài, hầu như náo loạn, đàn bà con gái mọi lứa tuổi, đơn sơ và xinh xắn, giàu và nghèo, thi đua nhau bằng vải vóc, rêu viền, ruy băng, khuy nút, thậm chí chỉ may trong tủ áo mơ ước của họ. Nhìn họ những lúc thử y phục, Lạc và tôi kinh ngạc thấy họ kích động làm sao, lòng

khát khao áo mới khiến họ nóng nảy, và tự nhiên đến thế. Rõ ràng không một chế độ chính trị nào, một sự nghèo khổ nào có thể ngăn không cho phụ nữ muốn mặc đẹp: một ước muốn xưa như trái đất, xưa như ước muốn có con.

Đến tối tất cả trứng, thịt, rau, trái cây dân làng mang tới biếu bác phó may già cũng như bao tặng phẩm, chất đống ở góc phòng. Đàn ông đến nhập bọn với các bà. Những kẻ rụt rè hơn ngồi cạnh lửa, đầu trần cúi xuống, dùng dao quắm cắt móng tay. Họ ít dám nhìn đàn con gái. Kẻ khác từng trải và huyền não hơn, đùa bỡn với phụ nữ và cợt nhả thô bỉ. Uy quyền của bác phó may bị thách thức nghiêm trọng, đến khi ông mệt mỏi và khó chịu, ra lệnh cho họ ra khỏi nhà.

Ba chúng tôi vừa ăn tối chung trong yên tĩnh, vừa cười nhớ lại lần gặp gỡ đầu tiên trên sơn đạo. Sau bữa cơm tối thân mật, tôi đề nghị đãi khách bằng vài bản vĩ cầm trước khi đi ngủ. Mắt ông trĩu nặng và ông từ chối lời mời.

Ông ngoác miệng ngáp dài:

“Hay là kể cho bác một câu chuyện. Hai cháu kể chuyện tài tình, con gái bác nói thế. Vì vậy bác mới nhất định ở nhà các cháu.”

Có thể vì ông thợ may miền núi đã mệt, hay vì Lạc không muốn bố vợ tương lai tưởng nó quá tự phụ, nhưng hình như nó nghĩ nên để tôi nhận danh dự đó. Nó khích lệ:

“Kể đi. Kể chuyện nào tao chưa nghe ấy.”

Hơi lưỡng lự, tôi đồng ý nhận vai trò kể chuyện giờ đi ngủ, và trước khi vào chuyện, tôi cẩn thận mời thính giả rửa chân bằng nước ấm và chui vào chăn, nhờ họ cảm thấy buồn ngủ trước khi tôi kể xong. Chúng tôi lấy ra hai cái chăn sạch, và mời khách vào giường Lạc. Rồi hai đứa cùng chen vào giường tôi. Tới lúc bắt đầu. Tôi thổi tắt ngọn đèn để tiết kiệm dầu, nghe tiếng ông thợ may ngáp lớn và dài hơn, tôi nằm ngửa lưng, gối đầu lên gối, mắt nhắm và đợi những lời mở đầu tuôn khỏi miệng mình.

Chắc hẳn tôi sẽ chọn một chuyện phim Trung Hoa hay Bắc Hàn, hay ngay cả một phim Albany, nếu tôi chưa nếm trái cấm trong chiếc va li bí mật của Bốn Mắt. Chủ nghĩa hiện thực vô sản ảm đạm của các phim đó là toàn bộ giáo dục văn hoá của tôi cho tới gần đây, đã tách tôi xa khỏi những đam mê của con người và những cảm xúc thật, xa đời thường tới nỗi tôi thấy hình như không còn gì hấp dẫn về chúng nữa vào lúc đêm khuya này. Bỗng nhiên, cuốn tiểu thuyết tôi vừa đọc xong thoáng qua trí. Tôi tin chắc Lạc chưa đọc, nó vẫn còn mê mải vào Balzac.

Tôi luồn ra khỏi tấm chăn và ngồi dưới chân giường, suy ngẫm về việc tình tế, khó khăn nhất: làm cách nào kể câu mở đầu. Tôi muốn bắt đầu trực khởi và lời cuốn.

“Đó là năm 1815, chúng ta đang ở Marseilles. ”

Giọng tôi vang lên trong bóng tối như mực của gian phòng. Bác thợ may ngái ngủ cắt ngang:

“Marseilles ở đâu?”

“Ở bên kia địa cầu, một hải cảng lớn của Pháp.”

“Tại sao cháu muốn đưa chúng tôi đi xa như thế?”

“Cháu sẽ kể câu chuyện về một thủy thủ Pháp. Nếu bác không thích, có lẽ mình nên đi ngủ. Chúc bác ngủ ngon!”

Trong bóng đêm Lạc cúi tới khẽ thì thầm:

“Khá lắm!”

Một hai phút sau tôi lại nghe tiếng ông thợ may:

“Tên anh thủy thủ Pháp của cháu là gì nhỉ?”

“Lúc đầu anh ta là Edmond Dantès, nhưng về sau anh ta trở thành Bá tước Monte Cristo”

“Cristo à?”

“Đó là một cái tên khác của Jesus, có nghĩa là vị cứu tinh, hay chúa cứu thế.”

Và thế là tôi bắt đầu kể chuyện tiểu thuyết của Alexandre Dumas. Thỉnh thoảng Lạc thấp giọng cất ngang với những câu bình phẩm ngắn và thông minh. Niềm vui của nó khuyến khích tôi, chẳng bao lâu sau, tôi không còn e dè trước người khách. Còn bác thợ may, không những mệt mỏi sau một ngày làm việc vất vả, mà hiển nhiên bị áp đảo vì những cái tên ngoại quốc và những chốn xa xôi tôi kể. Ông không nói thêm lời nào; tôi chắc ông ngủ ngay.

Nghệ thuật của bậc thầy Dumas hấp dẫn tới nỗi tôi quên hết về người khách, và chữ nghĩa trong tôi cứ tuôn ra. Những câu của tôi càng lúc càng chính xác hơn, cụ thể hơn, cô đọng hơn. Tôi thành công với một số cố gắng trong việc giữ giọng đơn sơ của câu mở đầu. Việc đó không dễ, nhưng trong lúc kể tôi vui mừng bàng hoàng thấy kỹ thuật kể chuyện mở ra trước mắt mình: làm sao Dumas tạo lập chủ đề báo thù, đưa ra nhiều mạch chuyện, rồi cuối cùng gom vào với bàn tay vững chắc, khéo léo và táo bạo. Như ta thấy một cây đại thụ bạt gốc: thân cây cao quý, cành cây hùng vĩ, rễ cây trần trụi cường tráng.

Tôi mất khái niệm thời gian. Tôi đã nói bao lâu? Một giờ? Hai giờ? Chúng tôi đã đến chỗ vị anh hùng, người thủy thủ Pháp, bị nhốt trong xà lim hai mươi năm. Tôi cảm thấy uể oải và phải ngưng. Lạc thì thầm:

“Bây giờ mày khá hơn tao. Lẽ ra mày nên làm văn sĩ.”

Say sưa như thể nhận lời khen của tay kể chuyện bậc thầy, tôi thiếp ngủ ngon lành. Bỗng nhiên, tôi nghe tiếng ông thợ may già ồm ồm trong bóng tối.

“Tại sao cháu ngưng?”

Tôi thốt lên:

“Xin lỗi bác! Cháu nghĩ bác ngủ rồi.”

“Đâu có. Bác vẫn nghe đấy. Bác thích chuyện của cháu.”

“Cháu mệt quá rồi.”

Ông thợ may già nài nỉ:

“À thì cố thêm tí nữa.”

Tôi nói:

“Vâng, tí nữa thôi. Bác nhớ cháu ngưng ở đâu không?”

“Ông ấy bị ném vào ngục tối trong pháo đài trên đảo.”

Tôi cảm kích vì sự chú ý của vị thánh già, và kể tiếp câu chuyện của mình. Cứ mỗi nửa tiếng tôi lại ngưng, lúc nào cũng ở chỗ hồi hộp, không vì mệt nhưng vì không thể không khoe mảnh lối của tay kể chuyện nhà nghề. Tôi buộc ông năn nỉ tôi kể tiếp. Trời đã gần sáng lúc chúng tôi đến đoạn tu viện trưởng tiết lộ bí mật về kho tàng thần thoại giấu trên đảo Monte Cristo, và giúp Edmond trốn khỏi xà lim cùng khổ. Ánh ban mai mờ xám rọi vào phòng qua những khe nứt trên tường, cùng tiếng chim én, cu gáy, se sẻ lú rú, lú lo.

Đêm không ngủ này khiến chúng tôi kiệt sức. Ông thợ may phải hiến một số tiền nhỏ cho làng, để thuyết phục trưởng làng cho chúng tôi nghỉ.

Ông cụ nháy mắt với tôi và nói:

“Ngủ ngon nhé, và chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc hẹn kế của tôi với anh thủy thủ Pháp đấy.”

Đó là câu chuyện dài nhất tôi đã từng kể, vì mất cả chín đêm mới đến đoạn cuối. Tôi không hiểu ông thợ may già tìm đâu ra năng lực để làm việc trong ngày. Hiển nhiên một số chi tiết ông bắt được trong câu truyện Pháp bắt đầu có ảnh hưởng kín đáo trên y phục ông may cho dân làng. Dumas sẽ rất ngạc nhiên thấy đàn ông miền núi diện bộ áo thủy thủ cổ vuông lất phất trong gió. Hầu như bạn có thể ngửi thấy mùi mằn mặn của Địa Trung Hải. Quần xanh thủy thủ Dumas đã nhắc đến, và đồ đệ của ông là bác phó may già nhái lại, đã chinh phục trái tim các cô gái bằng quần ống loe phát phới, thoáng mùi Côte d’Azur. Ông thợ may nhờ bọn tôi vẽ chiếc mỏ neo năm cánh, và trong nhiều năm nó trở thành mẫu trang trí phổ biến

nhất trong thời trang phụ nữ ở núi Phụng Hoàng. Một số bà còn thêu chỉ vàng những chiếc neo nhỏ tí trên cúc áo. Nhưng có một số chi tiết trong tiểu thuyết của Dumas bọn tôi giữ riêng, chẳng hạn kiểu hoa huệ thêu trang điểm nịt ngực và áo đầm của Mercedes. Bí mật đó chúng tôi giành riêng cho cô con gái bác thợ may.

Đêm kể chuyện thứ ba suýt chấm dứt trong tai họa. Lúc đó khoảng năm giờ sáng. Chúng tôi đang ở giữa cốt truyện - đoạn hay nhất theo ý tôi. Bá tước Monte Cristo trở lại Paris, và nhờ những mưu tính khôn ngoan, ông đã có thể lại gần ba kẻ thù không đội trời chung mà ông muốn rửa hận. Ông đi từng con chốt trong ván cờ tài tình hiểm ác. Chẳng bao lâu, viên công tố vương bầy giăng thận trọng của Bá tước. Đột nhiên, đúng lúc Bá tước sắp ngã lòng yêu con gái viên công tố, một bóng đen cầm đèn pin lù lù nơi ngưỡng cửa. Tia sáng đuổi Bá tước Pháp, và đem chúng tôi ngay trở lại thực tế.

Ông trưởng làng chúng tôi, đầu đội mũ kết. Bộ mặt sừng vù của ông biến thành bức chạm nổi kỳ quái vì những bóng đen trên mặt ông trong ánh đèn pin. Chúng tôi chìm đắm trong Dumas tới nỗi không nghe tiếng chân ông.

Ông thợ may gọi to:

“A, ngọn gió lành nào mang bác tới đây thế? Tôi đang tự hỏi chẳng hiểu năm nay có may mắn được gặp bác không? Nghe nói bác khổ sở vì bàn tay của một tên lang băm.”

Trưởng làng không hạ cổ nhìn khách của chúng tôi, như thể ông không biết sự hiện diện của bác. Ông chìa đèn pin vào mặt tôi. Tôi hỏi:

“Có chuyện gì trục trặc ạ?”

“Theo tao. Có chuyện nói ở Ban An ninh tại ủy ban xã.”

Tuy đau răng khiến ông quát được tôi, tiếng lầm bầm của ông làm tôi sợ đứng tim, vì chỉ cái tên Ban An ninh cũng đủ mang hình ảnh tra tấn và địa ngục tới cho kẻ thù giai cấp.

Tôi vừa run rẩy thấp ngọn đèn dầu vừa hỏi:

“Vì chuyện gì?”

“Mày gieo rắc rắc rối phản động. May cho làng ta, vì tao không bao giờ ngủ, tao luôn cảnh giác. Tao ở đây từ nửa đêm, nghe hết mấy thứ mày nói, cả nguyên câu chuyện phản động của Bá tước Gi-Gi đó.”

Lạc xen vào:

“Đúng, ông Bá tước này không phải người Trung Hoa”

“Tao cóc cần. Có ngày cách mạng của ta sẽ chiến thắng trên toàn thế giới! Đứa nào mang tước hiệu Bá tước, bất kể quốc tịch gì, theo định nghĩa đều là phản động.”

Lạc nói:

“Khoan đã, đồng chí. Ông không biết câu chuyện này bắt đầu ra sao. Trước khi mạo nhận là quý tộc, ông này là thủy thủ nghèo, và dân đi biển thuộc tầng lớp công nhân cách mạng - trong Sách Đỏ nói như vậy.”

Trưởng làng vặn lại:

“Đừng lải nhải mất thì giờ của tao. Có bao giờ mày nghe một người tốt định qua mặt ủy viên công tố chưa?”

Nói xong ông nhổ nước bọt xuống sàn, dấu hiệu ông sẽ dùng vũ lực nếu tôi không đi theo ông.

Tôi bò khỏi giường, cam chịu số mạng, mặc quần và áo khoác dày nhất của mình, như kẻ chuẩn bị ở lâu trong tù. Dốc túi áo sơ mi, tôi thấy vài đồng xu đưa cho Lạc để khỏi mất vào tay bọn An ninh côn đồ. Lạc ném chúng lên giường.

Nó nói:

“Tao đi với mày.”

“Đừng, mày cứ ở đây coi sóc mọi thứ cho tốt.”

Tôi phải ngăn nước mắt khi nói. Cái nhìn của Lạc bảo tôi rằng nó hiểu tôi muốn nói gì: giấu kỹ sách trong trường hợp tôi bị tra tấn khai ra. Tôi không chắc mình chịu nổi đánh đập, thiên hạ nói đó là thủ tục tiêu chuẩn lúc hỏi cung ở Ban An ninh. Chân tôi run rẩy bước tới trưởng làng. Tôi thấy mình run như lần đầu tiên ấu dả hồi nhỏ: tôi lao tới đối thủ để tỏ ra can đảm, nhưng chân tôi run rẩy chịu thua.

Hơi thở trưởng làng hơi thối. Cặp mắt nhỏ, một con vẫn có ba đốm máu, nhìn tôi dăm dăm dữ tợn. Trong thoáng chốc, tôi nghĩ ông sẽ túm cổ áo tôi và ném tôi xuống thang. Nhưng ông cứ đứng đó, dấn chặt chân tại chỗ. Cuối cùng ông quay mắt đi, nhìn sơ vạt giường, rồi hướng về phía Lạc và hỏi:

“Mày nhớ miếng thiếc tao đưa mày coi không?”

Lạc hoang mang đáp:

“Không nhớ lắm.”

“Cái món tao nhờ mày nhét vào răng sâu của tao đó.”

“Vâng, tôi nhớ rồi.”

Trưởng làng lấy gói lụa đỏ trong túi áo khoác ra:

“Tao còn đây.”

Lạc vẫn bối rối:

“Tôi không hiểu ông nói gì.”

“Nếu mày, con một ông nha sĩ cừ khôi, có thể chữa răng cho tao, tao sẽ để thẳng bạn mày yên. Nếu không, tao sẽ dẫn nó thẳng tới Ban An ninh, báo cáo nó gieo rắc rắc rối phản động.”

7. Chương 7

Hàm răng trưởng làng giống răng núi lởm chởm. Ba cái răng cửa tụt nướu tấy đen như những mảnh bazan thời tiền sử, trong khi răng nanh bọc khói thuốc như đá vôi trầm tích khểnh ra. Răng hàm một số cái có rãnh sâu trên mặt - thẳng con ông nha sĩ tuyên bố bằng giọng khoa học nhà nghề - Ông chủ hàm răng chắc phải bị giang mai. Trưởng làng ngoảnh mặt đi, không chối lời chẩn đoán.

Cái răng phiến hà ở tận cuối hàm, kề lỗ đen mềm của cái răng bị nhổ bên cạnh. Cái răng khôn thối rữa cô đơn, lỗ chỗ tổ ong như đá san hô. Cái lưỡi vàng của trưởng làng cứ xoa dịu nó, rồi thám hiểm tới cái lỗ kề bên, và chấm dứt bằng tiếng tắc lưỡi an ủi.

Chuyến đi dạo của cái lưỡi nhầy nhụa này bị gián đoạn vì cây kim máy may bằng thép to tướng thò vào miệng trưởng làng và lờn vờn trên chiếc răng sâu. Cái lưỡi lập tức nhào tới kẻ xâm nhập, đầu lưỡi khám từ đầu tới cuối vật lạ lạnh ngắt. Nó run rẩy rút lui, rồi lại chồm lên tấn công, hào hứng vì cảm giác lạ, liếm đầu kim lần nữa gần như khoái lạc.

Bác thợ may già đập bàn máy may, chuyển động lên xuống gấn qua một sợi dây bánh lái làm cây kim quay tròn. Lưỡi của trưởng làng nẩy lên báo động. Lạc nắm chặt cái khoan đã chiến giữa các ngón tay, điều chỉnh vị trí bàn tay. Nó đợi vài giây để bàn đập tăng tốc độ, rồi đem cây kim tấn công cái răng khiến bệnh nhân thét lên một tiếng chói tai. Ngay khi Lạc rút cây kim khỏi miệng, trưởng làng lặn khỏi chiếc giường chúng tôi đặt cạnh máy may.

Ông nổi óa:

“Mày suýt giết tao chết! Mày định làm gì hả?”

Ông thợ may nói:

“Tôi đã bảo ông rồi, tôi thấy họ làm chuyện này ở chợ phiên. Vả lại, ông là người khẳng khái bắt chúng tôi làm.”

Trưởng làng nói:

“À thì, đau muốn chết. ”

Lạc nói:

“Tất nhiên là đau. Ông có để ý tốc độ máy khoan điện ở bệnh viện không? Nó quay cả trăm vòng một giây. Quay càng chậm thì càng đau. ”

Trưởng làng đội lại mũ, nói một cách cương quyết:

“Thử lại xem sao. Tao không ăn không ngủ cả tuần rồi. Chữa một lần cho xong.”

Ông nhắm mắt để khỏi nhìn cây kim đưa vào miệng, nhưng kết quả vẫn như trước. Cái đau tàn nhẫn hắt ông khỏi giường với cây kim vẫn cắm vào răng.

Phản ứng hung bạo của ông suýt làm đổ ngọn đèn dầu tôi đang hơ mảnh thiếc cho chảy trong cái thìa.

Một tình huống lố bịch, nhưng không ai dám cười vì sợ nhắc tới chuyện bắt giam của tôi.

Lạc lấy lại cây kim, lau và xem xét kỹ lưỡng, rồi đưa bệnh nhân ly nước súc miệng. Trưởng làng nghe theo, và nhổ ra sàn cạnh cái mũ của ông đã rơi khỏi đầu. Nước màu hồng.

Bác thợ may già có vẻ sững sốt:

“Ông chảy máu.”

Lạc nhặt cái mũ đội lên mớ tóc bù xù của trưởng làng và nói:

“Nếu ông muốn tôi chữa răng cho, tôi thấy không có cách gì khác là buộc ông vào giường.”

Trưởng làng phẫn nộ thốt lên:

“Trời tao? Mà quên tao được lãnh đạo xã bổ nhiệm hả?”

“Nhưng cơ thể ông không chịu hợp tác, tôi sợ chúng tôi phải dùng biện pháp mạnh.”

Tôi lặng người kinh ngạc. Làm sao kẻ tàn ngược này, tên bạo chúa chính trị và kinh tế này, gã xếp cơm này, lại thúc thủ chịu trời, không những nhục nhã mà khiến hắn trông cực kỳ lố bịch như thế? Ma quỷ nào ám hắn? Lúc đó tôi không có thì giờ suy ngẫm, và ngay cả bây giờ tôi vẫn ngỡ ngàng. Thế là Lạc trời nhanh ông ta xuống giường, và bác thợ may mang trọng trách dùng hai tay giữ chặt đầu bệnh nhân không để nhúc nhích, ra dấu cho tôi đập máy hộ Ông.

Trách nhiệm mới này làm tôi bối rối. Tôi cởi giày, đặt gót chân lên bàn đạp và lên gân.

Khi Lạc ra dấu, tôi đập bánh lái, và chẳng mấy chốc chân tôi đập nhanh theo nhịp máy không ngừng. Tôi tăng tốc độ, cảm thấy như một cua rơi nước rút; cây kim lắc lư, rung lên, một lần nữa chạm vào cái răng phụ bạc, trong khi tiếng ùng ục dễ sợ phát ra từ cổ họng ông trưởng làng bị giữ chặt. Ông chẳng những bị buộc vào giường bằng sợi thừng chắc, như kẻ gian trong phim bị trừng phạt, đầu ông còn bị bàn tay gọng kìm của bác thợ may già siết cứng. Mặt ông xanh như chết, miệng xùi bọt.

Bỗng nhiên, tôi cảm thấy một thôi thúc tàn bạo khôn cưỡng, như núi lửa sắp nổ tung. Tôi nghĩ tới những khốn khổ của học tập cải tạo, và đập chậm dần.

Lạc liếc nhìn tôi đồng lõa.

Tôi đập càng chậm hơn, lần này để phạt ông đã dọa bắt giữ tôi. Như thể cái khoan sắp hỏng. Lúc này nó gần như ngừng lại, chỉ quay một vòng mỗi giây, có thể hai vòng - ai biết đâu đây? Cuối cùng, sau khi xuyên thủng chỗ mục nát, mũi thép rung lên lần chót, và ngừng hẳn lúc tôi nhắc chân khỏi bàn đạp, như cua rơi thả dốc. Trong một thoáng, tình trạng chờ đợi gây đau đớn. Tôi giả vờ khoan thai vô tội để giấu vẻ căm ghét âm ỉ trong mắt, và cúi xuống ra bộ soát dây đai có còn nằm nguyên trong bánh lái không. Rồi tôi lại đặt chân lên bàn đạp, cây kim lại quay, từ từ và run rẩy, như thể cua rơi đang cố lên con dốc đứng. Cây kim

biến thành lưỡi đục, cắt vào mặt đá tiền sử rừng rợn, làm tung những đóm bụi vàng nhầy nhụa. Tôi đã hoá thành tên bạo hành - một tên bạo hành cự phách.

Lời kể của ông cụ thợ xay

Vâng đúng thế, tôi gặp hai đứa chúng nó, cả hai trần như nhộng. Tôi đi đốn củi dưới thung lũng như thông lệ. Tôi tới đó mỗi tuần một lần, và lần nào cũng đi ngang thác nước. Chính xác chỗ nào à? Cách nhà máy xay của tôi một hai cây số, hay xấp xỉ cỡ đó. Thác đổ xiết xuống mấy tầng đá hai mươi mét bên dưới, tạo thành một vũng nước xanh thẳm. Thác khá xa đường đi, vì thế ít người tìm thấy.

Tôi không gặp chúng ngay, nhưng lũ chim đậu trên doi đá hình như giật mình; chúng vút lên âm ỉ trên đầu tôi.

Vâng, lũ quạ mỏ đỏ - sao anh biết? Chắc phải đến hơn chục con. Một con - có lẽ là con hung hăng nhất, hay điên tiết nhất vì bị quấy rầy - nhào xuống dùng đầu cánh quét vào mặt tôi. Tôi còn nhớ mùi hôi của nó.

Vì lũ chim, tôi đi vòng xuống vũng nước để xem cái gì làm chúng sợ. Tôi gặp hai đứa ở đó, đầu chúng nhô khỏi mặt nước. Chắc chúng phóng từ một tầng đá cao xuống làm tung toé nước xua bầy quạ đi.

Tay thông dịch của anh à? Không, tôi không nhận ra nó ngay. Tôi dõi mắt theo hai thân hình quấn lấy nhau, quay vòng dưới nước. Cảnh tượng lạ lùng tới nỗi một lúc lâu tôi mới nhận ra rằng chúng không cùng nhau bơi lội. Đúng vậy! Chúng giao lấy nhau dưới nước.

Anh nói gì? Giao hợp à? Chử đó thông thái quá đối với những người như tôi. Trên núi này chúng tôi nói giao nhau. Tôi không định nhìn trộm chúng. Bộ mặt già nua của tôi đỏ ửng. Đời tôi chưa từng thấy điều gì như thế - ân ái trong khi bơi. Tôi đứng chôn chân một chỗ. Anh biết ở tuổi tôi người ta không thể tự vệ. Chúng bơi khỏi vũng sâu tới chỗ cạn và nằm lên nền đá, nước trong suốt lấp lánh dưới nắng càng phóng đại và biến dạng các cử động tục tĩu của chúng.

Tôi thấy xấu hổ, đúng vậy, chẳng phải vì tôi nhìn chúng không rời mắt, nhưng vì biết rõ mình là một ông già thân thể chỗ nào không xương cũng nhẽo nhèo. Tôi biết rất rõ mình sẽ không bao giờ ném niềm khoái cảm sùng nước như chúng.

Sau đó, đứa con gái gom lá làm khổ buộc quanh hông. Hình như nó không mệt như đứa bạn - hoàn toàn ngược lại. Nó tràn trề nhựa sống, và leo trèo trên các khối đá chung quanh. Thỉnh thoảng nó biến mất sau một tảng đá phủ rêu xanh, rồi lại xuất hiện trên một tảng đá khác, như thể bước ra từ khe đá nứt. Nó thất lại khổ để che bộ phận sinh dục, và bắt đầu leo lên gờ đá khoảng mười mét trên mặt vũng nước.

Dĩ nhiên nó không thấy tôi. Tôi rất thận trọng, nấp mình sau bụi cây rậm lá. Tôi không biết đứa con gái là ai; hiển nhiên nó chưa từng đến thăm nhà máy xay của tôi. Lúc nó đứng trên gờ đá cao, tôi ở đủ gần để chiêm ngưỡng tấm thân trần đẫm nước của nó. Nó đứng đó nghịch cái khổ, kéo lên trên bụng trần dưới bộ ngực sần, nụ hoa nhọn hồng.

Lũ quạ mỏ đỏ trở lại, đậu khắp chung quanh đứa con gái nơi gờ hẹp trên cao.

Thình lình nó dùng chân gạt chúng, và lùi lại vài bước. Rồi nó chạy tới phóng vào khoảng không, cánh tay nó dang ra như cánh én lượn trong gió.

Lũ quạ bay theo. Nhưng trước khi vút lên không, chúng lạng xuống cùng thân hình đang bay của đứa con gái. Nó biến thành én. Cánh nó duỗi ra, đến khi chạm mặt nước mới chập lại và lao thẳng vào vũng sâu.

Tôi tìm đứa bạn, thấy nó ngồi trần truồng trên bờ, mắt nhắm, tựa người vào tảng đá. Chỗ kín của nó teo lại ngủ.

Trí tôi thoáng nhớ trước kia đã gặp đứa con trai, nhưng tôi không nhớ lúc nào. Chỉ đến khi tôi vào rừng đốn cây mới chợt nhớ: đứa thanh niên là thông dịch viên thấp tùng anh lúc anh tới thăm tôi mấy tháng trước.

May là chính tôi thấy nó, tay thông dịch viên giả mạo của anh, vì tôi chẳng dễ kích động và không bao giờ tố cáo ai với Ban An ninh. Nếu là kẻ khác thì nó gặp rắc rối to, tin tôi đi.

Lời kể của Lạc

Tao nói gì? Nói cô ấy bơi giỏi à? Ừ, bây giờ cô ấy bơi như cá heo. Trước kia cô ấy bơi như dân ruộng, chỉ dùng tay, không dùng chân. Trước khi tao chỉ cho bơi nhái, cô nàng chỉ biết bơi chó. Nhưng cô ấy có khiếu bơi lội. Tao chỉ phải dạy cô ấy hai ba thứ. Thậm chí cô ấy bơi bướm rất cừ: tay vung ra, thân dưới gọn sóng, thân trên nhô lên khỏi mặt nước thành vòng cung hoàn hảo, chân đập nước như đuôi cá heo.

Cô ấy tự khám phá cách nhảy từ độ cao nguy hiểm. Tao chưa bao giờ dám - tao sợ chiều cao. Khi tụi tao ở thủy cung - một vũng nước sâu vắng vẻ - cô ấy leo lên gờ cao nhảy xuống, tao luôn luôn ở dưới. Nhìn lên thấy cô ấy phóng hầu như thẳng góc xuống làm tao chóng mặt, tới nổi gờ đá và cây bạch quả chất ngất phía sau nhoè thành một. Thân hình bé tí của cô ấy như trái trên ngọn cây. Cô ấy gọi tao, nhưng tiếng kêu bị khoa? lấp vì dòng nước lũ đổ xuống đá. Thành hình trái rơi, vạch không trung tới tao, lướt mặt nước như mũi tên chẳng làm toé nước.

Những ngày trước khi bị giam, ba tao thường nói khiêu vũ không phải là môn có thể dạy được, ông nói đúng. Nhào lộn và làm thơ cũng thế, vì những người nhào lộn và thi sĩ giỏi nhất đều tự học. Một số người có thể học cả đời vẫn giống như cục đá lúc họ lao vào không trung. Họ chẳng bao giờ nhẹ như trái cây rơi.

Tao có chiếc vòng đeo chìa khoá, quà sinh nhật mẹ cho khi tao còn bé. Vòng mạ vàng, chạm những lá ngọc bích bé tí. Tao luôn mang nó theo mình, nó là bùa phù hộ tránh xui xẻo. Vòng gắn một chùm chìa khoá, dù tao không có của cải gì cần khoá lại. Có những cái chìa khoá nhà tao ở Thành Đô, khoá ngăn kéo đồ dùng cá nhân của tao trong tủ của mẹ, khoá cửa sau, cũng như con dao nhíp và cái cắt móng tay. Trước đây không lâu, tao gắn thêm chiếc chìa vạn năng đã dùng để vào nhà Bốn Mắt trộm sách. Tao quý nó như món quà kỷ niệm của vụ trộm thành công.

Một buổi chiều tháng Chín, hai đứa tao leo xuống vũng nước của mình. Như thường lệ, nơi đó hoang vắng. Nước hơi lạnh, vì thế tao đọc cho cô ấy một chương trong *Tĩnh Ngộ*. Tao không thích cuốn này của Balzac bằng cuốn *Père Goriot*, nhưng khi cô ấy bắt con rùa giữa đám đá cuội chỗ nước cạn, cuốn tiểu thuyết này gợi cảm hứng cho tao lấy dao nhíp khắc chân dung của hai nhân vật chính mũi dài đầy tham vọng lên mai con vật trước khi thả nó.

Con rùa hồi hải biến đi. Bất chợt, tao tự hỏi: “Ai sẽ thả mình ra khỏi ngọn núi này?”

Câu hỏi dù vu vơ đã khiến tao chìm sâu trong tuyệt vọng. Tao gấp con dao nhíp và gắn nó vào chùm chìa khoá leng keng trong xâu, những chiếc chìa ở Thành Đô có thể tao chẳng bao giờ dùng nữa, cổ tao nghẹn lại. Tao ghen với con rùa, với tự do của nó. Tim chiu nặng, tao ném vòng chìa khoá xuống vũng nước.

Cô ấy phản ứng lập tức. Cô ấy nhào tới, nét bơi bướm thành thạo, lặn xuống tìm vòng chìa khoá của tao. Cô ấy lặn rất lâu khiến tao hoang mang. Mặt nước đen yên tĩnh lạ kỳ, hầu như điềm gỗ, không thấy bóng bóng nổi lên. Tao hét:

“Trời ơi, em ở đâu?”

Tao gọi cả tên lẫn tục danh của cô ấy, “cô bé thợ may”, rồi tao phóng xuống đáy hồ. Ngay trước mắt tao, cô ấy vừa nổi lên vừa uốn éo như cá heo. Tao sưng sốt vì vẻ đẹp của thân hình uốn lượn và mái tóc dài gọn sóng nước. Một hình ảnh thật đẹp.

Khi bọn tao lên tới mặt hồ, tao thấy vòng chìa khoá của mình giữa đôi môi cô ấy lấp lánh những hạt nước.

Cô ấy phải là người duy nhất trên thế gian vẫn tin rằng cuộc tao sẽ được thả khỏi cái tạo, và tin rằng tao sẽ có ngày lại cần những chiếc chìa khoá của mình.

Từ đó, bọn tao chơi trò vòng chìa khoá mỗi lần tới vũng núi hoang vắng. Tao thích, không vì có ảo tưởng gì về tương lai, nhưng chỉ vì nó cho tao cơ hội chiêm ngưỡng thân hình nhục cảm của cô ấy lướt dưới nước trần truồng, ngoại trừ cái khố lá mỏng manh.

Tuy nhiên, hôm nay bọn tao mất vòng chìa khoá trong vũng sâu. Đáng lẽ tao nên ngăn cô ấy đừng xuống tìm sâu nữa khi biết nguy hiểm. May mắn là không gây tai hoạ, nhưng tao không bao giờ muốn đặt chân tới nơi đó nữa.

Tối hôm đó về lại làng, tao thấy có điện tín báo mẹ tao đã vào bệnh viện và tao phải đến ngay.

Trưởng làng chắc mềm lòng vì khỏi đau răng, đã cho phép tao nghỉ một tháng bên giường bệnh của mẹ. Đến sáng tao sẽ đi. Thật trở trêu, tao về nhà cha mẹ mà không có chìa khoá.

Lời kể của cô bé thợ may

Những cuốn sách Lạc đọc cho tôi luôn luôn khiến tôi lặn xuống làn nước mát lạnh của dòng nước xiết trên núi. Vì sao ư? Vì phản ứng tự nhiên. Giống như khi buột nói ra điều mình đang nghĩ.

Ở đáy vũng có một màu xanh xanh, một quãng âm u không rõ chi tiết quang cảnh dưới nước. Như thể có mạng che trước mắt. May là vòng chìa khoá của Lạc lúc nào cũng rơi gần như một chỗ ở giữa, trong vòng vài mét. Dưới đáy có đá, khi chạm đến mới biết, một sỏi nhỏ và láng như quả trứng nhọt nhọt, chúng nằm đó hàng bao năm, thậm chí hàng thế kỷ cũng nên. Sỏi khác to như đầu người, đôi khi cong ra một cách lạ lùng như sừng trâu. Thỉnh thoảng, tuy hiếm khi, có những viên đá xù xì sắc cạnh chỉ đợi cắt đứt da chảy máu. Cũng có những vỏ sò nằm sâu dưới nền đất sét. Có trời mà biết chúng từ đâu tới. Chúng tụ với nhau thành đá phủ rêu mượt mà, nhưng vẫn có thể nhận ra là vỏ sò.

Gì cớ Vì sao tôi thích lặn xuống tìm vòng chìa khoá à? Tôi biết anh nghĩ gì - anh nghĩ tôi như con chó ngó ngẩn cứ chạy tìm cái que mà chủ nó ném ấy mà. Tôi không giống các cô gái Pháp mà Balzac kể đâu. Tôi là sơn nữ. Tôi chỉ thích làm Lạc vui lòng thế thôi.

Anh muốn tôi kể chuyện lần cuối chúng tôi ở đó à? Ít nhất một tuần trước khi Lạc nhận điện tín mẹ Ốm. Gần trưa bọn tôi đến vũng nước. Chúng tôi dầm mình, nhưng không ở dưới nước lâu, chỉ vừa đủ vui chút thôi. Tôi mang theo bánh ngô, trứng và trái cây. Trong khi ăn, Lạc kể cho tôi thêm về chàng thủy thủ Pháp về sau thành Bá tước - người mà cha tôi hăm mộ lắm. Lạc chỉ kể lại một đoạn ngắn - à, đoạn Bá tước cuối cùng gặp người phụ nữ ông yêu hồi còn trẻ, và cũng vì cô gái đó khiến ông lãnh án hai mươi năm tù. Bà ta giả vờ không nhận ra ông một cách đáng tin tới nỗi ta ngỡ bà quả thật đã quên quá khứ. Ồ, thật đau lòng!

Chúng tôi muốn ngủ một giấc ngắn, nhưng tôi cứ tỉnh thao láo, nghĩ tới cuộc gặp gỡ bi thảm đó. Anh có biết bọn tôi làm gì không? Hai đứa chúng tôi diễn toàn bộ màn tái ngộ, Lạc là Monte Cristo, và tôi là vợ chưa cưới trước kia. Thật dị thường. Tôi ứng khẩu đủ thứ hiện ra trong trí. Còn Lạc, anh ấy thủ vai xuất sắc. Bá tước còn yêu tôi. Lời tôi nói xúc phạm chàng ghê gớm, tội nghiệp, xem về mặt thì biết. Anh ấy nhìn tôi đăm đăm, đôi mắt rực lửa căm hờn và cuồng nộ, như thể tôi là cô gái đã cưới kẻ phản bội anh ấy.

Thật là một kinh nghiệm hoàn toàn mới với tôi. Trước kia, tôi đâu biết mình có thể đóng vai người khác, thật ra là trở thành một người - một mệnh phụ giàu có chẳng hạn - mà vẫn là mình. Lạc nói tôi sẽ là diễn viên giỏi.

Sau màn đóng kịch là lúc chơi trò thường lệ. Lạc ném vòng chìa khoá xuống nước, nó chìm như hòn sỏi. Tôi bước ra vũng và chúi xuống. Tôi sờ soạn nền đá, mò mẫm các hốc ngách lỗ mớ chỗ nước đen như mực, bỗng dưng tôi chạm phải con rắn. Đã bao năm tôi không đụng tới con rắn, dù trên bờ hay dưới nước, nhưng tôi nhận ngay ra làn da lạnh trơn của nó. Tôi rụt lại theo bản năng và vội ngoi lên bờ.

Nó ở đâu ra à? Khó mà nói. Có thể nó trôi xuống theo dòng nước, hay nó là rắn cỏ tìm chỗ mới.

Vài phút sau tôi lại lặn xuống, dù Lạc phản đối. Nghĩ tới ổ chìa khoá của anh ấy cho con rắn làm tôi không chịu được.

Nhưng lần này tôi lo Biết ở đó có rắn, sợ lắm: ngay cả ở dưới nước tôi vẫn thấy mồ hôi lạnh chảy trên lưng. Những hòn đá bất động dưới đáy bỗng như sống dậy, biến thành những sinh vật gớm ghiếc chực chờ nuốt tôi. Tôi lại ngoi lên mặt nước để hít một hơi sâu.

Lần thứ ba, tôi suýt thành công. Rốt cuộc, tôi thấy vòng chìa khoá lấp lánh dưới đáy, nhưng khi đưa tay nhặt, tôi cảm thấy bị đốt nơi tay phải: một cú mổ mạnh rất đau. Sau đó tôi bỏ cuộc, không cố tìm lại vòng chìa khoá của Lạc nữa.

Năm mươi năm nữa, vết sẹo xấu xí vẫn còn đó, nơi ngón giữa của tôi. Đây, sờ xem.

*

Lạc nghỉ phép một tháng.

Tôi hưởng thú ở một mình, thỉnh thoảng thích gì làm nấy, thích gì ăn nấy, lúc nào muốn ăn thì ăn. Thật thế, lẽ ra tôi đã có quãng thời gian tuyệt vời một mình làm chúa tể và chủ nhân ngôi nhà sàn, nếu buổi tối trước hôm đi Lạc không giao cho một sứ mạng tế nhị.

Nó nói một cách bí ẩn:

“Tao muốn nhờ mày một việc. Khi tao đi vắng, mày coi chừng cô bé thợ may cho tao nhé?”

Nó nói cô nàng có lắm kẻ đeo đuổi trên núi, kể cả một số trai tráng thành phố, và trong một tháng vắng mặt của nó, bọn họ sẽ xếp hàng tới hiệu thợ may để tranh nhau giành ân huệ của cô. Nó nhắc nhở:

“Mày không được quên cô nàng là mỹ nhân số một trên núi Phụng Hoàng.”

Việc của tôi là ở cạnh cô càng nhiều càng tốt, như thể làm kẻ canh gác tình cảm cô. Tôi phải ngăn chặn bất cứ địch thủ nào muốn lách vào đời tư của cô, lên vào lãnh thổ chỉ có vị chỉ huy Lạc thân mến của tôi là xứng đáng.

Tôi ngạc nhiên và phẫn nộ vì lời nhờ vả của nó, và hứa sẽ làm như nó dặn. Lạc mù quáng tin tôi làm sao! Yêu cầu tôi điều này vào phút chót, như đưa tôi giữ một kho tàng vô giá, mà không nghĩ tôi có thể cuốn rôi chuồn mất.

Hồi đó bận tâm duy nhất của tôi là thực hiện đúng niềm tin nó giao phó. Tôi hình dung mình đi đầu đoàn quân hộ tống cô vợ trẻ của người bạn chí thiết, cũng là vị tổng tư lệnh, băng qua sa mạc hoang vắng mênh mông. Trang bị súng ngắn và súng liên thanh, tôi đứng gác hàng đêm trước căn lều có cô tiểu thư xinh đẹp ngủ, và sẽ ngăn bọn man rợ xấu xa thêm khát da thịt nàng, mắt chúng bùng cháy khát khao, lấp lánh trong đêm. Sau một tháng gian khổ - bão cát, thiếu lương thực và nước, lính bắt đầu nổi loạn - chúng tôi tới rìa sa mạc, và đúng lúc cô tiểu thư chạy tới người yêu, đúng lúc nàng và bạn tôi rút cuộc ngã vào vòng tay của nhau, tôi ngất xỉu vì kiệt sức và khát trên đỉnh đồi cát cuối cùng.

Thế đấy, từ ngày Lạc rời làng đi thăm mẹ ở thành phố, tôi khoác vai còm chòm. Mỗi sáng, tôi trực chỉ xuống sườn núi tới làng cô bé thợ may Mặt sắt đá, chân bước nhanh, đúng như còm chòm thi hành sứ vụ. Mùa thu đã đến, còm chòm bon chân trên sơn đạo như chiếc thuyền căng gió. Con đường men ngôi làng khi xưa Bốn Mắt ở, rồi rẽ lên hướng bắc, và còm chòm phải phấn đấu chống gió táp, khom lưng, cúi đầu, như người leo núi dẻo dai. Tới chỏm núi hiểm nghèo há hốc miệng vực hai bên, hấn sẽ chậm bước nhưng không phải bỏ hai tay hai chân xuống nữa. Ngày qua ngày, hấn chế ngự cơn chóng mặt. Hấn chỉ hơi nao núng khi tiến bước, và nhìn đắm đắm cặp mắt tròn và sáng lạnh của con quạ mỏ đỏ vẫn đậu trên hòn đá bên kia chỏm hẹp như thông lệ.

Xảy chân một bước là mất thăng bằng hoàn toàn, khiến gã đi dây tan xác dưới đáy vực, hoặc bên phải hoặc bên trái.

Gã mật vụ của chúng ta có ngỏ lời với con quạ, hấn có mời nó một mẩu bánh không? Tôi nghĩ rằng không. Rõ ràng hấn sợ cái nhìn lạnh lùng, đứng đưng của con quạ, hình ảnh đó nhiều năm sau vẫn còn trong ký ức hấn. Hấn cảm thấy thái độ xa cách ấy là biểu hiện của siêu nhiên. Nhưng hấn không thoái chí: đã quyết tâm và hấn sẽ hoàn thành sứ vụ.

Cần lưu ý rằng cái sọt tre, trước kia Lạc vác, giờ đây an vị trên lưng gã mật vụ của chúng ta. Như thường lệ, một cuốn tiểu thuyết của Balzac do Phù Lôi dịch, giấu dưới lá cây, rau, nhánh lúa hay lõi ngô. Những buổi sáng mây giăng thấp, bạn tưởng đó là cái sọt tre, chứ không phải một người đang leo trên con đường mòn và biến mất vào màn sương xám.

Cô bé thợ may không biết mình bị giám sát - đối với cô tôi chỉ là kẻ thế chân đạc sách.

Tôi nhận thấy cô thích nghe tôi. Thậm chí hình như cô đánh giá cao cách đọc chuyện của tôi hơn kẻ tiền nhiệm. Đọc lớn từng chữ cả trang khiến tôi khá chán, vì thế tôi quyết định đổi kiểu. Tôi bắt đầu bằng cách đọc hai trang hay một chương ngắn, trong khi cô làm việc bên máy may. Rồi sau khi để đoạn văn lắng xuống, tôi hỏi cô nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra. Sau khi cô trả lời, tôi sẽ kể sách viết gì, hầu như từng đoạn. Tôi không thể không tự ý thêm mắm muối theo ý mình, để câu chuyện hấp dẫn cô hơn. Khi cảm thấy ông bạn già Balzac hết hơi, tôi sẽ bịa thêm, hay thậm chí gài những cảnh từ cuốn tiểu thuyết khác vào.

Bây giờ là lúc nên nói về cuộc đời của nhà sáng lập triều đại may mặc này, ông chủ tiệm may. Giữa các chuyến đi gặp khách hàng trong các làng lân cận, ông thợ may già ở nhà hai ba ngày trước khi lại lên đường. Chẳng bao lâu ông quen với sự có mặt mỗi ngày của tôi ở nhà ông. Hơn nữa, lúc ông có mặt, đám ngấm nghe giả làm khách hàng không dám lén phéng, và ông trở thành đồng loã tin cẩn trong sự vụ bí mật của tôi. Ông không quên chín đêm nghe Bá tước Monte Cristo ở căn nhà sàn của chúng tôi. Sự việc lặp lại trong nhà của chính ông. Có lẽ không xuất thần như trước, nhưng vẫn thiết tha, ông nghe thêm Balzac: lần này là Cousin Pons, một câu chuyện khá tồi. Tình cờ ông ở nhà ba đêm liên tiếp, vào lúc anh thợ may Cibot, một nhân vật phụ trong truyện, ở trong tình thế hồi hộp vì gã buôn sắt vụn Remonencq.

Chưa bao giờ có một gã mật vụ thi hành sứ mạng hết lòng như thế. Giữa các chương của cuốn Cousin Pons, tôi tình nguyện làm việc vặt quanh nhà. Chẳng hạn chính tôi là kẻ xách hai thùng gỗ lớn ra giếng làng để đổ đầy bể nước trong nhà. Và tôi cũng thường nấu ăn. Tôi rất vui với những việc khiêm tốn này, rửa rau và thái thịt như anh đầu bếp kén cá chọn canh. Tôi chỉ cãi với cái rìu cùn, sắp xếp củi cẩn thận để cháy tốt. Và khi lửa có vẻ sắp tàn, chuyện này rất thường, tôi không ngại bò xuống trong đám khói ngột ngạt để thổi than hồng với tính sốt ruột của đứa mới lớn. Ngày qua nhanh. Chẳng bao lâu sau, vì phép lịch sự và tôn trọng nữ giới đã học từ Balzac, tôi tự đảm nhận việc làm nhẹ trách nhiệm giặt giũ của cô bé thợ may, và mỗi khi việc của cô ngập mắt, tôi sẽ đương đầu với cái rét mướt của mùa đông đang chớm và xuống suối giặt áo quần.

Việc tự nguyện ru rú xó nhà này không những làm dịu tính khí của tôi, mà còn cho tôi cơ hội tiếp cận thân mật hơn với thế giới nữ. Cây nhựa hương, nghe quen thuộc chẳng? Nó là một thứ cây hay gặp ở hiệu bán hoa hay đôi khi trồng ở luống cây bên cửa sổ. Hoa đôi khi màu vàng nhưng thường đỏ thắm, và trái chín to mọng, chỉ hơi chạm đến là nổ tung hạt. Hoa nhựa hương là biểu tượng vương giả của núi Phụng Hoàng, vì qua cánh và đài hoa sắc sỡ, ta có thể thấy đầu, cánh, chân và thậm chí đuôi của loài chim huyền thoại đó.

Một buổi chiều muộn - trời đã mờ tối - chúng tôi nhận ra chỉ có mình trong bếp. Khuất xa các đôi mắt tò mò, gã mật vụ khoác một vai khác nữa. Là người kể chuyện, đầu bếp và giặt giũ, tên tạp dịch giờ đây cũng là thợ móng tay: sau khi nhẹ nhàng rửa ngón tay của cô bé thợ may trong chậu gỗ, hần ầu yếm bôi một lớp dung dịch hoa nhựa hương lên từng móng tay của cô.

Bàn tay cô không giống tay nhà nông, không xương xẩu vì việc đồng áng. Ngón giữa tay phải có vết sẹo hồng - hiển nhiên là dấu rấn cắn ở vũng núi.

Cô bé thợ may hỏi:

“Anh học mấy trò con gái này từ đâu rả”

“Từ mẹ tôi. Theo bà, nếu cô để giẻ quấn quanh đầu ngón tay qua đêm, cô sẽ thấy móng nhuộm đỏ thắm như sơn.”

“Đỏ có lâu không?”

“Cỡ mười ngày.”

Hôm sau lại đến, tôi ao ước muốn xin hôn những móng đỏ của cô, như phần thưởng cho nỗ lực nghệ thuật của mình, nhưng vết sẹo hồng trên ngón tay làm tôi bàng hoàng trở về thực tại. Tôi tự nhủ không được vượt quá nhiệm vụ hào hiệp đối với bạn và vị chỉ huy của mình.

Tối hôm đó, khi rời nhà cô với cuốn Cousin Pons giấu kín trong sọt tre, tôi thấy rõ tâm trạng day dứt ganh tị của bọn trai địa phương. Vừa mới lên đường, tôi đã thấy đám đông khoảng mười lăm tên què mùa tụ tập sau lưng và lặng lẽ theo tôi.

Liếc nhìn lại phía sau, tôi sửng sốt vì vẻ thù nghịch trên khuôn mặt trai tráng của chúng. Tôi rảo bước.

Im lặng vỡ tung thành tiếng nhạo báng sau lưng, cường điệu giọng thành phố:

“Cô bé thợ may, để tôi giặt áo quần cho”

Tôi đỏ mặt và quay đầu nhìn kẻ đang nhại mình: gã què trong làng, gã lớn tuổi nhất bọn. Hần đang vung cây nã.

Tôi quyết định nuốt nhục, và tiếp tục đi trong khi bọn chúng tới gần hơn, xô đẩy tôi và hò câu chế giễu của thằng què giữa tiếng cười rộ gây hấn, nhạo báng.

Lời chế nhạo càng lúc càng độc địa, đến khi một đứa xĩa ngón tay vào tôi, hét câu sỉ nhục tột bậc:

“Đồ bẩn thỉu - mày thích giặt quần lót của nó hả?”

Tôi sững sốt. Làm sao chúng biết? Tôi không thốt nên lời, và cũng chẳng giấu được nỗi ngỡ ngàng, vì quả thật có một lần tôi giặt đồ lót của cô.

Thằng què bước tới trước ngăn lối. Hấn tụt quần ngoài rồi quần trong, để lộ bộ sinh dục lông lá mềm ẻo.

Hấn giễu cợt:

“Nè, cầm lấy! Mày giặt của tao luôn!”

Cái cười gần thô bỉ căng ra trên bộ mặt méo mó vì khoái trá của hắn. Hắn giơ cao cái quần lót bẩn thỉu, hoen ố, và đắc thắng ve vẩy trên đầu.

Tôi nặn óc tìm lời nói, nhưng vì quá thịnh nộ nên bàng hoàng không thốt nên câu chữ thích đáng nào. Tôi run rẩy toàn thân và sắp chảy nước mắt.

Tôi chỉ nhớ mơ hồ những gì xảy ra sau đó. Nhưng tôi biết mình gắng sức vung cái sọt vào thằng què. Tôi muốn đập vào mặt hắn, nhưng hắn né cú đánh trượt xuống vai phải. Trong cuộc hỗn chiến sau đó, tôi bị khuỵu ngay xuống, hai tên còn đồ giữ chặt. Cái sọt tuột khỏi tay tôi, lăn trên đất, những thứ bên trong đổ ra: hai quả trứng tôi gói trong lá bắp cải bị vỡ và chảy lên bìa cuốn Cousin Pons. Cuốn sách nằm trong đám bụi trước mặt mọi người.

Im lặng bao trùm. Dù thất học, bọn hành hạ tôi, hay đúng hơn bọn theo đuổi thất bại của cô bé thợ may, lặng người vì hình ảnh của vật bí hiểm này: cuốn sách. Bọn chúng quây lại gần để xem cho rõ - trừ hai đứa giữ chặt tôi.

Thằng què cỡi trường ngồi bệt xuống mở trang đầu sách. Nó nhìn chăm chăm tấm chân dung đen trắng của Balzac râu dài và ria bạc. Có đứa hỏi thằng què:

“Karl Marx hả? Mày phải biết, mày đi nhiều hơn tụi tao.”

Gã què không trả lời ngay. Một tên nhà què khác hỏi:

“Hay là Lenin?”

“Hay là Stalin không mặc quân phục?”

Lợi dụng lúc bối rối chung, tôi giằng khỏi hai đứa giữ mình, và với cú xô mạnh, tôi tách đám đông và nhào tới cuốn sách của mình, hét: “Đừng rớt tới!” như thể nó là bom sắp nổ.

Trước khi thằng què có thì giờ nhận ra sự việc, tôi đã giặt cuốn sách khỏi tay nó và bỏ chạy.

Một loạt đá và lời chế nhạo đuổi theo tôi. “Đồ giặt quần! Đồ hèn! Tụi tao sẽ cho mày học tập cải tạo tới nơi tới chốn, mày cứ đợi đó!” Một viên ná bắn trúng tai trái tôi. Tôi thấy đau nhói, và thành linh bên tai đó không còn nghe gì nữa. Tôi đưa tay lên sờ tai, ngón tay tôi đầm máu.

Phía sau tôi, lời lăng nhục càng lúc càng lớn và bẩn thỉu hơn. Tiếng sửa dùi vách đá vang vọng trong thung lũng, giọng càng lúc càng đe dọa, như chuẩn bị cho một cuộc tấn công mới hay thậm chí một cuộc hành hình. Cuối cùng tiếng ồn lắng xuống, và im lặng lại ngự trị.

Trên đường về tối hôm đó gã cóm chìm thương tích buồn bã quyết định rằng sứ vụ của hắn không thể hoàn thành.

Tối hôm đó hình như dài vô tận. Ngôi nhà sàn dường như hiu quạnh hơn, trống trải hơn, ẩm ướt hơn bao giờ. Mùi tan hoang phảng phất trong không khí. Một mùi không thể lẫn: lạnh lẽo, ôi mốc, ẩm ướt. Căn nhà như bỏ hoang từ lâu. Để cố quên cái đau bên tai trái, tôi đọc lại cuốn tiểu thuyết ưa thích của mình, Jean-Christophe. Tôi thấp vài ngọn đèn dầu để bớt cô đơn, nhưng ngọn lửa nồng nặc vẫn không át được mùi ngột ngạt, và nỗi u sầu của tôi sâu thêm.

Tai tôi ngừng chảy máu, nhưng bầm tím, sưng tấy, và đau tới nỗi tôi không tập trung đọc sách được. Khi rón rén đưa tay sờ vết bầm, tôi lại tràn ngập giận dữ.

Thật là một đêm lạ kỳ! Tôi còn nhớ rõ, nhưng ngay cả sau bao năm tôi vẫn không hoàn toàn hiểu phản ứng của mình. Cái đau ở tai làm tôi thức suốt đêm, và trăn trở như trên giường rải đinh. Thay vì nghĩ cách trả thù - chẳng hạn như xẻo tai gã què - tôi cứ tưởng tượng mình lại bị lũ nhà què đó tấn công. Tôi hình dung bị trói vào cây, chúng bu quanh, đâm và tra tấn tôi. Tia nắng cuối ngày lấp lánh trên lưỡi dao gã què vung lên. Nó không giống con dao đồ tể thường thấy, vì lưỡi dao dài và nhọn lạ lùng. Gã què vuốt ngón tay trên lưỡi dao, mân mê nó, rồi giơ con dao xẻo đứt tai trái tôi bằng một cú chớp nhoáng không tiếng động. Tai tôi rơi xuống đất và nảy tung lên, trong khi gã dao phủ lau máu trên lưỡi dao dài. Tôi thoát khỏi bị khổ hình thêm, nhờ cô bé thợ may đến khóc đầm đìa nước mắt. Bọn côn đồ bỏ trốn.

Rồi tôi tưởng tượng mình được cô sơn nữ có móng tay sơn nhựa hương đỏ thắm cưỡi trói. Nàng cho phép tôi nắm ngón tay đưa vào miệng và âu yếm liếm. Ngon ngọt làm sao! Nhựa hương sơn các ngón tay bóng bẩy ngát mùi xạ thơm, gợi bản năng nhục dục của tôi. Màu nhuộm đỏ thắm, thấm nước bọt của tôi càng rực sáng hơn, rồi như núi lửa nổ bùng, nó mềm đi và chảy thành dòng dung nham sôi sục nóng đỏ trên lưỡi tôi, tràn khỏi môi tôi.

Khi đã trào ra, dung nham chảy xuống cằm, thành dòng trên đôi vai bầm tím của tôi, nắn nát trên tấm ngực lép, vòng quanh nụ hoa, ngoằn ngoèo xuống hông, ngừng nơi rốn trước khi thâm nhập và uốn khúc qua huyết quản và nội tạng tôi, la liếm và tìm đường tới cội nguồn nam tính của tôi, nơi đó máu sôi hỗn loạn và tự ý, hoàn toàn bất chấp giới hạn chặt chẽ mà gã mật vụ đã lăm lăm tự đặt cho hắn.

Ngọn đèn dầu cuối cùng bập bùng và tắt ngóm, để lại gã mật vụ nằm sấp mặt trên giường, buông thả mình trong bóng đêm cho lòng phản bội làm quần hấn nhớp nhúa.

Kim dạ quang của đồng hồ báo thức chỉ nửa đêm.

8. Chương 8

Cô bé thợ may nói:

“Tôi gặp rắc rối.”

Bữa đó là sáng hôm sau ngày tôi đụng độ bọn dâm đảng theo đuổi cô. Chúng tôi đang ở trong bếp nhà cô, hơi nước xanh lơ cuộn cuộn và mùi cơm trong chảo. Cô thái rau, tôi trông chừng lửa. Chúng tôi nghe tiếng máy may quen thuộc đều đặn ở cửa bên, nơi cha cô đang làm việc. Ông và con gái hình như không biết chuyện xảy ra cho tôi. Tôi ngạc nhiên, họ không chú ý tới vết bầm bên tai trái tôi. Tôi mãi tìm một cơ nào đó để không tiếp tục viếng thăm hàng ngày nữa, vì thế tôi không chú ý lời cô nói.

Cô lặp lại:

“Tôi có vấn đề.”

“Gi thế, với thằng què và đồng bọn của nó à?”

“Không.”

Tôi hỏi, với một tia hy vọng thẳm kín:

“Với Lạc à?”

Cô ủ rũ nói:

“Cũng không phải. Tôi cảm thấy có tội, nhưng muộn rồi.”

“Cô nói linh tinh gì thế?”

“Tôi nôn. Ngay cả sáng nay. Chắc là ốm nghén.”

Lòng tôi chùng xuống khi thấy lệ long lanh trong mắt cô, lặng lẽ chảy xuống gò má và nhỏ lên các lá rau và đôi tay với những ngón đỏ thẫm.

Cô khóc, cố giữ tiếng khe khẽ:

“Ba tôi sẽ giết anh ấy nếu ông biết chuyện.”

Cô đã tắt kinh hai lần. Cô không kể chuyện này với Lạc, dù nó là đứa chịu trách nhiệm - hay chịu báng. Lúc nó xuống núi tháng trước, cô chưa có gì lo lắng.

Tôi kinh ngạc trước nỗi xúc động bất ngờ bày tỏ, hơn là nguồn tin cô vừa tâm sự, vì cô không phải là kẻ yếu đuối và sụt sướt. Nhìn cô khổ não khiến tôi không chịu nổi, và muốn ôm cô vào vòng tay để an ủi, nếu tiếng máy may rì rào ở cửa bên không thức tỉnh tôi ngay.

Vả lại, khó mà biết cách an ủi cô Dù hồi đó hầu như chẳng biết gì về tình dục, tôi biết mất kinh hai tháng liền nghĩa là gì.

Nỗi đau khổ của cô lay sang tôi, và chẳng mấy chốc tôi cũng chảy nước mắt, dù tôi giấu. Tôi cảm thấy như cô đang mang đứa con của tôi, như thể tôi chứ không phải Lạc đã ân ái với cô dưới cây bạch quả hùng vĩ, và dưới vũng nước bí mật trong veo. Tôi rất cảm động; cô là bạn tâm giao và tôi sẵn sàng sẵn sóc cô suốt đời mình, ngay cả nếu cần phải chết như một kẻ độc thân. Hay chính tôi sẽ cưới cô, nếu luật cho phép - ngay cả đó là cuộc hôn nhân trong trắng - để cô có thể sinh đứa con của bạn tôi một cách hợp pháp.

Tôi liếc nhìn bụng cô giấu dưới chiếc áo len đỏ đan tay, và chỉ thấy thân cô run lên nức nở. Người ta nói một khi phụ nữ khóc vì tắt kinh thì không có gì cản được. Nỗi sợ hãi day dứt trong tôi, và tôi cảm thấy run đầu gối.

Tôi quên hỏi câu hỏi cấp thiết nhất, liệu cô muốn làm bà mẹ trẻ không. Lý do chênh mảng của tôi đơn giản: dù thế nào chẳng nữa, không cách nào cho cô được phép giữ đứa bé. Không có bệnh viện, bác sĩ hay bà mụ nào ở vùng này dám phạm luật bằng cách giúp một phụ nữ không chồng sinh nở. Và còn nhiều năm nữa Lạc mới có thể cưới cô bé thợ may, vì luật cấm kết hôn dưới tuổi hai mươi lăm. Tình huống vô vọng. Không có nơi nào cho họ đến, không hình dung được chỗ nào cho Romeo và Juliet bụng mang dạ chứa tránh khỏi bàn tay pháp luật, cũng như không nơi nào họ có thể sống cuộc đời của Robinson Crusoe với sự chăm sóc của gã còm chím. Khắp ngõ ngách đều dưới mắt dò xét của chuyên chính vô sản, bữa mạng lưới khổng lồ trên cả Trung Hoa.

Khi cô bình tĩnh lại, chúng tôi duyệt qua mọi cách để phá thai. Chúng tôi bàn đi tính lại sau lưng cha cô, nặn óc tìm giải pháp kín đáo để tránh cho đôi bạn khỏi cặp mắt khinh bỉ của quần chúng, cũng như khỏi bị trừng phạt hành chánh và chính trị. Luật dường như thảo ra để ngăn trở họ: họ không thể cứ có con trước khi kết hôn, và luật pháp cấm phá thai.

Vào lúc tâm thần rối loạn này, tôi không thể không than phục sự lo xa của Lạc khi chỉ định tôi là kẻ giám hộ cô Vì sự vụ của tôi gồm cả việc bảo vệ cô khỏi bị tổn hại, tôi tìm đủ cách thuyết phục để ngăn cô chạy đến xin thuốc nam của các bà phù thủy, vì chẳng những có nguy cơ trúng độc mà còn bị tố cáo nữa. Tôi cũng khuyên cô đừng nhảy từ trên mái nhà xuống để hy vọng sẩy thai, vì có thể dẫn đến què và như thế bị buộc phải cưới thằng què trong làng.

Cuối cùng, chúng tôi định rằng tôi sẽ làm một chuyến thám thính tới huyện Vĩnh Kinh để thăm dò bệnh viện, tìm sự giúp đỡ của phòng phụ khoa.

Tuy là thủ phủ của huyện, Vĩnh Kinh nhỏ tới nỗi, như bạn chắc vẫn nhớ, mỗi khi cửa hàng ăn dọn món thịt bò xào hành thì cả thị trấn đều ngửi mùi. Bệnh viện khiêm tốn đứng trên triền đồi, sau khi đi qua sân bóng rổ trường trung học dùng làm bãi chiếu xi nê lộ thiên. Nó gồm hai toà nhà. Một ở chân đồi, giành cho bệnh nhân ngoại trú, trên lối vào có bức chân dung khổng lồ Mao chủ tịch mặc quân phục vẫy tay tới hàng hàng lớp lớp bệnh nhân đang đợi với bọn trẻ con khóc thút thít. Tít trên đồi là toà nhà ba tầng gạch quét vôi trắng, không ban công, giành cho bệnh nhân nội trú.

Và sau hai ngày lặn lội băng núi, và một đêm không ngủ trong quán trọ đầy chí rận, tôi lên vào nơi ban chuyên khoa đặt phòng khám. Để hoà lẫn với nông dân, tôi mặc chiếc áo da cừu cũ. Tuy nhiên, ngay khi đặt chân vào bầu không khí bệnh viện đã quá quen thuộc với mình từ hồi còn bé, tôi sợ toát mồ hôi. Ở

tầng trệt, phía cuối hành lang hẹp, tối tăm, không khí hôi mùi ẩm thấp dưới hầm, tôi chợt thấy khu đợi với những băng ghế dài dựa theo tường, mỗi băng có một hàng phụ nữ ngồi chiếm. Họ hầu hết bụng bự, một số rên rỉ bực dọc. Mắt tôi thấy tấm bảng gỗ với chữ “phụ khoa” sơn đỏ, trên cánh cửa đóng chặt. Vài phút sau, cửa mở hé cho một bà rất gầy nằm chặt toa thuốc đi ra. Khi bệnh nhân kế bước vào phòng khám, tôi chỉ đủ thì giờ thoáng thấy một bóng áo trắng ngồi sau bàn trước khi cánh cửa khép lại.

Tôi rất muốn nhìn viên bác sĩ phụ khoa lần nữa, để biết ông thuộc loại người gì, nhưng không có cách nào khác ngoài việc ngồi đợi cánh cửa mở lại. Đưa mắt nhìn các bà đang đợi trên băng ghế, tôi chợt dạ vì vẻ phản đối trong mắt họ. Hiển nhiên họ rất bực mình.

Tôi nhận ra ngay họ bực vì tôi quá trẻ, và là nam giới. Tôi nghĩ lẽ ra nên cải trang thành đàn bà, độn gối dưới y phục để vờ mang thai. Các bà trong hành lang không muốn có một đứa thiếu niên mặc áo da cừu ở giữa họ. Họ ngồi đó hằm hằm ngó tôi, như thể tôi là đứa đòi bại hay thẳng nhìn trộm.

Đợi sao mà lâu thế! Cánh cửa vẫn đóng chặt như vô tận. Trời rất nóng, áo tôi đầm mồ hôi. Tôi sợ hơi ẩm sẽ làm nhoè chữ viết bên trong áo da cừu, vì thế tôi quyết định cởi áo. Lập tức các bà trao đổi những lời xì xầm khó chịu. Trong hành lang mờ tối và ẩm ướt này, họ trông như một nhóm bè đảng to béo đang tìm cách dứt bỏ tôi. Một bà vỗ vai tôi, cần nhân:

“Chú làm gì ở đây?”

Tôi quay nhìn bà. Tóc bà ngắn, mặc quần và áo khoác đàn ông, tay cầm nón lính xanh gắn huy hiệu đỏ hình đầu Mao màu vàng, một dấu hiệu đạo đức nổi bật. Dù mang thai nặng nề, mặt bà đầy mụn nhọt sắp vỡ hay đang lành. Tôi thương hại đứa bé đang lớn trong bụng bà.

Tôi quyết định câu giờ bằng cách giả vờ không hiểu. Tôi nhìn bà đắm đắm một cách ngu xuẩn tới khi bà buộc phải lặp lại câu hỏi, rồi bằng cử động chậm rãi, tôi khum bàn tay sau tai trong dáng điệu của kẻ câm điếc.

Một trong các bà ở phòng đợi nói:

“Coi kìa, tai nó sưng bầm hết.”

Bà cầm nón nói lớn, như thể tin tôi điếc:

“Đây không phải khu khám tai. Khoa mắt ở trên lầu!”

Sau đó là một cuộc bàn thảo sôi nổi. Và trong khi các bà cãi nhau liệu tôi cần bác sĩ mắt hay bác sĩ tai, cánh cửa bật mở. Đây là cơ hội chờ đợi từ lâu để ghi nhận về ngoài cửa viên bác sĩ phụ khoa: trạc bốn mươi, tóc hoa râm dựng đứng, trông mệt mỏi, thuốc lá gắn môi.

Sau cuộc dò thám sơ bộ này, tôi thả bộ một quãng dài, đứng ra tôi dạo quanh con lộ duy nhất của thị trấn. Tôi chẳng nhớ đã đi bao nhiêu bận từ bệnh viện qua sân bóng rổ, tới cuối phố rồi quay lại. Tôi cứ nghĩ về viên bác sĩ. Ông có vẻ trẻ hơn cha tôi. Tôi hy vọng họ có gặp nhau. Tôi được biết ông trực phòng phụ khoa vào thứ Hai và thứ Năm, còn lại trong tuần ở khoa mổ, tiết niệu và bệnh tiêu hoá. Có thể ông biết cha tôi, hay có nghe nói, vì cha tôi khá nổi tiếng ở tỉnh hồi chưa bị dán nhãn kẻ thù giai cấp. Tôi thử hình dung cha hay mẹ tôi trong bộ áo phụ khoa, gặp cô bé thợ may và đứa con trai yêu quý trong phòng khám ở nhà thương huyện. Ông bà chắc sẽ kinh hoàng, một điều tệ nhất, tệ hơn cả Cách mạng Văn hoá! Họ sẽ đuổi chúng tôi ra ngay, mà không cho cơ hội giải thích tôi chẳng phải là cha đứa bé. Họ sẽ không bao giờ nhìn mặt tôi nữa. Thật điên rồ, nhưng giới trí thức tư sản mà người cộng sản đã giáng cho bao nhiêu gian khổ, về mặt đạo đức cũng không kém khắt khe như kẻ ngược đãi họ.

Chiều hôm đó tôi đi ăn hiệu. Chẳng phải tôi ham gì, vì món tiêu làm với túi tiền eo hẹp của tôi, nhưng đó là nơi duy nhất có thể tán gẫu với người lạ. Tôi nghĩ, biết đâu có thể gặp một tay mảnh mung nào đó biết chuyện phá thai trong nội bộ.

Tôi gọi món gà nướng tiêu và bát cơm. Tôi nán nã với bữa ăn - còn lâu hơn một ông móm, vì khi món ăn trên đĩa càng với, tôi càng mất tự tin. Bọn bắt hảo tới nhà hàng làm gì để bị chú ý?

Suốt hai ngày, việc nghiên cứu sản khoa của tôi không tiến được chút nào. Kể duy nhất tôi có thể đề cập vấn đề là ông gác đêm ở bệnh viện, một cựu cảnh sát ba mươi tuổi, bị cách chức năm ngoái vì ngủ với hai

đưa con gái. Tôi ngồi trong trạm gác của ông tới nửa đêm, đáng cờ và tán dóc. Ông nhờ tôi giới thiệu với gái đẹp đang cải tạo trên núi mà tôi khoác lác là mình thành thạo, nhưng thẳng thừng từ chối nghe chuyện tôi kể về bạn gái của mình bị tắt kinh.

Ông nói, hoảng sợ thấy rõ:

“Tao chả muốn đây. Ban quản trị bệnh viện biết tao liên can tới vụ đó, họ sẽ kết tội tái phạm và tổng ngay tao vô tù.”

Trưa hôm sau, hết hy vọng tới gần viên bác sĩ phụ khoa, tôi chuẩn bị chuyển quay về núi. Bỗng nhiên, tôi nhớ tới ông già giảng đạo.

Tôi không biết tên ông, nhưng nhớ gặp ông với mái tóc bạc dài phát phơ trong gió giữa đám khán giả xem phim. Lạc và tôi thích bộ dạng ông. Ông có vẻ quý phái, ngay cả trong bộ đồng phục xanh công nhân quét đường với cây chổi cán thật dài, ngay cả khi ông bị dân phố chế giễu và phỉ nhổ, kể cả thằng nhãi ranh năm tuổi. Hai mươi năm qua ông bị cấm hành đạo.

Mỗi khi nghĩ đến ông giảng đạo, tôi nhớ câu chuyện nhà ông bị bọn Vệ binh đỏ lục soát. Chúng tìm thấy dưới gối cuốn sách ngoại ngữ không ai biết là gì. Phản ứng của chúng không khác với thằng què và đồng bọn khi đối diện cuốn *Cousin Pons* của tôi. Chúng phải gửi chiến lợi phẩm tới tận Đại học Bắc Kinh để nhận dạng, và hoá ra là cuốn *Thánh kinh* tiếng La Tinh. Sau khi bị phát giác là người đạo Kỵ Tô, kẻ bất hạnh bị buộc phải quét con lộ Ổ Vĩnh Kính suốt đời từ sáng tới tối, bất kể mưa nắng. Lúc Lạc và tôi gặp ông, ông đã trở thành hình ảnh thường nhật trong thị trấn.

Hỏi ý một người giảng đạo về vấn đề phá thai tế nhị dường như hơi thái quá. Tôi tự hỏi phải chăng việc của cô bé thợ may làm tôi mất khôn. Rồi tôi chợt nhận ra không thấy ông quét đường tóc hoa râm, đều đặn mấy móc quơ cây chổi cán dài từ khi tôi đến thị trấn ba hôm trước.

Tôi hỏi người bán thuốc lá liệu ông cụ đã hết hạn lao động cường bách. Ông nói:

“Không. Ông ấy sắp chết, tội nghiệp.”

“Chuyện gì xảy ra cho ông ấy thế?”

“Ung thư. Hai người con từ thành phố về thăm. Họ đã đưa ông ấy vào bệnh viện.”

Nghe thế, tôi quay lưng bỏ chạy dù không biết tại sao. Tôi chạy thật nhanh trên con lộ tới cuối phố. Khi đến khu bệnh nội trú, tôi hụt hơi, nhưng biết mình phải làm gì: tôi sẽ đến gặp ông quét đường giảng đạo đang hấp hối để xin lời khuyên cuối cùng.

Vào đến bên trong bệnh viện, tôi ngợp vì mùi tẩy uế lẫn với mùi nhà xí và mùi nấu nướng dầu mỡ. Nơi đó giống như trại tị nạn thời chiến, phòng bệnh vừa là nhà bếp. Xoong chảo, thớt, ấm nước, rau, trứng, lọ muối, chai xì dầu và giấm rải rác khắp nơi: giữa giường bệnh, chậu nước và giá sắt treo chai truyền máu. Vào giờ trưa này, phần lớn bệnh nhân hình như đang lúi húi trên chảo nghi ngút khói, thò đũa vào nước dùng và khuấy mì sợi, hay đang bận làm trứng tráng xì xèo và xào nấu trên chảo mỡ.

Cảnh hỗn loạn và tiếng ồn làm tôi choáng váng. Tôi không biết các bệnh viện huyện không trang bị nhà bếp thích nghi, và bệnh nhân phải tự nấu ăn bất kể ốm đau thế nào, quả thật, bất kể họ tàn tật hay ngay cả cụt tay chân. Quán trong thạch cao đỏ, đen hay xanh, dải băng tuột ra và lất phất trong hơi nước từ nồi nấu bốc lên, những người bếp tàn tật gây một ấn tượng trở trêu.

Tôi tìm thấy ông giảng đạo hấp hối trong phòng bệnh sáu giường. Ông đang được truyền nước muối. Quanh ông là hai con trai và người con dâu, họ đều trạc bốn mươi. Một bà lão vừa khóc vừa nấu nướng trên bếp dầu ở chân giường. Tôi nép xuống cạnh bà. Tôi hỏi:

“Cụ là vợ Ông ấy?”

Bà gật đầu. Hai tay bà run rẩy, vì thế tôi đập trứng vào nồi hộ bà.

Cả hai người con trai mặc bộ áo Mao, cúc cài lên tới cổ. Họ có tác phong người phụ tá lễ tang hay viên chức chính quyền, nhưng họ làm tôi nhớ đến một cặp ký giả đang cố sức chữa cái máy hát băng từ ọp ẹp. Cái máy đã rỉ sét, lách cách, kéo kẹt, lớp sơn men vàng đã tróc.

Tiếng ré chói tai, bất ngờ phát ra từ máy hát làm giật mình các bệnh nhân khác trong phòng, họ buông bát xuống, rơi vãi thức ăn lên khắp khăn trải giường.

Người con thứ ra hiệu cho người trong phòng im lặng, trong khi người anh ghé micrô lên môi ông giảng đạo.

Người con lớn nài nỉ:

“Nói gì đi bố.”

Mái tóc bạc của ông cụ rụng gần hết, mặt ông đỏ không còn nhận ra. Ông là cái bóng của mình ngày trước, nhô xương, da mỏng như tờ giấy, vàng úa và mờ đục. Thân hình ông một thời trắng kiêu teo lại còn phân nửa. Quá yếu không cử động nổi dưới khăn giường lên chặt, và hiển nhiên đau đớn, ông giương mí mắt nặng nề. Dấu hiệu sinh khí này làm người nhà ông ngạc nhiên và mừng rỡ. Micro lại đưa lên môi ông, máy ghi âm bắt đầu quay lại xạo như giấy ông giẫm trên mảnh thủy tinh.

Người con trai ông giảng đạo van nài:

“Cố lên bố ạ. Chúng con muốn ghi lại tiếng bố lần cuối cho các cháu có cái để nhớ ông.”

“Bố chỉ cần lặp lại một câu của Mao chủ tịch thôi cũng tốt. Chỉ vài tiếng, hay một câu khẩu hiệu, nào, cố lên! Chúng sẽ biết ông nội không phải phản động, ông nội bỏ qua hết!”

Môi ông giảng đạo run khê khi ông cố nói vài lời, nhưng hầu như không thành tiếng. Phút sau, ông lại cố, nhưng không ai hiểu những lời thì thào của ông. Ngay cả bà cụ cũng phải nhận rằng không hiểu ông nói đầu của tai nheo gì.

Rồi ông hôn mê.

Người con trai quay băng từ lại, sau đó cả gia đình lắng nghe lần nữa câu nói bí ẩn.

Người con trưởng tuyên bố:

“La Tinh. Bố nói lời cầu nguyện cuối bằng tiếng La Tinh.”

Bà cụ rút khăn tay lau mồ hôi trên trán ông và nói:

“Ông ấy như thế.”

Ngay lúc đó, tôi vụt đứng lên đi ra cửa, không một lời giải thích. Tình cờ, tôi thoáng thấy viên bác sĩ phụ khoa áo trắng đứng như ma trong khung cửa; như phim chiếu chậm, tôi thấy ông hút hơi thuốc cuối cùng, thở khói ra, búng đuôi thuốc văng xa, và biến mất.

Vội vàng băng ngang phòng, tôi đánh đổ chai xì dầu và giẫm phải cái chảo không bỏ trên sàn khiến tôi chậm lại. Lúc tôi đến cửa không còn thấy bóng dáng ông bác sĩ ở đâu.

Tôi đi vội xuống hành lang hy vọng bắt kịp ông, liếc vào từng khung cửa và hỏi mọi người đi ngang liệu có biết ông ở đâu. Cuối cùng, một bệnh nhân chỉ cánh cửa tận cuối.

“Tôi thấy ông vô đó, vô phòng cấp cứu. Hình như có tai nạn ở Xưởng Hồng Kỳ: có người kẹt tay vô máy bị nghiền đứt năm ngón.”

Lúc đứng trước cánh cửa đóng, tôi nghe người bị thương rên rỉ. Tôi khê đẩy, cửa mở ra không một tiếng động.

Bệnh nhân đang được băng bó ngồi trên giường, trần lưng, cổ cứng đơ, đầu ngửa dựa tường. Ông trạc ba mươi, thân hình lực lưỡng sạm nắng và đôi vai vạm vỡ. Tôi lên vào phòng đóng cửa lại. Bàn tay đập của ông quần sơ lớp gạc. Máu nhả qua lớp vải trắng hoen ố, nhiều xuống chậu sắt dưới sàn nhà cạnh giường, tích tắc như chiếc đồng hồ hỏng, giữa tiếng kêu đau của người bệnh.

Viên bác sĩ có vẻ mệt mỏi của một người mất ngủ như lần đầu tiên tôi gặp ông ở phòng khám, nhưng lúc này ông hình như ít lạnh nhạt hơn, ít xa cách hơn. Ông khởi sự mở cuộn gạc lớn và băng nhiều vòng bàn tay bệnh nhân mà không chú ý tới tôi. Hiển nhiên ông mải mê vào công việc không để ý tới cái áo khoác da cừu của tôi.

Tôi tìm thuốc lá trong túi, mồi lửa. Rồi bước tới giường, và với cử chỉ hầu như lơ đãng, tôi đặt điều thuốc lên miệng bác sĩ, hay đúng hơn, vào giữa môi ông, như tặng vật nhân danh cô bé thợ may. Ông liếc nhanh nhìn tôi không nói, và vừa hút điều thuốc vừa chăm chú băng bó. Tôi đốt một điều khác mời bệnh nhân. Ông kẹp lấy giữa các ngón tay phải.

Viên bác sĩ đưa tôi một đầu cuộn băng và nói:

“Giúp tôi một tay Siết cho chặt.”

Từ hai bên giường chúng tôi kéo chặt băng, như hai người dùng dây buộc gói hàng.

Máu ngừng chảy, và khi tiếng rên của bệnh nhân đã ngớt, điều thuốc tuột khỏi các ngón tay ông; ông ngủ ngay, bác sĩ giải thích là nhờ thuốc mê.

Ông vừa buộc nút băng cuối cùng vừa hỏi:

“Chú là ai?”

Tôi nói với ông:

“Cháu là con một bác sĩ ở bệnh viện tỉnh. Thật ra, ba cháu không còn làm ở đó nữa.”

“Ông ấy tên gì?”

Tôi định nói tên cha của Lạc, nhưng tên cha tôi buột ra khỏi miệng. Sau đó là nỗi im lặng bứt rứt. Tôi cố ấn tượng không những ông nghe danh cha tôi mà cũng biết về những rắc rối chính trị của ông.

Ông hỏi:

“Chú muốn gì?”

“Em gái cháu. Nó bị rắc rối về kinh nguyệt... đã ba tháng nay rồi.”

Ông lạnh lùng nói:

“Không thể nào có chuyện đó.”

“Xin lỗi bác sĩ?”

“Ba của chú không có con gái. Chú mày nói láo - cút đi cho khuất mắt!”

Ông không to tiếng, cũng không xua tay đuổi tôi đi, nhưng tôi biết ông rất giận. Ông gần như ném đuôi điều thuốc vào mặt tôi.

Xấu hổ đỏ mặt, tôi cầm đầu ra cửa, nhưng sau vài bước, tôi quay lại đối diện ông và nghe tiếng mình nói:

“Cháu có một đề nghị: nếu bác giúp bạn cháu, cô ấy sẽ biết ơn bác suốt đời, và cháu sẽ cho bác một cuốn của Balzac.”

Thật sững sốt khi nghe tên tác giả Pháp thốt lớn trong bầu không khí phòng khám bệnh này, trong một nhà thương huyện giữa chốn đồng không mông quạnh này. Viên bác sĩ hơi lưỡng lự, rồi mở miệng nói:

“Tao đã bảo chú mày là thằng nói láo. Làm sao mà chú có một cuốn sách của Balzac được?”

Tôi không đáp, cởi áo khoác da cừu, lộn ngược ra cho ông xem chữ trên mặt da; mực đã hơi mờ, nhưng chữ viết còn đọc được.

Ông chăm chú nhìn chữ viết, rồi rút gói thuốc ra mời tôi một điều, và lấy một điều hút trong khi tha thiết đọc.

Ông lẩm bẩm:

“Bản dịch đúng là của Phù Lôi, xem phong cách thì biết. Ông ta cũng chịu số phận như cha của chú, tội nghiệp: ông ấy bị mang nhãn hiệu kẻ thù giai cấp.”

Lời bình phẩm của ông làm tôi khóc. Tôi cố kìm nhưng không được, và sụt sùi như đứa bé. Tôi nghĩ mình không khóc vì tình thế khó khăn của cô bé thợ may, cũng không vì nhẹ nhõm sau bao cố gắng cứu cô, mà

vì nghe tên Phù Lôi, người dịch Balzac - một người tôi chưa từng gặp. Khó mà hình dung một cách tỏ lòng tôn kính cảm động hơn về món quà người trí thức ban cho nhân loại.

Hồi đó cảm xúc tràn ngập này khiến tôi rất ngạc nhiên, và ngay cả ngày nay tôi nhớ hầu như càng rõ hơn những biến cố xảy ra sau cuộc gặp gỡ với viên bác sĩ. Thứ Năm sau - ngày do viên bác sĩ tháo vát và yêu văn chương ấn định - cô bé thợ may cải trang làm một bà ba mươi tuổi quần khăn trắng trên trán, trình diện ở phòng phẫu thuật. Vì thủ phạm của cái bào thai chưa từ thành phố về, tôi ngồi đợi ba tiếng đồng hồ trong hành lang, đồng tai nghe những gì xảy ra sau cánh cửa khép: những tiếng động xa xôi, nghẹn tiếng, vòi nước chảy, tiếng kêu xé tai của một phụ nữ, lời trao đổi dửng dưng không rõ của y tá, tiếng bước chân đi vội...

Việc thành công. Rốt cuộc khi được gọi, tôi vào phòng sức mùi thuốc khử trùng để gặp viên bác sĩ phụ khoa đang đợi. Trong khi đó cô bé thợ may ngồi trên giường bệnh ở cuối phòng, được y tá giúp mặc áo.

Viên bác sĩ thì thầm:

“Con gái, nếu chú muốn biết.”

Ông đánh diêm châm thuốc.

Chúng tôi đã thỏa? thuận trước là tôi sẽ cho ông bản Ursule Mirouët, nhưng sau khi suy nghĩ tôi quyết định tặng thêm ông cuốn sách tôi quý nhất - Jean-Christophe - cũng do Phù Lôi dịch.

Dù vẫn còn lảo đảo sau nỗi khó khăn, cô bé thợ may nhẹ nhõm thấy rõ. Thật vậy, không có gì lớn hơn bản án chung thân vừa được cất bỏ.

Cô khư khư nói không cần nghỉ ở quán trọ trước khi lên đường về nhà. Thay vào đó, cô muốn viếng nghĩa trang, nơi chôn ông cụ giảng đạo hai hôm trước. Cô nói không những nhờ ông mà tôi đã quay lại bệnh viện, mà cũng vì một cách bí ẩn nào đó ông đã thu xếp cuộc gặp gỡ của tôi với viên bác sĩ phụ khoa. Chúng tôi tiêu số tiền ít ỏi còn lại mua một ký quít để cúng trên mộ Ông đánh dấu bằng phiến xi măng kín đáo. Chúng tôi tiếc rằng mình không biết tiếng La Tinh, và không thể nói lời điệu văn bằng thứ ngôn ngữ ông đã dùng trong phút cuối đời (chẳng rõ là đọc một câu khấn chúa của ông, hay nguyện rửa cuộc đời phu quét đường của ông). Chúng tôi thảo luận một lúc về việc có nên long trọng thề sẽ học tiếng La Tinh để có ngày trở lại nói với ông bằng ngôn ngữ đó. Rốt cuộc chúng tôi quyết định thôi, vì biết tìm đâu cuốn sách vỡ lòng tiếng La Tinh? (Nơi duy nhất chúng tôi có thể nghĩ ra là nhà cha mẹ Bốn Mắt). Vả lại, chúng tôi sẽ chẳng bao giờ tìm được ai dạy, vì chúng tôi chưa từng nghe có người Hoa nào ở vùng này biết tiếng La Tinh.

Chữ khắc trên bia mộ Ông rất giản dị: tên và hai ngày, thế thôi. Dấu hiệu duy nhất về tôn giáo ông đã có thời giữ là chữ thập sơn đỏ thông tục, như thể ông từng là được sĩ hay bác sĩ.

Tuy nhiên, chúng tôi đã thề rằng sẽ có một ngày trong tương lai xa vời, khi tôn giáo không còn bị cấm đoán nữa, và chúng tôi có thật nhiều tiền, chúng tôi sẽ quay lại dựng một tượng đài đẹp sắc sảo để kỷ niệm ông, khắc chân dung một người đàn ông tóc bạc đội vòng gai như Jesus đã đội. Nhưng ông sẽ không bị đóng đinh vào lòng bàn tay - Ông sẽ cầm cây chổi cán dài.

Sau đó cô bé thợ may nói cô muốn viếng ngôi đền cũ thờ Phật, để ném vài đồng qua hàng rào, để tỏ lòng biết ơn trời. Nhưng ngôi chùa đã bị bít kín và khoá, và chúng tôi đã tiêu hết số tiền của mình.

*

Câu chuyện như thế. Giờ đã đến lúc kết thúc. Đã đến lúc bạn nghe tiếng đánh sáu que diêm vào một đêm đông.

Hôm đó đã ba tháng sau khi cô bé thợ may phá thai. Trời tối đen, tiếng gió nhẹ thì thầm lẫn với tiếng ừ ừ từ chuồng heo. Đã ba tháng từ khi Lạc về lại vùng sơn cước.

Không gian sương giá. Tiếng đánh diêm xoẹt xoẹt khô khan phá tan sự yên tĩnh. Bóng đen của căn nhà sàn chúng tôi lù lù cách đó vài bước, mở trong ánh vàng và run rẩy trong màn đêm.

Que diêm cháy xèo, suýt tắt trong làn khói đen của chính nó, rồi lại bùng cháy khi đến gần Père Goriot. Cuốn sách nằm trên mặt đất cùng các cuốn khác trước nhà chúng tôi. Ngọn lửa liếm các trang giấy, quần quai và quần lẩy nhau lúc hàng chữ biến mất trong gió. Cô gái Pháp mộng du đáng thương tỉnh giấc vì

đám cháy, nàng cố thoát thân, nhưng đã quá trễ: trước khi có thể đoàn tụ với người anh họ yêu quý, nàng cũng bị chìm ngập trong ngọn lửa cùng với bọn tham tiền, bọn theo đuổi nàng, và gia sản hàng triệu bạc - tất cả tan biến thành khói.

Ba que diêm kể lần lượt làm giàn thiêu Cousin Pons, Colonel Chabert và Eugénie Grandet. Rồi đến Thăng Gù Nhà Thờ Đức Bà, với Quasimodo tập tễnh qua các phiến đá lát đường vác Esmeralda trên lưng. Que diêm thứ sáu tính tới Madame Bovary. Nhưng ngọn lửa không chịu đốt trang Emma cùng người yêu nằm trên giường trong khách sạn ở Rouen, hút thuốc và thì thầm “anh sẽ xa em...”. Que diêm cuối cùng này kén chọn hơn trong cơn cuồng nộ của nó, tấn công đoạn cuối sách, lúc Emma trong cơn đau đớn vì cái chết, mơ tưởng nàng nghe người đàn ông mù hát:

Hơi nóng của trời hè

Đắm say lòng thiếu nữ

Cây vĩ cầm tấu lên khúc nhạc tang, cùng lúc đó ngọn gió giật tấn công cuộc phần thư, gieo rắc tro mới của Emma, hoà lẫn với những người cùng xứ sở đã thành than của nàng bay bổng lên không trung.

Một bụi tro bám lấy cây vĩ đang kéo trên những sợi dây sắt lấp lánh phản chiếu ánh lửa. Nhạc cụ của tôi, và tôi là người chơi đàn.

Lạc là kẻ phóng hoả, con một nha sĩ lừng danh, người tình lãng mạn từng bỏ đến tình nhân, kẻ hâm mộ Balzac - Lạc đang say. Nó ngồi khom trên ngọn lửa, thôi miên vì lửa đang thiêu hủy tất cả các câu chuyện và nhân vật chúng tôi đã từng yêu mến thiết tha. Nó hết khóc rồi lại cười.

Không có ai chứng kiến cảnh này. Dân làng đã quen tiếng vĩ cầm của tôi, hiển nhiên họ thích nằm trong giường ấm. Chúng tôi ước gì có người bạn già của mình, ông thợ máy xay, chơi cây đàn ba dây vừa hát những bài ca tục tĩu xưa cũ của ông vừa làm các nếp nhăn trên bụng ông dợn sóng. Nhưng ông ốm: hai hôm trước chúng tôi đến thăm, ông bị cúm.

Cuộc phần thư tiếp diễn. Viên Bá tước lừng danh Monte Cristo từng trốn thoát khỏi ngục tối ở lâu đài trên đảo giữa biển, cũng bị làm mờ cho ngọn lửa điên cuồng của Lạc. Không một nhân vật nào được ân xá, nam cũng như nữ, những kẻ đã có lần sống trong va li của Bốn Mắt.

Ngay cả nếu trường làng xuất hiện bất ngờ cũng không làm chúng tôi ngưng cơn cuồng loạn của mình. Thật ra, chúng tôi đã quá say đến nỗi có thể sẽ xem ông như một nhân vật trong tiểu thuyết và thiêu sống ông.

Thế đấy, chung quanh vắng tanh. Cô bé thợ may đã ra đi, không bao giờ trở lại. Sự ra đi của cô, vừa kịch tính vừa đột ngột, đã làm chúng tôi hoàn toàn ngạc nhiên.

Chúng tôi phải mất rất lâu tìm trong ký ức thương tổn của mình dấu hiệu nào cô ấy tỏ ra rằng tai hoạ. sẽ xảy đến với chúng tôi. Cuối cùng, chúng tôi nhận ra vài điểm báo, phần lớn liên quan đến tủ áo của cô.

Độ hai tháng trước, Lạc kể cho tôi rằng cô đã tự may cho mình một cái nịt ngực. Nó nói cô lấy cảm hứng từ Madame Bovary. Tôi bình phẩm đó sẽ là món đồ lót phụ nữ đầu tiên trên núi Phụng Hoàng đáng ghi vào biên niên sử địa phương.

Lạc nói tiếp:

“Nỗi ám ảnh gần đây nhất của cô nàng là giống con gái thị thành. Lần sau nghe cô nàng nói, mày sẽ thấy cô nàng bắt chước giọng tụi mình.”

Chúng tôi xem niềm hăng hái với chiếc nịt ngực của cô như chuyện phù phiếm con gái vô tội vạ, nhưng có hai món tân kỳ khác không giải thích được lại không khiến chúng tôi ngạc nhiên, dù cho cả hai món chẳng thích hợp với y phục miền núi. Thoạt tiên, cô lấy lại cái áo Mao màu xanh đã may cho tôi với ba khuy áo mạ vàng trên cánh tay; tôi chỉ mặc một lần duy nhất khi Lạc và tôi trang trọng đến thăm ông thợ xay. Cô lộn mối nối vào, và cắt ngắn đi cho giống y phục phụ nữ, nhưng vẫn để bốn túi và cổ áo đứng. Kết quả rất khéo, nhưng hồi đó một cái áo khoác như thế chỉ có phụ nữ thành phố mặc. Kế tiếp, cô xin cha mua cho một đôi giày quần vợt trắng trong cửa hàng ở Vĩnh Kính. Đôi giày trắng như phấn, một màu không thọ nổi ba ngày trên các con đường bùn lầy vô tận của vùng sơn cước.

Tôi cũng nhớ cô hôm đầu năm dương lịch. Hôm đó không phải là ngày lễ, mà chỉ là ngày nghỉ cả nước. Lạc và tôi đến gặp cô như thông lệ. Tôi suýt không nhận ra cô lúc bước vào nhà: tôi ngỡ cô là học sinh trung học ở thành phố. Bím tóc dài buộc ruy bằng đỏ nhường chỗ cho mái tóc ngắn, rất hợp và tân thời. Cô đang bận may cho xong cái áo Mao. Lạc vui mừng thấy cô biến đổi, dù nó cũng ngạc nhiên như tôi. Thậm chí nó còn khoái chí hơn, khi cô xỏ tay vào bộ áo mới bảnh bao vừa may xong. Cùng với kiểu tóc mới và đôi giày quần vớ không một vết nhơ, chiếc áo khoác đúng mốt, với các chi tiết nam nhi, khiến cô trông thời trang và gợi cảm lạ lùng. Cô sơn nữ yêu kiều, giản dị, biến mất không một dấu vết. Nhìn dáng vẻ mới của cô, Lạc tràn ngập niềm hạnh phúc của một nghệ sĩ ngắm tác phẩm đã hoàn tất của mình.

Nó thì thâm vào tai tôi:

“Tất cả những lúc mình đọc cho cô ấy rõ ràng có kết quả.”

Kết quả tối hậu của biến đổi này, kỳ công cải tạo kiểu Balzac này, chúng tôi không hiểu rằng chưa xảy ra. Phải chăng chúng tôi đã quá tự mãn để thấy những dấu hiệu cảnh báo? Phải chăng chúng tôi đánh giá quá cao sức mạnh của tình yêu? Hay đơn giản chỉ vì tự chúng tôi không nắm bắt được tinh túy của các cuốn tiểu thuyết chúng tôi đọc cho cô?

Một buổi sáng tháng Hai - một ngày trước giàn hoa? diên rồ của chúng tôi - Lạc và tôi làm việc trên đồng lúa, mỗi đứa một con trâu, chúng tôi nghe tiếng la hét trong làng. Chúng tôi vội trở về để xem chuyện gì náo loạn, và thấy bác thợ may già đang đợi chúng tôi ở ngôi nhà sàn.

Chúng tôi đoán có chuyện rắc rối, vì ông đến không báo trước và không mang theo máy may, nhưng khi chúng tôi bước tới, khuôn mặt hốc hác dữ tợn và mái tóc rối của ông khiến chúng tôi sợ.

Ông thông báo:

“Con gái bác bỏ nhà đi, lúc sáng sớm.”

Lạc há hốc miệng:

“Bỏ nhà? Cháu không hiểu.”

“Bác cũng không hiểu, nhưng nó làm thế đấy.”

Ông kể con gái ông đã giấu ông đi nộp đơn với xã trưởng để xin giấy tờ cần thiết làm một chuyến đi xa. Chỉ mới tối hôm qua cô mới nói cho ông biết về dự tính đổi đời của mình và muốn thử thời vận ở thành phố.

Ông nói tiếp:

“Bác hỏi nó rằng hai cháu có biết không. Nó bảo nó không nói với các cháu, và nó sẽ viết thư cho các cháu ngay sau khi ổn định ở đâu đó.”

Lạc than van không thành lời:

“Sao bác không ngăn cô ấy?”

Ông cụ đàn độn trả lời:

“Quá muộn rồi, quá muộn rồi. Thậm chí bác bảo nó: nếu bây giờ mày đi thì đừng bao giờ về nữa.”

Nghe thế Lạc bỏ chạy, càng lúc càng nhanh, tuyệt vọng cầm đầu xuống đường núi dốc để đuổi theo cô bé thợ may. Tôi theo sau nó, tắt ngang qua các tảng đá. Như một trong những cơn mộng dữ ám ảnh tôi sau này, cô bé thợ may trượt chân và rơi vào khoảng không, Lạc và tôi đuổi theo sau cô, tuột xuống vực dốc đứng mà không nghĩ tới nguy hiểm cho chính mình. Trong một lúc, tôi không biết mình đang chạy trong mơ hay trong thực tại, hay tôi vừa mơ vừa chạy. Các tảng đá hầu như cùng màu xám, với những vệt rêu ẩm ướt trơn trượt.

Dần dần Lạc bỏ xa tôi. Khi chạy, tôi nhảy từ tảng đá này sang tảng đá khác, và trườn trên các mô đá, đoạn cuối giấc mơ của tôi trở lại với chi tiết sắc nhọn. Tiếng kêu báo gở của con quạ mỏ đỏ lượn vô hình trên đầu vang lên trong tai tôi; bất cứ lúc nào tôi cũng có thể thấy thi thể cô bé thợ may nằm ở đáy vực, gập đôi người trên nền đá, hai vết cắt chảy máu từ ót suốt tới vầng trán xinh của cô. Bắp thịt đau nhức và trí tôi quay cuồng. Tôi tự hỏi vì sao mình đuổi theo Lạc băng qua dốc núi nguy hiểm này? Tình bạn chẳng?

Tình mến thương của tôi với bạn gái của nó chẳng? Hay tôi chỉ là kẻ bàng quan không muốn lỡ màn cuối vở kịch? Tôi không rõ, nhưng hoài niệm về giấc mơ xưa vẫn quay cuồng trong đầu tôi.

Sau hai ba giờ chạy, nhảy, trườn, ngã, và thậm chí nhào lộn, một chiếc giày của tôi rách toang, cuối cùng tôi thấy bóng cô bé thợ may trên tầng đá nhìn xuống nghĩa trang. Thấy cô còn sống và khoẻ mạnh khiến tôi nhẹ nhõm và có thể xua đi cơn ác mộng trong trí.

Tôi bước chậm lại tới khi gục ngã bên vệ đường, chóng mặt, kiệt sức, bụng tôi phập phồng.

Khung cảnh quen thuộc. Chính nơi đó vài tháng trước tôi gặp nữ thi sĩ mẹ của Bốn Mắt. Tôi tự nhủ thật may mắn, cô bé thợ may đã ngừng lại nơi đây để từ biệt tổ tiên bên ngoài của cô, vì tôi không thể tiếp tục chạy thêm nữa mà không lên cơn đau tim hay mất trí.

Từ chỗ mình trên đường mòn, tôi thấy rõ cảnh gặp nhau của họ, khởi sự khi cô quay đầu về hướng Lạc đang tiến lại gần. Như tôi, Lạc gục xuống đất vì kiệt sức.

Tôi dụi mắt hoài nghi, cảnh tượng biến thành hình ảnh bất động: cô gái trong áo khoác đàn ông, tóc ngắn và giày trắng, ngồi im hoàn toàn trên tầng đá, trong khi đứa con trai nằm sóng soài trên mặt đất, nhìn đắm đắm những đám mây trên cao. Họ dường như không nói; ít ra tôi chẳng nghe gì. Tôi hầu như muốn có một cuộc chạm trán sôi nổi, với những lời cáo buộc, giải thích lớn tiếng, những dòng nước mắt đầm đìa, những lời lăng mạ, nhưng chỉ có im lặng. Ngoại trừ khói thuốc cuộn bay lên từ miệng Lạc, họ ngỡ như tượng đá.

Trong nhiều tình huống, cơn cuồng giận dâng trào đồng nghĩa với im lặng lạnh lùng, và dù sao đi nữa cũng khó so sánh hai cách trách cứ khác nhau đến thế, nhưng đối với tôi hình như Lạc đã sai lầm trong chiến lược của mình, hay cam chịu quá nhanh tới mức không tranh cãi.

Tôi gom củi và lá để đốt dưới gờ đá. Tôi thò tay vào cái túi nhỏ mang theo, lôi ra vài củ khoai vùi dưới than hồng.

Một cách thăm kín, lần đầu tiên tôi giận cô bé thợ may. Dù biết rõ vai trò khán giả của mình, tôi cảm thấy bị phản bội như Lạc, không vì quyết định rời miền sơn cước của cô, mà vì sự kiện cô đã không nghĩ tới việc kể cho tôi nghe. Tôi cảm thấy tất cả những gì chúng tôi cùng chia sẻ để thực hiện phá thai đã bị xoá bỏ trong tâm thức cô, như thể tôi chỉ là và mãi mãi sẽ là bạn của bạn cô.

Tôi lấy một que nhọn xiên củ khoai lang trong đám than hồng, đập nó lên một viên đá, thổi tro bụi. Rồi bất chợt tôi nghe tiếng nói: hai bức tượng đang nói chuyện. Dù họ nói nhỏ, rõ ràng họ khích động. Tôi thoáng nghe tên Balzac, và tự hỏi chuyện này liên can gì đến ông.

Tôi mừng vì im lặng đã tan, nhưng trước khi tôi kịp đóng tai nghe cuộc đối thoại của họ, hai hình đá bỗng cử động: Lạc lao đảo đứng dậy và cô nhảy xuống khỏi tầng đá. Nhưng thay vì lao vào cánh tay của người yêu tuyệt vọng, cô túm lấy cái túi và sải chân xuống lối đi.

Tôi vừa hét vừa vẫy củ khoai lang:

“Khoan. Tới đây ăn đã! Tôi có món ngon đây này!”

Tiếng hét đầu tiên của tôi khiến cô nhanh bước chân, tiếng thứ hai cô bỏ chạy, và tiếng thứ ba cô phóng như bay, càng lúc càng nhỏ đến khi mất hút.

Lạc tới ngồi với tôi bên đồng lửa. Nó xanh mướt. Không một lời than trách hay buồn bã thoáng qua môi nó. Lúc đó chỉ vài giờ trước cuộc hoa? thiêu.

Tôi nói:

“Cô ấy đi rồi.”

“Cô ấy muốn ra thành phố. Cô ấy nhắc tới Balzac.”

“Ông ta làm sao?”

“Cô ấy nói đã học được một điều từ Balzac: rằng vẻ đẹp của phụ nữ là kho tàng vô giá.”

Dịch theo bản tiếng Anh, Balzac and the Little Chinese Seamstress, của Ina Rilke, Alfred A Knopf xuất bản năm 2001 tại New York.

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/balzac-va-co-be-tho-may-trung-hoa>